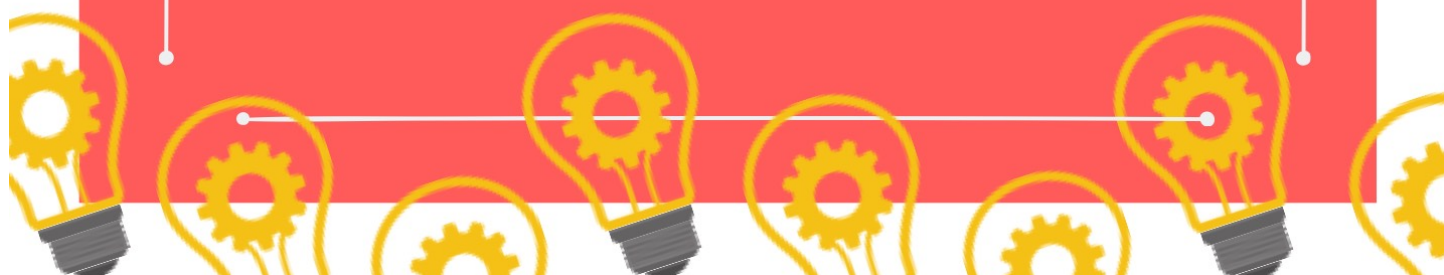


ENGONOW

Giải đề IELTS SPEAKING 2019 Song ngữ

A little more persistence, a
little more effort, and what
seemed hopeless failure may
turn to glorious success

-Elbert Hubbard-



KHANG IELTS

The Inspiration

ENGONOW



WWW.ENGONOW.COM
WWW.IELTSMASTERHCM.COM

0969.979.099
facebook.com/tienganhngonow

GIỎI TIẾNG ANH- ĐẠT IELTS- TRỞ THÀNH CÔNG DÂN TOÀN CẦU.
GỌI NGAY:

0969.979.099 (KHANG IELTS)

<https://www.facebook.com/khangielts>

THAM GIA CLB TIẾNG ANH ENGONOW:

<https://www.facebook.com/groups/tuhocielts.reading.listening/>

INBOX NGAY:

<https://www.facebook.com/tienganhngonow/>

<https://www.facebook.com/ieltsmasterhcm/>

CLB TIẾNG ANH FREE VỚI TUTOR IELTS 7.0



KHAI GIẢNG HÀNG THÁNG

IELTS -GIAO TIẾP-TOEIC

STARTERS-MOVERS-FLYERS

10-11-12-THPTQG.

LIÊN HỆ:

0969.979.099 (THẦY KHANG IELTS)

WEBSITE:

FB.COM/IELTSMASTERHCM

ENGONOW.COM

FB.COM/KHANGIELTS

FB.COM/TIENGANHENGONOW



Table of Contents

1- Describe a person you know who speaks a foreign language well.....	5
2- Describe an activity you do to stay healthy.....	10
3- Describe an impressive advertisement you remember well.....	11
4- Describe a water sport you would like to try in the future.	14
5- Describe a person who has interesting ideas or opinions.	16
6- Describe a good experience of online shopping.....	20
7- Describe a singer that you like.	24
8- Describe a time that you invited family or friends to have dinner at home or in a restaurant.....	27
9- Describe an occasion you got up early in the morning.....	31
10- Describe a practical skill you learnt.	35
11- Describe a time you visited a place with friends.....	36
12- Describe the information that was incorrect that you got.....	38
13- Describe a time when someone didn't tell you the whole truth about something	41
14- Describe a person who helps others in his spare time.	44
15- Describe a park or garden you visited and liked	45
16- Describe a time you taught something new to a younger person	47
17- Describe a time you heard someone you didn't know talking on the phone in a public place.	48
18- Describe a friend or a person who encouraged you to achieve a goal.....	53

19-	<i>Describe a historical building you have visited.....</i>	<i>55</i>
20-	<i>Describe something a child did that made you laugh.....</i>	<i>59</i>
21-	<i>Describe a time you enjoyed your free time</i>	<i>61</i>
22-	<i>Describe a person you wanted to be similar to when you were growing up.....</i>	<i>67</i>
23-	<i>Describe a quiz program or game show on TV.....</i>	<i>69</i>
24-	<i>Describe a regular thing you do every day.</i>	<i>73</i>
25-	<i>Describe a product or application which is based on artificial intelligence.....</i>	<i>75</i>
26-	<i>Describe a prize you want to get.....</i>	<i>79</i>
27-	<i>Describe an important technological product you bought.....</i>	<i>85</i>
28-	<i>Describe something that you brought home from a tourist attraction</i>	<i>90</i>
29-	<i>Describe a time you looked for information from the internet.....</i>	<i>95</i>
30-	<i>Describe a time you taught an older person something new.....</i>	<i>100</i>
31-	<i>Describe an unusual experience of traveling/ Describe a place you visited with your friends and you had a good time.</i>	<i>102</i>
32-	<i>Describe a female leader you would like to meet.....</i>	<i>108</i>
33-	<i>Describe a journey that you went on by car.....</i>	<i>111</i>
34-	<i>Describe a city you went to with your family</i>	<i>115</i>
35-	<i>Describe a toy you got in your childhood.....</i>	<i>117</i>
36-	<i>Describe a place you remember well that is full of colors.</i>	<i>121</i>

37-	<i>Describe a time you spent a lot of money on something.</i>	125
38-	<i>Describe a teenager you know</i>	128
39-	<i>Describe a time the vehicle you were travelling in broke down.</i>	129
40-	<i>Describe a period of time in the history of your country that you want to know more about.</i>	131
41-	<i>Describe a time you gave advice to others.</i>	133
42-	<i>Describe a piece of advice you received on your subjects or work.</i>	135
43-	<i>Describe a time when you used the internet to solve a problem.</i>	137
44-	<i>Describe a situation when you didn't have enough time</i>	141
45-	<i>Describe a time that you visited a friend</i>	144
46-	<i>Describe a historical period you are interested in.</i>	148
47-	<i>Describe someone you would like to study or work with.</i>	150
48-	<i>Describe a place where you read and write (not your home).</i>	153
49-	<i>Describe a film you would like to share with your friend.</i>	157
50-	<i>Describe a situation when you celebrated your achievement.</i>	161

1- Describe a person you know who speaks a foreign language well.

You should say:

who this person is

what language(s) they know

what he/she uses this language (or, these languages) for

and explain why you think they (he/she) learned it well.

In this case, I would like to talk about myself. I consider myself **a forever language learner**. It all started when I first began taking Spanish classes when I was 19 years old. Actually, I had always thought of languages as a foreign language code that I would never **be able to master**. However, I proved myself wrong, now seeing that I **have a knack for (have a special talent for)** languages. I'm now proficient in Vietnamese, Mandarin, English, and Portuguese!

First and foremost, I decided to learn these languages out of interest. Second of all, they **benefit my future, creating a window of opportunity (more opportunities)**. Speaking of Spanish in particular, I chose to **pursue it** because there is a large Latin American community in my city. Since I work in Marketing, it is

Trong trường hợp này, tôi muốn nói về bản thân mình. Tôi coi mình là **người học ngôn ngữ vĩnh viễn**. Tất cả bắt đầu khi tôi lần đầu tiên bắt đầu tham gia các lớp học tiếng Tây Ban Nha khi tôi 19 tuổi. Thật ra, tôi đã luôn nghĩ ngôn ngữ là một mã ngoại ngữ mà tôi sẽ không bao giờ **có thể thành thạo**. Tuy nhiên, tôi đã chứng minh rằng mình đã sai, khi bây giờ thấy rằng **tôi có sở trường về ngôn ngữ**. Bây giờ tôi thành thạo tiếng Việt, tiếng Quan Thoại, tiếng Anh và tiếng Bồ Đào Nha!

Đầu tiên và quan trọng nhất, tôi quyết định học những ngôn ngữ này vì hứng thú. Thứ hai, chúng **có lợi cho tương lai của tôi, tạo ra nhiều cơ hội hơn**. Nói riêng về tiếng Tây Ban Nha, tôi đã chọn **theo đuổi** nó bởi vì có một cộng đồng Mỹ Latinh rộng lớn trong thành phố của tôi. Vì tôi làm về Marketing, việc có **thể tiếp cận phạm vi rộng nhiều người là vô cùng quý**

extremely valuable to be able to **reach a wider scope (range) of people**. Other than just to **boost my career**, I simply enjoy the sound of the language! Lastly, I've always been attracted to Latino men so I wanted to be able to communicate with them!

First of all, I learned this language well because **I've always been dedicated to practicing**. Furthermore, since I had the opportunity to go abroad (to another country) to Argentina and Costa Rica, I was able to **put what I've studied to use**. **Immersing yourself in the country** is extremely beneficial. From this, I **picked up countless local slangs** and improved my pronunciation and speaking skills. For the times I haven't been abroad, I've always practiced at home and found language exchange groups to keep up my skill. All in all, it just takes practice!

Part 3

Is learning a new language important?

I would definitely say so. I feel that we better ourselves through each language we learn. For example, there is **concrete evidence** that language **strengthens our cognitive (brain) abilities** and **problem-solving**. Since I began my language studies, I feel that my memory has become much stronger and that I'm able to solve puzzles

giá. Khác với việc chỉ để **thúc đẩy sự nghiệp** của tôi, tôi chỉ đơn giản là tận hưởng âm thanh của ngôn ngữ! Cuối cùng, tôi đã luôn bị thu hút bởi những người đàn ông Latinh nên tôi muốn có thể giao tiếp với họ!

Trước hết, tôi học tốt ngôn ngữ này vì **tôi luôn luôn tận tâm luyện tập**. Hơn nữa, vì tôi có cơ hội ra nước ngoài đến Argentina và Costa Rica, tôi đã có thể **đưa những gì tôi học để sử dụng**. **Việc hòa mình vào đất nước** là vô cùng có lợi. Từ đó, **tôi biết được vô số tiếng lóng địa phương** và cải thiện kỹ năng phát âm và nói của mình. Trong những lần tôi định cư ở nước ngoài, tôi đã luôn luyện tập ở nhà và tìm các nhóm trao đổi ngôn ngữ để duy trì kỹ năng của mình. Tóm lại, việc này chỉ cần thực hành!

Phần 3

Học một ngôn ngữ mới có quan trọng không?

Tôi chắc chắn sẽ nói như vậy. Tôi cảm thấy rằng chúng ta sẽ làm bản thân tốt hơn thông qua mỗi ngôn ngữ chúng ta học. Ví dụ, có **bằng chứng cụ thể** rằng ngôn ngữ **củng cố khả**

better. Furthermore, I've **gained a greater understanding of my own native language!** Second of all, language creates countless more opportunities for work and travel! Especially with English and Spanish we can travel to a wide range of countries. By being able to **expand your customer base**, you can achieve more business success. Furthermore, through languages you can discover a new culture, which makes you more open-minded, **tolerant, empathetic, adaptable**, among other things.

What benefits for one's career does knowledge of foreign languages bring?

Endless! In this globalizing world, it's becoming a necessity to know at least one foreign language. Needless to say, English is the language of the world, so this is the most important one to learn to be able to communicate with the entire world. Behind these, I would say that Spanish and Mandarin are extremely useful, as well. By being able to communicate with more of the world's population, you **create opportunities to expand your business**. On the other hand, since languages are proven to increase your **cognitive functions and puzzle-solving skills**, one who speaks more than one language may have stronger problem-solving skills in their career. Furthermore, since many language learners have lived or spent time abroad,

năng nhận thức và giải quyết vấn đề của chúng ta. Kể từ khi tôi bắt đầu học ngôn ngữ, tôi cảm thấy rằng trí nhớ của mình đã trở nên mạnh mẽ hơn rất nhiều và tôi có thể giải các câu đố tốt hơn. Hơn nữa, tôi đã **đạt được sự hiểu biết nhiều hơn về ngôn ngữ mẹ đẻ của mình!** Thứ hai, ngôn ngữ tạo ra vô số cơ hội hơn cho công việc và du lịch! Đặc biệt với tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, chúng ta có thể đi đến nhiều quốc gia. Bằng cách có thể **mở rộng cơ sở khách hàng của bạn**, bạn có thể đạt được nhiều thành công kinh doanh hơn. Hơn nữa, thông qua các ngôn ngữ, bạn có thể khám phá một nền văn hóa mới, khiến bạn cởi mở hơn, **bao dung hơn, đồng cảm hơn, dễ thích nghi hơn**, so với những điều khác.

Kiến thức về ngoại ngữ mang lại lợi ích gì cho sự nghiệp?

Bất tận! Trong thế giới toàn cầu hóa này, nó trở thành một điều cần thiết để biết ít nhất một ngoại ngữ. Không cần phải nói, tiếng Anh là ngôn ngữ của thế giới, vì vậy đây là ngôn ngữ quan trọng nhất để học để có thể giao tiếp với toàn thế giới. Sau đó, tôi sẽ nói rằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Quan thoại cũng cực kỳ hữu ích. Bằng cách có thể giao tiếp với nhiều người trên thế giới, bạn tạo cơ hội để mở rộng kinh doanh. Mặt khác, vì các ngôn ngữ được chứng minh là làm tăng chức năng nhận thức và kỹ năng giải câu đố của bạn, một người nói nhiều hơn một ngôn ngữ có thể có kỹ năng giải quyết vấn đề mạnh hơn trong sự nghiệp. Hơn nữa, vì nhiều người học ngôn ngữ đã sống hoặc dành thời gian ở nước ngoài, họ có xu

they tend to **be more adaptable and culturally understanding**. All in all, it's just a **win-win (double benefit)** to study other languages.

Who do you think learns a language faster, children or adults?

Definitely children! Since children's brains are like **sponges, absorbing new information**, they undoubtedly **pick up (learn) languages** much faster. Furthermore, children's memories are much sharper, so it is easier for them to remember new vocabulary. On the other hand, adults **are more concrete in their native language** and the world they've built from it, so they tend to be less open to accept another language. Children, on the other hand, can play games or watch cartoons in another language from a young age and pick up the language without even realizing it. The only advantage that adults have is that **their behavior doesn't stand in the way of their language learning**, they are more motivated to learn, and that they are more likely to review and study at home. Furthermore, they pay for the classes, so they **are much more invested (care about what they're doing)!**

hướng dễ thích nghi và hiểu văn hóa hơn. Nói chung, nó có nhiều lợi ích khi nghiên cứu các ngôn ngữ khác.

Bạn nghĩ ai học ngôn ngữ nhanh hơn, trẻ em hay người lớn?

Chắc chắn là trẻ con! Vì bộ não trẻ em giống như **bọt biển để tiếp thu thông tin mới**, chắc chắn chúng sẽ **tiếp thu ngôn ngữ** nhanh hơn nhiều. Hơn nữa, trí nhớ của trẻ con tốt hơn nhiều, vì vậy chúng dễ nhớ từ vựng mới hơn. Mặt khác, người lớn **"bảo thủ" hơn trong ngôn ngữ mẹ đẻ của họ** và thế giới mà họ đã xây dựng từ đó, vì vậy họ có xu hướng ít cởi mở hơn để chấp nhận ngôn ngữ khác. Mặt khác, trẻ em có thể chơi trò chơi hoặc xem phim hoạt hình bằng ngôn ngữ khác từ nhỏ và tiếp thu ngôn ngữ mà không hề nhận ra. Lợi thế duy nhất mà **người lớn có được là hành vi của họ không có cản trở gì cho việc học ngôn ngữ của họ**, họ có động lực hơn để học và họ có nhiều khả năng ôn tập và học tập tại nhà. Hơn nữa, họ trả tiền cho các lớp học, vì vậy họ **quan tâm đến những gì họ làm hơn!**

2- Describe an activity you do to stay healthy.

You should say: what you do;

when you started doing it;

how much time you spend doing it;

and explain how this activity helps you stay healthy.

I'm going to talk about **my deep love** of cycling by the beach. Since a lot of people in my town like to **stay in shape** (stay healthy/fit), the government built a walking and cycling path along the coastline. I should mention I live just a kilometer away from the beach, so I like to **take full advantage of this**. I just moved here 5 months ago from the mountains, so this is when I started taking part in this activity.

Over the past year, I've **put on loads of (a lot of) weight**, so I'm always looking for ways to lose it. Cycling is one enjoyable way to do so, along with going to the gym. As it's **scorching (very hot)** during summer days here in Florida, it's better to exercise outdoors in the evening, so that's when I take my bike out. Furthermore, the sunset which gives **a cotton candy colored sky** is the perfect **backdrop (background)** to do exercise while enjoying nature. Cycling undoubtedly improves my mental and physical health. It has **cardiovascular benefits** as well as leg and core strengthening. It is effective in **aiding (helping)** in weight loss, as well. When it comes to mental health, it helps reduce my stress by

Tôi sẽ nói về **tình yêu sâu sắc của tôi với** việc đạp xe bên bờ biển. Vì rất nhiều người trong thị trấn của tôi **muốn giữ dáng**, chính phủ đã xây dựng một con đường đi bộ và đi xe đạp dọc theo bờ biển. Tôi nên đề cập đến việc tôi sống cách bãi biển chỉ một km, vì vậy tôi **thích tận dụng lợi thế này**. Tôi mới chuyển đến đây 5 tháng trước từ miền núi, vì vậy đây là lúc tôi bắt đầu tham gia hoạt động này.

Trong năm qua, tôi đã **lên cân rất nhiều**, vì vậy tôi đã luôn tìm mọi cách để giảm nó. Đạp xe là một cách thú vị để làm như vậy, cùng với việc đi đến phòng tập thể dục. Vì nó **nóng như thiêu đốt** trong những ngày hè ở Florida, nên tập thể dục ngoài trời tốt hơn vào buổi tối, vì vậy đó là lúc tôi đi xe đạp ra ngoài. Hơn nữa, hoàng hôn mang đến **bầu trời màu kẹo bông** là **phông nền** hoàn hảo để tập thể dục trong khi tận hưởng thiên nhiên. Đi xe đạp chắc chắn cải thiện sức khỏe tinh thần và thể chất của tôi. Nó có **lợi ích tim mạch** cũng như tăng cường chân và cốt lõi. Nó cũng có hiệu quả trong việc hỗ trợ việc **giảm cân**. Khi nói đến sức khỏe tinh thần, nó

spending time in nature, **indulging in (enjoying)** breaths of fresh air.

giúp giảm căng thẳng của tôi bằng cách dành thời gian trong tự nhiên, **tận hưởng** hơi thở không khí trong lành.

3- Describe an impressive advertisement you remember well.

You should say:

when and where you saw it; what was advertised;

what the contents of the advertisements were; and explain why you remember it well.

So I'm going to talk about an advertisement for Blue Electronics, which is one of the biggest electronic brands in Vietnam. I've seen its advertisements everywhere, on TV commercials and even on social media networks like Facebook and Instagram.

The advertisement shows a video of people dressed as blue **household appliances**, smiling and **staring creepily (strangely)** at the screen and **dancing spontaneously (unplanned)** to a really annoying, **yet catchy (memorable)** tune.

I think **the aim of** this ad was to leave a big impression on the audience and to make the products seem more **appealing (desirable)** to them. I also think they are trying to **traumatize (scare)** the audience so that whenever they hear that tune, they will think of Blue Electronics.

I think the ad is impressive because the company is **deliberately (intentionally)** trying to influence and attract people's attention, and they do so by trying to present the **household appliances** as something special, and **kind of like a useful friend** for everyone, I guess.

I think older people probably won't enjoy these kinds of advertisements because they tend to prefer more informative,

Vì vậy, tôi sẽ nói về một quảng cáo của Blue Electronics, một trong những thương hiệu điện tử lớn nhất tại Việt Nam. Tôi đã thấy quảng cáo của nó ở khắp mọi nơi, trên quảng cáo truyền hình và thậm chí trên các mạng truyền thông xã hội như Facebook và Instagram.

Quảng cáo cho thấy một video những người ăn mặc như **đồ gia dụng** màu xanh, mỉm cười và **nhìn chằm chằm** vào màn hình và **nhảy một cách tự nhiên** theo giai điệu thực sự khó chịu nhưng **đáng nhớ**.

Tôi nghĩ **mục đích của** quảng cáo này là để lại ấn tượng lớn với khán giả và làm cho các sản phẩm có vẻ **hấp dẫn** hơn đối với họ. Tôi cũng nghĩ rằng họ đang cố gắng **gây sợ hãi** cho khán giả để bất cứ khi nào họ nghe thấy giai điệu đó, họ sẽ nghĩ về Blue Electronics.

Tôi nghĩ quảng cáo rất ấn tượng vì công ty **cố tình** gây ảnh hưởng và thu hút sự chú ý của mọi người, và họ làm như vậy bằng cách cố gắng giới thiệu các **thiết bị gia dụng** như một thứ gì đó đặc biệt, và giống **như một người bạn hữu ích** cho mọi người, tôi đoán là vậy.

serious kind of ads, whereas the younger generation seems to be amused about this kind of advertisement. Since I'm young, I'll always remember this ad because it made me laugh a lot.

Tôi nghĩ rằng những người lớn tuổi có thể sẽ không thích các loại quảng cáo này bởi vì họ có xu hướng thích các loại quảng cáo nghiêm túc, nhiều thông tin hơn, trong khi thế hệ trẻ dường như thích thú với loại quảng cáo này. Vì tôi còn trẻ, tôi sẽ luôn nhớ quảng cáo này vì nó làm tôi cười rất nhiều.

4- Describe a water sport you would like to try in the future.

You should say: what sport it is

When and where would you do it

What preparations and equipment you would need and explain why you would like to try this sport

I'm going to tell you about my interest in **paddle boarding**. As I grew up about 3 hours from the coast, I frequently went to the beach but I didn't usually do anything other than just relax on the beach. However, I've always seen people do paddle boarding on the **intercoastal waterways** and ocean itself, and have wondered what it's like.

I would like to try it in Miami, Florida, about 3 hours from my house. There are lots of opportunities to do paddle boarding and almost any other water sport activity there. For example, there's **sailing, kayaking, canoeing jet skiing, parasailing**, etc. For this activity in particular, I would just need to rent the paddle board and the paddle, as I don't own either of them, there are **countless places** that offer this. I'm sure the company would provide instructions and make you sign a waiver acknowledging the possible risks. I don't think there is any preparation other than having decent upper body strength, generally being in shape, and listening to the paddling instructions.

Tôi sẽ nói với bạn về mối quan tâm của tôi trong việc **chèo thuyền**. Khi tôi lớn lên cách bờ biển khoảng 3 giờ, tôi thường xuyên đi biển nhưng tôi thường không làm gì khác ngoài việc thư giãn trên bãi biển. Tuy nhiên, tôi luôn thấy mọi người chèo thuyền trên các **tuyến đường thủy** và đại dương, và đã tự hỏi nó như thế nào.

Tôi muốn thử nó ở Miami, Florida, cách nhà tôi khoảng 3 giờ. Có rất nhiều cơ hội để chèo thuyền và hầu như bất kỳ hoạt động thể thao dưới nước nào khác ở đó. Ví dụ, có **lái thuyền buồm, chèo thuyền kayak, lái ca nô máy bay phản lực, dù lượn**, v.v. Đối với hoạt động này, tôi chỉ cần thuê ván chèo và mái chèo, vì tôi không sở hữu một trong số những thứ này, có **vô số nơi** cung cấp này. Tôi chắc chắn rằng công ty sẽ cung cấp hướng dẫn và khiến bạn ký giấy từ bỏ thừa nhận những rủi ro có thể xảy ra. Tôi không nghĩ có bất kỳ sự chuẩn bị nào ngoài việc có sức mạnh cơ thể tốt, nói chung là có vóc dáng khỏe mạnh và lắng nghe các hướng dẫn chèo.

I'm **particularly interested** in this sport because it is a good way to exercise while enjoying a nice view. While I've tried kayaking, I've always wondered if paddle boarding is a whole new challenge, since it involves you to be standing while you do it. **All in all**, I think it would be a good way to **stay in shape** and explore the seas.

Tôi **đặc biệt thích** môn thể thao này vì đây là một cách tốt để tập thể dục trong khi tận hưởng một khung cảnh đẹp. Trong khi tôi đã thử chèo thuyền kayak, tôi luôn tự hỏi liệu việc chèo thuyền có phải là một thử thách hoàn toàn mới không, vì nó liên quan đến việc bạn đứng trong khi bạn làm điều đó. **Nói chung**, tôi nghĩ rằng đó sẽ là một cách tốt để **giữ dáng** và khám phá biển.

5- Describe a person who has interesting ideas or opinions.

You should say:

Who the person is

How you know the person

What the interesting ideas the person has

And explain why you think the ideas interesting

I'm going to talk about my friend, Elliott, who is a **natural (good at)** at languages and always has a lot of interesting ideas when it comes to language learning and teaching. He is a fellow teacher at my workplace, so I feel I know him well enough to speak about him.

First of all, he is fluent in THREE foreign languages, English, Chinese and Japanese, in addition to his **mother tongue**. So you can imagine, as a language teacher, he really stands out from the others. I feel that he has a **special empathy** for language learners.

Although he has **a knack (a talent) for** languages, he knows that others struggle with them, so he always tries to **come up with (invent) new methods** to help language learners improve faster and achieve better results. In addition **to imparting**

Tôi sẽ nói về người bạn của tôi, Elliott, một người **giỏi về** ngôn ngữ và luôn có rất nhiều ý tưởng thú vị khi nói về việc học và dạy ngôn ngữ. Anh ấy là một giáo viên tại nơi làm việc của tôi, vì vậy tôi cảm thấy tôi biết rõ anh ấy đủ để nói về anh ấy.

Trước hết, anh thông thạo ba ngoại ngữ, tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Nhật, ngoài **tiếng mẹ đẻ**. Vì vậy, bạn có thể tưởng tượng, là một giáo viên ngôn ngữ, anh ấy thực sự nổi bật so với những người khác. Tôi cảm thấy rằng anh ấy có một **sự đồng cảm đặc biệt** đối với người học ngôn ngữ.

Mặc dù anh ta **có sở trường về** ngôn ngữ, anh ta biết rằng những người khác phải vật lộn với chúng, vì vậy anh ta luôn cố gắng **đưa ra các phương pháp mới** để giúp người học ngôn ngữ cải thiện nhanh hơn và đạt được kết quả tốt hơn. Ngoài việc **truyền đạt**

(communicating) knowledge, he always creates a fun atmosphere. For example, at the start of each class, he would have all the students stand up and play some warm-up games instead of going straight into doing routine teaching stuff. Some of the games are even invented by himself and I must say **they are all well thought out (well-planned)**. I learn a lot from observing his classes and look forward to working more with him in the future. I'm really interested in learning more about how to make language learning fun.

kiến thức, anh luôn tạo ra một bầu không khí vui vẻ. Ví dụ, khi bắt đầu mỗi lớp học, anh ấy sẽ cho tất cả học sinh đứng lên và chơi một số trò chơi khởi động thay vì đi thẳng vào làm công việc giảng dạy thông thường. Một số trò chơi thậm chí được phát minh bởi chính anh ấy và tôi phải nói rằng **tất cả chúng đều được cân nhắc kỹ lưỡng**. Tôi học được rất nhiều từ việc quan sát các lớp học của anh ấy và mong muốn được làm việc nhiều hơn với anh ấy trong tương lai. Tôi thực sự quan tâm đến việc tìm hiểu thêm về cách làm cho việc học ngôn ngữ trở nên thú vị.

Part 3

What kinds of ideas are respected in your country?

That's a tough question, but I'd definitely say any ideas that are **groundbreaking (new) or revolutionary** are very valued in my country. For example, we really respect people like Bill Gates or Steve Jobs, who changed future through technology. Furthermore, people who are forward thinkers are respected in today's society, such as those who search for solutions to violence or support the gay rights movement. **Lastly**, people really respect those who have **innovative business ideas**, which improve the country's economy. Actually, that might be the most respected one. **All in all**, we like those who are **unconventional (unordinary)** thinkers.

When do children start to have their own ideas?

They say that 7 is the "age of reason" (when kids know right from wrong), so I believe this is when it all begins, even if in small ways. I think this is the age where children begin to recognize their **individuality** and **separateness** from their parents. However, children tend to follow the belief system of their parents up to their teen years, when they start the **rebellious years**. Thinking back, I remember I started to question my parent's religion and political ideas when I was around 15, **leading me to break off (separate)**

Những loại ý tưởng được tôn trọng ở nước bạn?

Đó là một câu hỏi khó, nhưng tôi chắc chắn nói rằng bất kỳ ý tưởng nào là **đột phá** hoặc **mang tính cách mạng** đều rất có giá trị ở đất nước tôi. Ví dụ, chúng tôi thực sự tôn trọng những người như Bill Gates hay Steve Jobs, những người đã thay đổi tương lai thông qua công nghệ. Hơn nữa, những người có tư tưởng tiến bộ được tôn trọng trong xã hội ngày nay, chẳng hạn như những người tìm kiếm giải pháp cho bạo lực hoặc ủng hộ phong trào quyền của người đồng tính. **Cuối cùng**, mọi người thực sự tôn trọng những người có **ý tưởng kinh doanh sáng tạo**, giúp cải thiện nền kinh tế của đất nước. Trên thực tế, đó có thể là một trong những người được tôn trọng nhất. **Nói chung**, chúng tôi thích những người có **tư tưởng độc đáo**.

Khi nào trẻ em bắt đầu có ý tưởng riêng?

Họ nói rằng 7 tuổi là "thời đại của lý do" (khi những đứa trẻ biết đúng sai), vì vậy tôi tin rằng đây là khi tất cả bắt đầu, ngay cả theo những cách nhỏ. Tôi nghĩ rằng đây là độ tuổi mà trẻ bắt đầu nhận ra **tính cá nhân** và **sự tách biệt** của chúng với cha mẹ. Tuy nhiên, trẻ em có xu hướng theo hệ thống niềm tin của cha mẹ cho đến những năm tuổi thiếu niên, khi chúng bắt đầu **những năm nổi loạn**. Nghĩ lại, tôi nhớ tôi bắt đầu đặt câu hỏi về tôn giáo và ý

from them. So, all in all, by the time you are 18, most teens know who they really are.

Where do these ideas come from?

The family is definitely the first foundation of how we **shape our ideas.** **Apart from this,** I would say teachers have the second largest influence. Following this, what kids hear in school, from their friends, what they watch on TV, and so on start to shape their way of thinking. Lastly, we start to **break away (separate)** from our family's ideas and create our own ideas based on our life experiences.

tưởng chính trị của cha mẹ tôi khi tôi khoảng 15 tuổi, **khiến tôi phải phân tách ra khỏi họ.** Vì vậy, tóm lại, khi bạn 18 tuổi, hầu hết thanh thiếu niên biết họ thực sự là ai.

Những ý tưởng này đến từ đâu?

Gia đình chắc chắn là nền tảng đầu tiên của cách chúng ta **định hình ý tưởng của mình.** **Ngoài ra,** tôi muốn nói rằng giáo viên có ảnh hưởng lớn thứ hai. Theo đó, những gì trẻ em nghe thấy ở trường, từ bạn bè, những gì chúng xem trên TV, v.v ... bắt đầu định hình cách suy nghĩ của chúng. Cuối cùng, chúng tôi bắt đầu **tách ra** khỏi các ý tưởng gia đình của chúng tôi và tạo ra các ý tưởng của riêng chúng tôi dựa trên kinh nghiệm sống của chúng tôi.

\p'

6- Describe a good experience of online shopping.

You should say: When it happened What you bought Why you bought it

And explain why you think it was a good experience

I'm going to talk about a recent successful online shopping experience that I've had. To be honest, I've had **countless incidents** in which I ordered the wrong size or the product ended up being completely different than how it appeared online, so I was **surprisingly delighted** with this purchase. Well, let me tell you about it.

Zara is my favorite store, and unfortunately there isn't one currently near my house, so I decided to check out their online shopping site. I just started a professional job, so **I'm always in need for** more professional clothes. Zara always seems to fit me well and have classy, smart clothes, so I decided I would order a white dress from them. Luckily, the dress was on sale for \$30 instead of \$50, which gave me even **more incentive to** buy it. The model was a lot thinner and taller than me, so I doubted it would look as good on me, but I was willing to take my chances. To my surprise, the dress **fits me like a glove (fits me like a glove)**! Furthermore, the dress arrived in 2 days when they predicted 3-4!

Tôi sẽ nói về một trải nghiệm mua sắm trực tuyến thành công gần đây mà tôi đã có. Thành thật mà nói, tôi đã có **vô số sự cố** trong đó tôi đặt hàng sai kích cỡ hoặc sản phẩm cuối cùng hoàn toàn khác so với cách nó xuất hiện trực tuyến, vì vậy tôi **rất ngạc nhiên** khi mua hàng này. Vâng, hãy để tôi nói với bạn về nó.

Zara là cửa hàng yêu thích của tôi và không may không có một cửa hàng nào hiện đang ở gần nhà tôi, vì vậy tôi quyết định kiểm tra trang web mua sắm trực tuyến của họ. Tôi mới bắt đầu một công việc chuyên nghiệp, vì vậy **tôi luôn luôn cần** quần áo chuyên nghiệp hơn. Zara dường như luôn vừa vặn với tôi và có những bộ quần áo thông minh, sang trọng, vì vậy tôi quyết định tôi sẽ đặt một chiếc váy trắng từ họ. May mắn thay, chiếc váy đã được bán với giá 30 đô la thay vì 50 đô la, điều này đã cho tôi có **hiều động lực hơn để** mua nó. Người mẫu gầy hơn và cao hơn tôi rất nhiều, vì vậy tôi nghi ngờ liệu nó sẽ vừa với tôi hay không, nhưng tôi sẵn sàng nắm lấy cơ hội của mình. Thật ngạc nhiên, chiếc váy **vừa vặn với tôi như một chiếc găng tay**! Hơn nữa, chiếc váy đến trong 2 ngày khi họ dự đoán là 3-4 ngày!

This was a positive experience because now I get compliments whenever I wear the dress. The fit and style couldn't be better on me, and **I feel very tasteful (stylish)** when I wear it. I now know **I can count on** Zara to fit me. Zara has a good price to quality ratio. All in all, would recommend!

Đây là một trải nghiệm tích cực bởi vì bây giờ tôi nhận được lời khen mỗi khi tôi mặc váy. Sự phù hợp và phong cách không thể tốt hơn đối với tôi, và **tôi cảm thấy rất trang nhã** khi tôi mặc nó. Bây giờ tôi biết **tôi có thể tin tưởng** vào Zara để mua đồ phù hợp với tôi. Zara có một mức giá tốt cho tỷ lệ chất lượng. Tóm lại, tôi sẽ giới thiệu người khác mua!

Part 3

What are the advantages and disadvantages of online shopping?

The advantages would be that it's more convenient and **saves loads of time**, avoiding those **dreaded (terrible) lines**. Furthermore, sites like Amazon tend to have **secondhand (used) items**, so you can save a lot of money this way. The negatives are that you cannot try clothing on before, sometimes items don't look the same in person, the shipping fees, and the time you have to wait for the item. **By the same token**, it's a **hassle (annoyance)** **to** send it back if there's an issue. So, all in all, there are more disadvantages, I'd say.

Do you think it is safe to shop online?

Depends on the site. If you use a **reputable** one like Amazon or the store's website, it is generally very safe. However, buying from private sellers online, especially in their homes, can be risky. Furthermore, scams always exist online, so you never know if someone could be scamming you. I always say, if you have time, it's better to go buy the item in person **to gain more trust** in the purchase.

Những lợi thế và bất lợi của mua sắm trực tuyến là gì?

Những lợi thế chính là nó thuận tiện hơn và **tiết kiệm thời gian**, tránh những **hàng dài chờ đợi đáng sợ**. Hơn nữa, các trang web như Amazon có xu hướng có các **mặt hàng đã qua sử dụng**, vì vậy bạn có thể tiết kiệm rất nhiều tiền theo cách này. Điểm trừ là bạn không thể thử quần áo trước, đôi khi các mặt hàng không giống nhau, phí vận chuyển và thời gian bạn phải chờ đợi. **Tương tự như vậy**, thật **phiền toái khi** gửi lại nếu có vấn đề. Vì vậy, tóm lại, tôi sẽ nói là có nhiều nhược điểm hơn.

Bạn có nghĩ rằng mua sắm trực tuyến là an toàn?

Phụ thuộc vào trang web. Nếu bạn sử dụng một trang web **có uy tín** như Amazon hoặc trang web của cửa hàng, nó thường rất an toàn. Tuy nhiên, mua từ người bán tư nhân trực tuyến, đặc biệt là trong nhà của họ, có thể có rủi ro. Hơn nữa, lừa đảo luôn tồn tại trực tuyến, vì vậy bạn không bao giờ biết nếu ai đó có thể lừa đảo bạn. Tôi luôn nói rằng, nếu bạn có thời gian, tốt hơn hết là bạn nên đi mua món đồ đó để **có thêm niềm tin** vào việc mua hàng.

Bạn có nghĩ rằng chính phủ nên áp đặt kiểm soát nhiều hơn đối với mua sắm trực tuyến?

Do you think the government should impose more control on online shopping?

Wow, this isn't something I've ever thought about. In my opinion, I think the government should investigate to make sure sites are **reputable**, but that's about all. I don't think there should be any limit to what we buy, as long as they are legal products. Every purchase benefits the economy, so at this point I don't see a need to regulate it.

Wow, đây không phải là thứ gì đó mà tôi đã từng nghĩ đến. Theo ý kiến của tôi, tôi nghĩ rằng chính phủ nên điều tra để đảm bảo các trang web **có uy tín**, chỉ vậy thôi. Tôi không nghĩ rằng nên có bất kỳ giới hạn nào cho những gì chúng ta mua, miễn là chúng là sản phẩm hợp pháp. Mọi hoạt động mua hàng đều mang lại lợi ích cho nền kinh tế, vì vậy vào thời điểm này, tôi không thấy cần phải điều tiết nó.

7- Describe a singer that you like.

You should say:

Who the person is

How you know the person

What songs the singer sings

And explain why you like the person

I would like to talk about one of my favorite singers, Sam Smith. He is a British singer and songwriter who has become popular in my lifetime. He is famed for his **mellifluous (containing flow) voice** and quality of his song lyrics, which are often **romantic and soulful**.

Thinking back, I remember the first song I heard from him was "Latch", **circa** 2013. I remember my roommate was playing it in her car and I asked who the singer was and decided to look him up. **Ever since that day**, I just fell in love with him. He **constantly** has new hits out on the pop radio stations! His songs are just **super catchy (something you remember)**.

I would consider his music to be a mix of soul and pop. I think he started as a soul singer, but his music has transformed into being more of a pop genre. I really like his music because there is always a good beat to it, and the lyrics speak to me on a deep level, causing me to feel emotional and identify with current **dilemmas**

Tôi muốn nói về một trong những ca sĩ yêu thích của tôi, Sam Smith. Anh ấy là một ca sĩ và nhạc sĩ người Anh đã trở nên nổi tiếng trong đời tôi. Anh ấy nổi tiếng với **giọng hát êm dịu** và chất lượng lời bài hát thường **lãng mạn và có hồn**.

Nghĩ lại, tôi nhớ bài hát đầu tiên tôi nghe từ anh ấy là "Latch", **khoảng năm** 2013. Tôi nhớ bạn cùng phòng của tôi đã chơi nó trong xe của cô ấy và tôi hỏi ca sĩ đó là ai và quyết định tìm anh ấy. **Kể từ ngày đó**, tôi mới yêu anh. Anh ấy **liên tục** có những bản hit mới trên các đài phát thanh nhạc pop! Những bài hát của anh ấy **siêu hay**.

Tôi sẽ coi âm nhạc của anh ấy là sự pha trộn giữa nhạc soul và nhạc pop. Tôi nghĩ anh ấy bắt đầu như một ca sĩ nhạc soul, nhưng âm nhạc của anh ấy đã biến thành một thể loại nhạc pop nhiều hơn. Tôi thực sự thích âm nhạc của anh ấy vì luôn có một giai điệu hay, và lời bài hát nói với tôi ở một mức độ sâu sắc, khiến tôi cảm

(problems) I'm facing. I like that some of his songs are more for dancing, while others are more deep and romantic. All in all, he is extremely talented and has a wide range. Sam Smith has a voice that really **leaves a mark on you (impressive)**. I just love him!

thấy xúc động và đồng cảm với những **tình huống khó xử** hiện tại tôi đối mặt. Tôi thích việc một số bài hát của anh ấy là để nhảy, trong khi những bài khác thì sâu sắc và lãng mạn hơn. Tóm lại, anh ấy cực kỳ tài năng và có một phạm vi hoạt động rộng. Sam Smith có một giọng nói **thực sự gây ấn tượng cho bạn**. Tôi yêu anh ấy!

Part 3

What kinds of music are popular in your country?

A wide range! Nowadays with **youngsters**, EDM music is all the **rage (popular)**. Besides that, pop music, hip hop, alternative, and country are types of music that you hear most often on the radio. For example, my parents' **generations still sticks with** their southern rock style of music, such as ACDC. Of all the music from the past, 80's American music seems to be played on the radio the most often.

Do singers make lots of money?

Những loại nhạc phổ biến ở nước bạn?

Một phạm vi rộng! Ngày nay với **giới trẻ**, nhạc EDM là **phổ biến**. Bên cạnh đó, nhạc pop, hip hop, alternative và country là những loại nhạc mà bạn thường nghe nhất trên radio. Ví dụ, các thế hệ cha mẹ tôi **vẫn gắn bó với** phong cách nhạc rock miền nam của họ, như ACDC. Trong tất cả các bản nhạc từ xưa, nhạc Mỹ những năm 80 dường như được phát trên radio thường xuyên nhất.

Ca sĩ có kiếm được nhiều tiền không?

Of course! Singers are some of the richest people in the world. However, I imagine that their pay **may be cut due** to the increase in Youtube, Spotify, Pandora, and the like instead of buying the records at stores. However, our generation **idolizes (worships)** celebrities, so they make **incomparable profits** from their social media posts, concerts, and just pure talent.

What do you think makes a song become popular?

Definitely by **how catchy it is**, for one. Also, how well the artist markets themselves. If they constantly get their songs into the Top 40, their songs will be heard by the entire world. Lastly, of course, the artist needs to be talented and have something that makes their songs **stand out (be unique)** from the others, such as by having a lovely voice, good beat, etc.

Tất nhiên! Ca sĩ là một số người giàu nhất thế giới. Tuy nhiên, tôi tưởng tượng rằng tiền lương của họ **có thể bị cắt giảm** do sự gia tăng của Youtube, Spotify, Pandora và các kênh tương tự thay vì mua các đĩa thu tại các cửa hàng. Tuy nhiên, thế hệ của chúng ta **thần tượng hóa** những người nổi tiếng, vì vậy họ kiếm được **lợi nhuận khổng lồ** từ các bài đăng trên mạng xã hội, các buổi hòa nhạc và với tài năng thuần túy của họ.

Bạn nghĩ điều gì làm cho một bài hát trở nên phổ biến?

Chắc chắn là việc nó **“bắt tai” như thế nào**. Ngoài ra, các nghệ sĩ tiếp thị tốt như thế nào. Nếu họ liên tục đưa các bài hát của mình vào Top 40, các bài hát của họ sẽ được cả thế giới nghe. Cuối cùng, tất nhiên, nghệ sĩ cần phải có tài năng và có một cái gì đó làm cho các bài hát của họ **nổi bật** so với những người khác, chẳng hạn như bằng một giọng hát đáng yêu, nhịp tốt, v.v.

8- Describe a time that you invited family or friends to have dinner at home or in a restaurant

You should say:

who organized this meal where you had it

what you talked about during the meal

what you ate and drank and explain why you had this meal with your friends.

I'm going to tell you about a time I invited my parents and grandparents over to my house for tortellini soup. I had just moved into my new house, so I was really excited for this **housewarming (a party for a new house) event**. Actually, I was **extra excited** because I just moved near my relatives after living across the country for years.

I planned this event myself because I felt confident in my ability of making tortellini soup. Along with the soup, I prepared an Italian style salad and some warm, homemade bread with it. My mom **passed the recipe down to me**, so I had years of experience preparing it. I know **it's always a hit (popular; successful)** at social events! During the meal, we talked about memories of my mother, who had passed away 10 years before. Every time we eat her recipe, it always brings back memories of her. After that, we had small talk about our weekly plans and updates in our lives. Furthermore, my family asks me lots of questions about what home

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về một lần tôi mời bố mẹ và ông bà đến nhà tôi ăn súp tortellini. Tôi vừa mới chuyển đến ngôi nhà mới của mình, vì vậy tôi thực sự rất hào hứng cho **sự kiện tân gia** này. Thật ra, tôi đã **rất phấn khích** vì tôi mới chuyển đến gần người thân sau khi sống trên khắp đất nước trong nhiều năm.

Tôi đã tự lên kế hoạch cho sự kiện này vì tôi cảm thấy tự tin vào khả năng nấu súp tortellini của mình. Cùng với món súp, tôi đã chuẩn bị một món salad kiểu Ý và một ít bánh mì nóng tự làm với nó. Mẹ **tôi truyền lại công thức cho tôi**, vì vậy tôi đã có nhiều năm kinh nghiệm chuẩn bị nó. Tôi biết **nó luôn luôn là một món phổ biến** tại các sự kiện xã hội! Trong bữa ăn, chúng tôi đã nói về những kỷ niệm của mẹ tôi, người đã qua đời 10 năm trước. Mỗi lần chúng tôi dùng công thức của cô ấy, nó luôn mang lại những kỷ ức về cô ấy. Sau đó, chúng tôi đã nói chuyện về kế hoạch và cập nhật hàng tuần cuộc sống của chúng tôi. Hơn nữa, gia đình tôi hỏi tôi rất nhiều câu hỏi về kế hoạch cải tạo nhà mà tôi có cho ngôi

improvement plans I had for my new home, so I showed them the furniture and paint colors I had chosen for the house.

We drank Pinot Grigio wine during the meal, which **paired well with** the Italian flavors. We met **to catch up** and enjoy my new home together. It was a simple yet very pleasant dinner party!

nhà mới của mình, vì vậy tôi đã cho họ xem đồ nội thất và màu sơn tôi đã chọn cho ngôi nhà.

Chúng tôi đã uống rượu Pinot Grigio trong bữa ăn, **kết hợp tốt với** các hương vị Ý. Chúng tôi gặp nhau **để tâm sự** và cùng nhau thưởng thức ngôi nhà mới của tôi. Đó là một bữa tiệc tối đơn giản nhưng rất dễ chịu!

Part 3

Do people in your country prefer to eat at home or in restaurants?

Since I'm from a low-income country, people tend to eat at home rather than at restaurants to **economize**. Furthermore, the family is very central in my country, so all of the family members come together with the ingredients they have to cook a grand meal together on the daily. When we all **pitch it**, we all **end up saving money** and enjoying a higher quality meal than we would get at a restaurant.

What do people usually cook for special festivals?

Mọi người ở nước bạn thích ăn ở nhà hay ở nhà hàng?

Vì tôi từ một quốc gia thu nhập thấp, mọi người có xu hướng ăn ở nhà hơn là ở nhà hàng để **tiết kiệm**. Hơn nữa, gia đình là trung tâm ở đất nước tôi, vì vậy tất cả các thành viên trong gia đình kết hợp với các nguyên liệu họ phải nấu một bữa ăn lớn cùng nhau hàng ngày. Khi chúng tôi **cùng bỏ tiền ra**, tất cả chúng tôi cuối cùng đều **tiết kiệm tiền** và thưởng thức một bữa ăn chất lượng cao hơn bữa ăn tại một nhà hàng.

Mọi người thường nấu gì cho các lễ hội đặc biệt?

Although **seemingly strange** or **unappealing to** others, guinea pigs are a **delicacy** in my country. For the Festival of the Sun in June every year, we prepare the guinea pig called "Cuy" and eat it home with our families, and even sell it on the streets. Sometimes we also prepare a cold dish called "Chiriuchu" which consists of chicken, guinea pig, fish eggs, and seaweed eaten cold. Still, I understand it doesn't sound tasty to others, but I'm very **fond of it**.

What would you say are the benefits and drawbacks of eating in a restaurant?

The benefits are that it is easier, more convenient, less work, and that you are able to try more international dishes whose ingredients you may never get to **get your hands on (find)**. Also, at a restaurant, they often have interesting cocktails and **appetizers** to try with your meal. However, the disadvantages are that it's more expensive, you tend to consume **larger portions** and more calories, and that you don't know the real source of your food. In my opinion, it isn't healthy to constantly eat at restaurants. They should be reserved **for special occasions**, if you want to try a specific food that you don't know how to prepare, or if you're in a **pinch for time (have limited time)**.

Mặc dù **có vẻ lạ** hoặc **không hấp dẫn** người khác, lợn guinea là một **món ngon** ở đất nước tôi. Đối với lễ hội mặt trời vào tháng 6 hàng năm, chúng tôi chuẩn bị con chuột lang có tên là Cuy và ăn nó cùng gia đình, và thậm chí bán nó trên đường phố. thỉnh thoảng chúng tôi cũng chuẩn bị một món ăn lạnh tên là Chiriuchu bao gồm thịt gà, chuột lang, trứng cá và rong biển ăn lạnh. Tuy nhiên, tôi hiểu rằng nó không có vẻ ngon đối với người khác, nhưng tôi **rất thích nó**.

Bạn sẽ nói gì về những lợi ích và hạn chế của việc ăn trong nhà hàng?

Lợi ích là nó dễ dàng hơn, thuận tiện hơn, ít việc để làm hơn và bạn có thể thử nhiều món ăn quốc tế hơn mà các thành phần bạn có thể không bao giờ **có được trong tay**. Ngoài ra, tại một nhà hàng, họ thường có những ly cocktail và món **khai vị** thú vị để thử với bữa ăn của bạn. Tuy nhiên, nhược điểm là nó đắt hơn, bạn có xu hướng tiêu thụ **phần lớn** và nhiều calo hơn, và bạn không biết nguồn thực phẩm của mình. Theo ý kiến của tôi, việc ăn liên tục tại các nhà hàng là điều không lành mạnh. Chúng nên được dành riêng cho những **dịp đặc biệt**, nếu bạn muốn thử một loại thực phẩm cụ thể mà bạn không biết cách chế biến, hoặc nếu bạn có **giới hạn về thời gian**.

More and more people are having (or, getting) their meals delivered, so would people cook at home?

With the food delivery apps of today, I can see that less people are eating at home. In countries like America where fast food is cheaper than home-cooked meals, I can definitely see how people would choose that option over cooking at home. However, in my country, fast food is very expensive, so people cannot afford **to eat out (eat at a restaurant)** very often. Since we have **ample markets** with fresh, delicious ingredients available to us, it is not common to go out for meals other than for special occasions.

Ngày càng có nhiều người mua đồ ăn giao sẵn, vậy mọi người sẽ nấu ăn ở nhà chứ?

Với các ứng dụng giao đồ ăn ngày nay, tôi có thể thấy rằng ít người ăn ở nhà hơn. Ở các nước như Mỹ, nơi thức ăn nhanh rẻ hơn bữa ăn nấu tại nhà, tôi chắc chắn có thể thấy mọi người sẽ chọn lựa chọn điều đó hơn là nấu ăn ở nhà. Tuy nhiên, ở nước tôi, đồ ăn nhanh rất đắt tiền, vì vậy mọi người không thể đủ khả năng để **ăn ngoài** thường xuyên. Vì chúng tôi có **nhiều chợ phong phú** nguyên liệu tươi ngon, có sẵn cho chúng tôi, nên việc ăn ngoài là không phổ biến trừ những dịp đặc biệt.

9- Describe an occasion you got up early in the morning.

You should say:

When this happened

what you needed to do that day who you were with

and how you felt about getting up early that day

To be honest, I was rarely **out of bed** by 8.00 AM apart from some specific occasions. However, there is an occasion I had to wake up earlier than usual which is my trip to ABC last summer vacation.

I was supposed to get everything prepared the night before, so I did **pack my suitcases** with all the **essential items** that I might need for my vacation trip, like **suntan cream** or some **swimming costumes**. When the preparation was over, I try to send myself to sleep but ended up **tossing and turning in bed**, so you see, I hardly **got a wink of sleep**. When the dawn came, I went out to feel the **gentle touch of a cool breeze** on my face, then I also took **a sip of coffee** to get myself fully awake. After some minutes, the coach showed up and I got in no time.

I took the trip with 2 of my besties, so we had the chance **to catch up on gossip** with one another. We also had fun at many outdoor activities on the beach like surfing. Although I was a bit exhausted at the end of the journey due to lack of sleep, it was definitely **an enjoyable time**. Since then, I have been less of **a night owl** and got up earlier, which I think is a better and healthier habit.

Thành thật mà nói, tôi hiếm khi **ra khỏi giường** lúc 8 giờ sáng ngoài một số dịp cụ thể. Tuy nhiên, có một dịp tôi phải thức dậy sớm hơn bình thường, đó là chuyến đi tới ABC vào kỳ nghỉ hè năm ngoái.

Tôi đã phải chuẩn bị mọi thứ vào đêm hôm trước, vì vậy tôi đã **đóng gói vali** của mình với tất cả các **vật dụng cần thiết** mà tôi có thể cần cho chuyến đi nghỉ của mình, như **kem chống nắng** hoặc một số **đồ bơi**. Khi sự chuẩn bị kết thúc, tôi cố gắng đi ngủ nhưng cuối cùng lại **lăn và xoay người trên giường**, vì vậy bạn thấy đấy, tôi hầu như **không ngủ được**. Khi bình minh đến, tôi đi ra ngoài để cảm nhận **sự nhẹ nhàng của làn gió mát trên mặt**, rồi tôi cũng nhấp một **ngụm cà phê** để tỉnh táo hoàn toàn. Sau vài phút, xe buýt xuất hiện và tôi nhanh chóng khởi hành.

Tôi đã có chuyến đi với 2 người bạn thân của mình, vì vậy chúng tôi có cơ hội **trò chuyện với nhau**. Chúng tôi cũng vui chơi ở nhiều hoạt động ngoài trời trên bãi biển như lướt sóng. Mặc dù tôi đã hơi kiệt sức khi kết thúc hành trình vì thiếu ngủ, nhưng đó chắc chắn là **khoảng thời gian thú vị**. Kể từ đó, tôi ít làm **cú đêm** và thức dậy sớm hơn, mà tôi nghĩ đó là một thói quen tốt và lành mạnh hơn.

QUESTIONS FOR PART 3

Do people in your country like naps?

Frankly speaking, the majority of people in my country seem to like **taking a siesta** in the afternoon. **Understandably**, it has been a proven fact that a short nap can **recharge people's batteries** after an arduous morning working or studying. Having said that, some of my friends, for instance, aren't in the habit of taking such a short rest as they think a cup of coffee can do the trick and they'd rather save that time to complete their **outstanding tasks** at hand.

What time is better for teenagers to study, in the morning or at night? Personally, I'd pick study in the morning simply because teenagers can have **better concentration span**. Specifically, after a night's rest, your body fully recovers and your minds are more refreshed, which can be conducive to the **acquisition of knowledge**. By contrast, after **a backbreaking day** at school or work, most teenagers often become lazy or sleepy, at this time what they wish to do is go to sleep **right off the bat**.

Why do people always say it's healthy to eat breakfast?

Without a shadow of a doubt, breakfast is of great importance if we expect to have a productive day of working or studying. After a long night's rest, the body extremely needs energy which can be met by **a supply of nutrients** from a **sumptuous breakfast**. Also at this time of the day, **the body's absorption**

Mọi người ở đất nước của bạn thích ngủ trưa không?

Thẳng thắn mà nói, phần lớn mọi người ở đất nước tôi dường như thích **ngủ trưa** vào buổi chiều. **Có thể hiểu được**, một thực tế đã được chứng minh là một giấc ngủ ngắn có thể **sạc lại pin** cho mọi người sau một buổi sáng làm việc hoặc học tập vất vả. Phải thừa nhận là một số bạn bè của tôi, chẳng hạn, không có thói quen nghỉ ngơi ngắn như vậy vì họ nghĩ rằng một tách cà phê có thể làm được điều đó và họ muốn tiết kiệm thời gian đó để hoàn thành **nhiệm vụ xuất sắc** của mình.

Thời gian nào tốt hơn cho thanh thiếu niên để học, vào buổi sáng hay buổi tối?

Cá nhân tôi đã chọn học vào buổi sáng đơn giản vì thanh thiếu niên có thể có khoảng **thời gian tập trung tốt hơn**. Cụ thể, sau một đêm nghỉ ngơi, cơ thể bạn hồi phục hoàn toàn và tâm trí của bạn được làm mới nhiều hơn, điều này có thể có lợi cho việc **tiếp thu kiến thức**. Ngược lại, sau một **ngày nghỉ ngơi** ở trường hoặc nơi làm việc, hầu hết thanh thiếu niên thường trở nên lười biếng hoặc buồn ngủ, tại thời điểm này, điều họ muốn làm là đi ngủ **ngay lập tức**.

Tại sao mọi người luôn nói nó ăn sáng là lành mạnh?

Không có một chút nghi ngờ, bữa sáng có tầm quan trọng rất lớn nếu chúng ta mong đợi có một ngày làm việc hoặc học tập hiệu quả. Sau một đêm dài nghỉ ngơi, cơ thể cực kỳ cần năng lượng có thể được đáp ứng bằng việc **cung cấp chất dinh dưỡng** từ **bữa**

rate is highest which means that the foods consumed would be digested properly and absorbed quickly into the body and turned into energy for the next working period.

Will working late at night influence the next day's work?

Absolutely yes. If you are being **pressurized** by a backbreaking deadline and have to **burn the midnight oil** completing it in time, the chances are that you will feel completely **fatigued** and lose your appetite the next working day. This is simply because a good sleep is important for your body to recover from exhaustion. What I mean here is that it's better if you turn in early and wake up earlier than being a night owl and lie in the next morning

sáng xa hoa. Cũng vào thời điểm này trong ngày, **tốc độ hấp thụ của cơ thể** là cao nhất, điều đó có nghĩa là thực phẩm tiêu thụ sẽ được tiêu hóa đúng cách và hấp thụ nhanh vào cơ thể và chuyển thành năng lượng cho giai đoạn làm việc tiếp theo.

Làm việc muộn vào ban đêm có ảnh hưởng đến công việc của ngày hôm sau không?

Hoàn toàn đồng ý. Nếu bạn đang bị **áp lực** bởi thời hạn cuối cùng và phải **thức đêm** để hoàn thành kịp thời gian, thì rất có thể bạn sẽ cảm thấy **mệt mỏi** hoàn toàn và mất cảm giác ngon miệng vào ngày làm việc tiếp theo. Điều này đơn giản là vì một giấc ngủ ngon rất quan trọng để cơ thể bạn phục hồi sau khi kiệt sức. Điều tôi muốn nói ở đây là sẽ tốt hơn nếu bạn dậy sớm và thức dậy sớm tốt hơn là làm một con cú đêm và nằm vào sáng hôm sau.

10- Describe a practical skill you learnt.

You should say: what the skill was;

who you learnt it from; how you learnt it;

and explain how useful it was.

In my country, buying a car isn't exactly a big deal, but driving a car is. **It sounds a bit odd, doesn't it?** Well, if it does, then the reason for this is, it is extremely difficult to obtain a driving license in my country as it involves some rigorous (difficult; detailed) **driving and road tests**. So, when I finally managed to pass the driving test a year ago or so, I felt as if I had **landed on the moon (accomplished something huge)**.

I had recently gone to a job interview in which they required the candidate to have their driver's license. I was really **intrigued** by the job, so I decided to follow up on this. So, I went to a local car driving school and started to take driving lessons mostly on the weekends, as I worked during the week. Initially, the lessons involved learning about different parts of a car and their functions. Then came the actual driving lessons on the road by understanding and following different **road signs** and **driving rules**. Needless to say, the lessons followed some **stringent** (strict) driving standards which weren't always easy to maintain, but that was exactly the real "test" in order to help a future

Ở nước tôi, mua một chiếc xe hơi chính xác không phải là một vấn đề lớn, nhưng lái xe lại là điều quan trọng. **Nghe có vẻ hơi lạ phải không?** Vâng, nếu có, thì lý do cho điều này là, cực kỳ khó khăn để có được giấy phép lái xe hơi ở nước tôi vì nó liên quan đến một số **bài kiểm tra lái xe và đường trường nghiêm ngặt**. Vì vậy, khi cuối cùng tôi đã vượt qua bài kiểm tra lái xe một năm trước hoặc lâu hơn, tôi cảm thấy như thể tôi đã **hoàn thành một cái gì đó rất lớn lao**.

Gần đây tôi đã đi phỏng vấn xin việc, trong đó họ yêu cầu ứng viên phải có bằng lái xe. Tôi thực sự bị **thu hút** bởi công việc, vì vậy tôi quyết định theo đuổi điều này. Do đó, tôi đã đến một trường học lái xe ô tô địa phương và bắt đầu học lái xe chủ yếu vào cuối tuần, khi tôi làm việc trong tuần. Ban đầu, những bài học liên quan đến việc học về các bộ phận khác nhau của chiếc xe và chức năng của chúng. Sau đó đến các bài học lái xe thực tế trên đường bằng cách hiểu và làm theo các **biển báo** và **quy tắc lái xe** khác nhau. Không cần phải nói, các bài học tuân theo một số tiêu chuẩn lái xe **nghiêm ngặt** không phải lúc nào cũng dễ học, nhưng đó chính xác là bài

driver understand the safety and security aspects of taking a car on the roads.

Anyway, the lessons had continued for almost three months, and I was finally ready to take an official driving test to obtain a driver's license.

Anyway, I am glad that I had finally learned driving as it has allowed me the freedom to travel to my work and other places at my own pace (speed) and according to **my agenda** (schedule). Besides, learning this driving skill has also made me confident about applying for some **well-paying jobs**. Finally, learning how to drive has also allowed me to transport many **bulky (big) items** in my car, which otherwise would have been really inconvenient for me if I had to take them on the bus like before. All in all, driving is just so useful.

kiểm tra thực tế để giúp người lái xe trong tương lai hiểu được các khía cạnh an toàn và an ninh khi lái xe trên những con đường.

Dù sao, các bài học đã tiếp tục trong gần ba tháng, và cuối cùng tôi đã sẵn sàng làm bài kiểm tra lái xe chính thức để lấy bằng lái xe.

Dù sao, tôi rất vui vì cuối cùng tôi đã học lái xe vì nó cho phép tôi tự do đi đến nơi làm việc và những nơi khác theo tốc độ của riêng tôi và theo **chương trình nghị sự** của tôi. Bên cạnh đó, học kỹ năng lái xe này cũng khiến tôi tự tin để nộp đơn cho một số **công việc được trả lương cao**. Cuối cùng, học cách lái xe cũng cho phép tôi vận chuyển nhiều **vật dụng cồng kềnh** trong xe, điều này sẽ gây bất tiện cho tôi nếu tôi phải đưa chúng lên xe buýt như trước đây. Tóm lại, lái xe thật là rất hữu ích.

11- Describe a time you visited a place with friends.

You should say: where you went; what you did there; who you were with;

and explain why it was a memorable experience.

Well, I spend my spare (extra) time with my friends quite often. I'd especially like to talk about a time my friends and I traveled to Thailand after graduating **medical school**. After all those years of blood, sweat, and tears (an expression for hard work), we really deserved this trip.

I **vividly (a lot of details)** remember this moment because as soon as we got out of our final exams, we were all aboard on the way to Bangkok. 6 of us had originally agreed upon going, but finally 2 bailed at the last minute. When I think about it, it was an experience to bond (connect deeply) more with just this

The main reason visiting there was to **get away** from the stress gained from studying very hard. Speaking of what we did there, it was **pure relaxation** and discovery. We saw everything from the majestic pagodas and kingdoms in Bangkok to the **pristine (elegant)**, white-sanded beaches in the Phi Phi Islands. Even more than just **the incredible landscapes**, the kind-hearted, welcoming people were what really left their mark (left an impression) on us.

To sum up, we truly had a blast on this trip. It was really what we needed at the time! I'll never forget the flavors of pad thai and bubble tea! It was **100% a blast** (a lot of fun).

Chà, tôi dành thời gian rảnh rỗi với bạn bè khá thường xuyên. Tôi đặc biệt muốn nói về một lần bạn bè của tôi và tôi đi du lịch đến Thái Lan sau khi tốt nghiệp **trường y**. Sau tất cả những năm tháng học tập khó khăn, chúng tôi thực sự xứng đáng với chuyến đi này.

Tôi nhớ **rất rõ** khoảnh khắc này bởi vì ngay khi chúng tôi rời khỏi kỳ thi cuối cùng, tất cả chúng tôi đều trên đường đến Bangkok. 6 người chúng tôi ban đầu đã đồng ý khi đi, nhưng cuối cùng 2 người đã hủy vào phút cuối. Khi tôi nghĩ về nó, đó là một kinh nghiệm để gắn kết nhiều hơn chỉ với điều này.

Lý do chính cho chuyến đi là để **thoát khỏi** sự căng thẳng có được từ việc học tập rất chăm chỉ. Nói về những gì chúng tôi đã làm ở đó, đó là **thư giãn** và khám phá thuần túy. Chúng tôi đã thấy tất cả mọi thứ từ những ngôi chùa và vương quốc hùng vĩ ở Bangkok đến những bãi biển **hoang sơ**, cát trắng ở quần đảo Phi Phi. Thậm chí không chỉ là những **cảnh quan đáng kinh ngạc**, những người tốt bụng, thân thiện là những gì thực sự để lại dấu ấn đối với chúng tôi.

Tóm lại, chúng tôi thực sự đã có thời gian vui vẻ trong chuyến đi này. Đó thực sự là những gì chúng tôi cần tại thời điểm đó! Tôi không bao giờ quên hương vị của pad thai và trà sữa! Điều này mang lại **rất nhiều niềm vui**.

12- Describe the information that was incorrect that you got.

You should say:

When it happened

What the information was How you found it incorrect

And explain how you felt about it

Well, wrong information creates many difficulties in our lives. Sometimes we have to face danger due **faulty (incorrect)** details. So, here I would like to talk about a time when I got the wrong information from a website.

About 3 years ago, my friend sent me an email with **an attached link** to something. He wrote me that it is a link to a website where there is an article related to a painting competition. I clicked on that link and a website was opened on my laptop's screen within a few seconds. I read a piece of information related to a painting competition at **the district level**. It was going to organize an art gallery in my district, and it was necessary to register for it. So, I registered for painting contest was about 50 dollars, so I paid it with my **credit card**. The competition would occur in ten days.

I started my preparations for performing better in this competition. On the day of the competition, I went to Moga via bus and I arrived there at 8.00 A.M. I visited the correct place because I had

Vâng, thông tin sai tạo ra nhiều khó khăn trong cuộc sống của chúng ta. Đôi khi chúng ta phải đối mặt với nguy hiểm do những chi tiết **không chính xác**. Vì vậy, ở đây tôi muốn nói về một thời điểm tôi nhận được thông tin sai từ một trang web.

Khoảng 3 năm trước, bạn tôi đã gửi cho tôi một email **có liên kết đính kèm** với một cái gì đó. Anh ấy viết cho tôi rằng đó là một liên kết đến một trang web nơi có một bài viết liên quan đến một cuộc thi vẽ tranh. Tôi nhấp vào liên kết đó và một trang web đã được mở trên màn hình máy tính xách tay của tôi trong vòng vài giây. Tôi đọc một mẫu thông tin liên quan đến một cuộc thi vẽ tranh ở **cấp huyện**. Nó sẽ tổ chức một phòng trưng bày nghệ thuật ở quận của tôi, và nó là cần thiết để đăng ký cho nó. Vì vậy, tôi đã đăng ký cuộc thi vẽ tranh khoảng 50 đô la, vì vậy tôi đã trả nó bằng **thẻ tín dụng** của mình. Cuộc thi sẽ diễn ra trong mười ngày.

Tôi bắt đầu chuẩn bị để thể hiện tốt hơn trong cuộc thi này. Vào ngày diễn ra cuộc thi, tôi đã đến Moga bằng xe buýt và tôi đến đó lúc 8 giờ sáng. Tôi đã truy cập đúng nơi vì tôi đã nhận được **địa**

received **the venue** from the website. I entered an art gallery named "Street Art".

I asked about this painting competition to reception. The receptionist told me that there would be competition held, even though I showed them a receipt which I got during registration. To add to it, He explained to me that there was an error on their ad regarding the date, and that he would do what he could to **help me out**.

He apologized to me for this inconvenience, but I still couldn't help but feel so disappointed. All in all, after that moment, I came back home. Now you see, wrong information causes inconveniences.

điểm từ trang web. Tôi bước vào một phòng trưng bày nghệ thuật tên là Street Art.

Tôi hỏi về cuộc thi vẽ tranh này để tham dự. Nhân viên tiếp tân nói với tôi rằng sẽ có một cuộc thi được tổ chức, mặc dù tôi đã cho họ xem một biên lai mà tôi đã nhận được trong quá trình đăng ký. Thêm vào đó, anh ấy giải thích với tôi rằng có một lỗi trên quảng cáo của họ về ngày tháng và anh ấy sẽ làm những gì có thể để **giúp tôi**.

Anh ấy xin lỗi tôi vì sự bất tiện này, nhưng tôi vẫn không thể chịu được việc cảm thấy rất thất vọng. Tóm lại, sau khoảnh khắc đó, tôi trở về nhà. Bây giờ bạn thấy, thông tin sai gây ra sự bất tiện rồi đấy.

Part 3

Would you say people trust the information that is found online?

In this day and age, people tend to believe everything they read online without even questioning it first. This is dangerous, as people sometimes write whatever they want online. Before we determine that information is **trustworthy**, we must consider the source. I think information can be trusted **from sites** with a .org/.edu at the end of it, as well as photographs for **extra proof**. For example, one safety precaution is to never go directly to someones's house from the internet. It's always better to meet at a public place first.

How can people check whether a piece of information is correct or not? There are various means that can help people tell the right information from the wrong one. The first approach is to gain access to reliable sources of information, and make a comparison with the **fraudulent information** to see the differences. **Dependable sources** of news can be established newspapers like BBC, the New York Times and other verified news agencies. The second method is that people can ask for advice of professionals in the field, either by phone or email, and wait for some days to receive their feedback.

What are the most common ways in which people obtain information?

I think people obtain the larger share of their information from books and mass media like TV, newspapers and radio. And today since the Internet has grown **exponentially**, more and

Bạn có thể nói mọi người tin tưởng vào thông tin được tìm thấy trực tuyến hay không?

Trong thời đại ngày nay, mọi người có xu hướng tin tất cả mọi thứ họ đọc trực tuyến mà không cần đặt câu hỏi trước. Điều này là nguy hiểm, vì mọi người đôi khi viết bất cứ điều gì họ muốn trực tuyến. Trước khi chúng ta xác định rằng thông tin là **đáng tin cậy**, chúng ta phải xem xét nguồn. Tôi nghĩ rằng thông tin có thể được tin cậy **từ các trang web** có .org / .edu ở cuối thông tin, cũng như hình ảnh để **chứng minh thêm**. Ví dụ, một biện pháp phòng ngừa an toàn là không bao giờ truy cập trực tiếp vào nhà của ai đó từ mạng internet. Nó luôn luôn tốt hơn để gặp nhau trước ở nơi công cộng.

Làm thế nào mọi người có thể kiểm tra xem một phần thông tin là chính xác hay không?

Có nhiều phương tiện khác nhau có thể giúp mọi người biết thông tin đúng từ thông tin sai. Cách tiếp cận đầu tiên là giành quyền truy cập vào các nguồn thông tin đáng tin cậy và so sánh với các **thông tin gian lận** để thấy sự khác biệt. **Các nguồn tin tức đáng tin cậy** có thể được phát hành các tờ báo như BBC, New York Times và các cơ quan tin tức được xác minh khác. Phương pháp thứ hai là mọi người có thể yêu cầu lời khuyên của các chuyên gia trong lĩnh vực này, qua điện thoại hoặc email, và chờ vài ngày để nhận được phản hồi của họ.

Những cách phổ biến nhất mà mọi người có được thông tin là gì?

Tôi nghĩ mọi người có được phần lớn thông tin của họ từ sách và phương tiện truyền thông đại chúng như TV, báo và đài. Và ngày nay kể từ khi Internet phát triển **theo cấp số nhân**, ngày càng có nhiều người nhận được thông tin từ web. Có một sự pha trộn giữa những thứ

more people are getting their information from the web. There is an eclectic mix of stuff that those who go online can take advantage from, such as newsfeeds on social networking websites like Facebook, or informative contents from other **electronic news platforms**.

mà những người lên mạng có thể tận dụng, chẳng hạn như tin tức trên các trang web mạng xã hội như Facebook, hoặc nội dung thông tin từ các **nền tảng tin tức điện tử** khác.

13- Describe a time when someone didn't tell you the whole truth about something

You should say:

- when this happened
- what the situation was
- who you were with

- **and why the person didn't tell the whole truth**

I'm going to tell you about a time I was really upset about someone lying to me. As I **whole-heartedly** value the truth, I feel very disappointed when I find out that someone has lied to me, especially when it's someone close to me. So, I'll share this situation with you.

I had just started dating a new guy and felt that I really liked him. I was 24 at the time, and he had said that he was 30. He appeared to be a bit older than that, so I tried to clarify his age twice, which he **insisted** was exactly 30. So, I decided to believe him. I was chatting with his best friend one day who was 32, and he made a comment saying that he was younger than Manny, which I was confused about at first. Later that day, I **called Manny out** (confronted) about that over text, in which after several lies finally confessed that he was actually 33 years old. I knew it wasn't **the most terrible lie** someone could tell, but I felt that my trust in him was tested. I thought, "if someone lies about simple personal details, what else do they lie about?"

He never **stated** his intentions about his lie, but I would imagine that maybe he felt he was too old for me. I guess that he was afraid to lose me if I knew he was 33, which wasn't a problem for me. Furthermore, maybe he was struggling with accepting his age himself, so he wanted to keep believing that he was 30. I'm sure it was related to his **insecurities** one way or another. Anyway, whatever his reasons were, I decided to give him another chance although I wasn't happy that he was dishonest.

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về một lần tôi thực sự buồn về việc ai đó nói dối tôi. Khi tôi **hết lòng** coi trọng sự thật, tôi cảm thấy rất thất vọng khi phát hiện ra rằng ai đó đã nói dối tôi, đặc biệt là khi nó có người gần gũi với tôi. Vì vậy, tôi sẽ chia sẻ tình huống này với bạn.

Tôi mới bắt đầu hẹn hò với một chàng trai mới và cảm thấy rằng tôi thực sự thích anh ta. Lúc đó tôi 24 tuổi và anh ta nói rằng anh ta 30. Anh ta có vẻ già hơn một chút, vì vậy tôi đã cố gắng làm rõ tuổi của anh ta hai lần, điều mà anh ta **khăng khăng** chính xác là 30. Vì vậy, tôi quyết định tin anh ta. Một ngày nọ, tôi đang trò chuyện với người bạn thân nhất của anh ấy, 32 tuổi và anh ấy đã bình luận rằng anh ấy trẻ hơn Manny, điều mà lúc đầu tôi rất bối rối. Cuối ngày hôm đó, tôi **gọi Manny ra** về việc đó, sau vài lời nói dối cuối cùng đã thú nhận rằng anh ta thực sự đã 33 tuổi. Tôi biết đó không phải là **lời nói dối khủng khiếp nhất** mà ai đó có thể nói, nhưng tôi cảm thấy rằng niềm tin của tôi vào anh ta đã bị thử thách. Tôi nghĩ, nếu ai đó nói dối về những chi tiết cá nhân đơn giản thì họ còn nói dối gì nữa?

Anh ấy không bao giờ **nói ra** ý định của mình về lời nói dối của anh ấy, nhưng tôi sẽ tưởng tượng rằng có lẽ anh ấy cảm thấy anh ấy quá già đối với tôi. Tôi đoán rằng anh ấy sợ mất tôi nếu tôi biết anh ấy 33 tuổi, đó không phải là vấn đề với tôi. Hơn nữa, có lẽ anh ta đang vật lộn với việc chấp nhận tuổi của mình, vì vậy anh ta muốn tiếp tục tin rằng mình đã 30. Tôi chắc chắn điều đó có liên quan đến sự **bất an** của anh ta bằng cách này hay cách khác. Dù sao, bất kể lý do của anh ấy là gì, tôi quyết định cho anh ấy một cơ hội khác mặc dù tôi không vui vì anh ấy không trung thực.

--	--

14- Describe a person who helps others in his spare time.

You should say: who he or she is;

what he or she always does to help others; why he or she always helps others;

and explain how you feel about this person.

I would like to talk about my co-worker, John, who is always willing to **go the extra mile** (do extra) for others. As teachers, we constantly have a lot to do outside of the classroom. However, John **utilizes** his free time to be of service to others. For example, he sends his students **extra materials** every single day, always stays overtime to assist other co-workers, and even stops by work outside of work hours to bring us snacks. Whenever **an emergency situation** arises (comes up), he is always the first one to lend a hand (help).

I believe he does this because he is a man of faith (religious). Besides this, I think that people improve their **well-being** when they dedicate themselves to others. To him, it is no sweat to be of service to others- it's simply a joy.

I truly value John, as he is **a rare breed**. In this day and age, it's uncommon to find someone who simply wants to do good without ulterior motives (other interests). I can say with full confidence that John isn't looking for anything in return. All in all, John is just an excellent human being.

Tôi muốn nói về đồng nghiệp của tôi, John, người luôn sẵn sàng đi giúp đỡ cho người khác. Là giáo viên, chúng tôi liên tục có nhiều việc phải làm ngoài lớp học. Tuy nhiên, John **tận dụng** thời gian rảnh của mình để phục vụ người khác. Ví dụ, anh ấy gửi cho sinh viên của mình **thêm tài liệu** mỗi ngày, luôn luôn làm thêm giờ để hỗ trợ các đồng nghiệp khác, và thậm chí dừng làm việc ngoài giờ để mang cho chúng tôi đồ ăn nhẹ. Bất cứ khi nào **trình huống khẩn cấp** phát sinh, anh ấy luôn là người đầu tiên giúp một tay.

Tôi tin rằng anh ấy làm điều này bởi vì anh ấy là một người có đức tin. Bên cạnh đó, tôi nghĩ rằng mọi người cải thiện **hạnh phúc** của họ khi họ cống hiến hết mình cho người khác. Đối với anh ta, việc phục vụ người khác không phải là sự vất vả - đơn giản là một niềm vui.

Tôi thực sự coi trọng John, vì anh ta là một **người hiếm gặp**. Trong thời đại ngày nay, nó rất hiếm khi tìm thấy một người chỉ đơn giản muốn làm điều tốt mà không có động cơ thầm kín khác. Tôi có thể nói với sự tự tin hoàn toàn rằng John không đang tìm kiếm bất cứ thứ gì đổi lại. Nói chung, John thật sự là một con người xuất sắc.

--	--

15- Describe a park or garden you visited and liked

You should say: where it was; what it looked like;

what you did there;

and explain why you liked it there.

+As a citizen in a metropolitan city, I am usually partial to choosing fresh **outing spaces** for relaxation after being **up to my neck** (very busy) in work. Although there are many beautiful places in London, I would like to mention one in particular- Hyde Park. It's a must-see for tourists.

In the center of the hustle and bustle of London, Hyde Park is **a beautiful oasis** of trees, open space, and flowers. It's a place where people go to have picnics, **take a stroll**, catch a breath of fresh air, etc.

Well, my cousin and I went there for a jog on Sunday morning. Even though we are not morning people (people who like the morning), we decided to push through to do this, and we are so glad! We **jogged (run slowly)** around the entire park which is approximately 5 kilometers, then we laid out some blankets and rested there among **the greenery**. It was the perfect way to recharge for the week.

I really enjoyed this because it was an escape from city life. The work culture in London is **demanding**, so it's nice to catch a break from time to time. Since I'm a salaried worker, I tend to spend over 40 hours working per week. I **crave** moments in nature after being confined to my desk all week. Furthermore, when I exercise, I find that I **disconnect from the stress** in my life and reduce it. All in all, it was a much needed day to escape our **obligations**!

Là một công dân ở một thành phố đô thị, tôi thường chọn nơi **đi chơi mới** để thư giãn sau khi **rất bận rộn** trong công việc. Mặc dù có nhiều địa điểm đẹp ở Luân Đôn, tôi muốn đề cập đến một nơi đặc biệt - Công viên Hyde. Nó là một nơi không thể bỏ qua cho khách du lịch.

Ở trung tâm của sự hối hả và nhộn nhịp của London, Hyde Park là một **ốc đảo xinh đẹp** của cây cối, không gian mở và hoa. Nó là một nơi mà mọi người đi **dã ngoại**, đi dạo, hít thở không khí trong lành, v.v.

Chà, anh họ tôi và tôi đã đến đó để chạy bộ vào sáng Chủ nhật. Mặc dù chúng tôi không phải là người thích dậy buổi sáng, chúng tôi đã quyết định vượt qua để làm điều này, và chúng tôi rất vui mừng! Chúng tôi **chạy bộ** xung quanh toàn bộ công viên dài khoảng 5 km, sau đó chúng tôi trải một số chăn và nghỉ ngơi ở đó giữa **những cây xanh**. Đó là cách hoàn hảo để nạp lại năng lượng trong tuần.

Tôi thực sự thích điều này bởi vì nó là một lối thoát khỏi cuộc sống thành phố. Văn hóa làm việc ở Luân Đôn **đòi hỏi khẩn khe**, vì vậy, thật tuyệt khi thỉnh thoảng nghỉ ngơi. Vì tôi là một người làm công ăn lương, tôi có xu hướng dành hơn 40 giờ làm việc mỗi tuần. Tôi **thèm** những khoảnh khắc trong tự nhiên sau khi bị giam cầm tại bàn cả tuần. Hơn nữa, khi tôi tập thể dục, tôi thấy rằng tôi **ngắt kết nối với sự căng thẳng** trong cuộc sống và giảm bớt nó. Nói chung, đó là một ngày rất cần thiết để thoát khỏi những **nghĩa vụ** của chúng tôi!

16- Describe a time you taught something new to a younger person

You should say:

- when it happened
- who and what you taught
- why you taught this person
- and how you felt about the teaching

Well, since I'm a teacher, I teach new things to younger people on a daily basis. However, I will highlight one experience in particular that was really rewarding (gave me a personal benefit) to me. This would be when I taught a 4 year old student how to hold a pencil correctly and begin to write her first letters.

Thinking back, this was about 2 years ago now. I usually teach **high-school aged kids**, but in this particular time I decided to take on a summer school program with 4-5 year old students. This girl who I taught to write was 4 years old, while the others were 5 years old, already having experience in kindergarten. I **planned a lesson** on the alphabet, assuming that all of them had previous knowledge of this. However, I had to sit beside the 4 year old girl to further assist her as she didn't have previous knowledge of this. We **started off** by holding the pencil together to form the letters, followed by me **slowly easing (taking off easily) my hand off** of it. I stayed beside her until she was able

Chà, vì tôi là một giáo viên, tôi dạy những điều mới cho những người trẻ tuổi hơn hàng ngày. Tuy nhiên, tôi sẽ nêu bật một kinh nghiệm cụ thể là thực sự bổ ích cho tôi. Đó là khi tôi dạy một học sinh 4 tuổi cách cầm bút chì một cách chính xác và bắt đầu viết những chữ cái đầu tiên của mình.

Nghĩ lại, đây là khoảng 2 năm trước. Tôi thường dạy **những đứa trẻ ở độ tuổi trung học**, nhưng trong thời gian đặc biệt này, tôi quyết định tham gia một chương trình học hè với những học sinh 4-5 tuổi. Cô bé mà tôi dạy viết này đã 4 tuổi, trong khi những đứa trẻ khác 5 tuổi, đã có kinh nghiệm ở trường mẫu giáo. Tôi **đã lên kế hoạch cho một bài học** trên bảng chữ cái, giả sử rằng tất cả chúng đều có kiến thức trước đó về điều này. Tuy nhiên, tôi phải ngồi bên cạnh cô bé 4 tuổi để tiếp tục giúp đỡ em ấy vì em không có kiến thức về việc này trước đây. Chúng tôi **bắt đầu** bằng cách cầm bút chì cùng nhau để tạo thành các chữ cái, rồi tôi **dần dần rời lỏng tay tôi ra**. Tôi ở bên cạnh em ấy cho đến khi em ấy có thể viết ra những

to write out her first letters. I'll never forget the **excited look on her face** when she finally got the hang of it! As the class progressed, she was easily able to **keep up (stay at the same speed as)** with the 5 year olds.

This was an extremely **rewarding experience** for me; I was just so excited. Since I had never experienced teaching a child a basic skill, it was really special to me. It made me start to think about raising my own family one day, especially standing beside my children at their **milestones (big life events)**. I had never thought about how exciting it must be to be a parent! All in all, it **was an emotional moment** for me.

chữ cái đầu tiên của mình. Tôi không bao giờ quên được **vẻ hào hứng trên khuôn mặt** khi cuối cùng em ấy cũng hiểu được! Khi lớp học phát triển, cô bé có thể dễ dàng **theo kịp** những đứa trẻ 5 tuổi.

Đây là một **kinh nghiệm cực kỳ bổ ích** đối với tôi; Tôi đã rất vui mừng. Vì tôi chưa bao giờ có kinh nghiệm dạy cho trẻ một kỹ năng cơ bản, nó thực sự đặc biệt đối với tôi. Nó khiến tôi bắt đầu nghĩ về việc nuôi dạy gia đình của chính mình một ngày nào đó, đặc biệt là đứng bên cạnh các con tôi tại **các mốc quan trọng** của chúng. Tôi chưa bao giờ nghĩ về việc làm cha mẹ thú vị như thế nào! Nói chung, đó là **một khoảnh khắc đầy tình cảm** đối với tôi.

17- Describe a time you heard someone you didn't know talking on the phone in a public place.

You should say:

when and where it was what the call was about;

what you were doing at that time; and explain how you felt about it.

Well, I'm almost **never into eavesdropping (secretly listening)** to the other people's personal conversations, but **it's bound to happen** nowadays where people never disconnect from their phones. In particular, I would like to **share a situation** with you when I **overheard a lucky conversation**. Well, here it goes:

Last month, I was traveling to Orlando to Miami by train. The person who sat next to me had **the appearance of a sharp (elegant) businessman**. After 10 minute, his phone suddenly rang. As soon as he picked it up, he started speaking loudly which let me no choice but to me **shift my attention to his conversation**, even though I was reading a book.

He introduced himself as **an employment agency agent**, and I imagined on the other side there was maybe **a youngster** who wanted the job. As I had just finished college and was looking for a job, I couldn't **take my ear away from his conversation**, even knowing **how rude it may come across (seem)**.

He was talking about online jobs such as a content writer, editor, data entry and so on. Along with this he also told the person the name of one or two websites. with the help of these websites, **individuals** get a job which is relevant for them. Unfortunately, I did not catch (hear) the name of websites he mentioned.

So, I decided to be brave. As soon as he hung up, I introduced myself and apologized for eavesdropping. I asked if he could repeat the website for the online jobs. Luckily, he was a very kind person. He accepted my apology and told me the name of the website. In addition to it, he also gave me his business card and

Chà, tôi gần như **không bao giờ nghe lén** người khác nói chuyện cá nhân, nhưng **điều đó chắc chắn sẽ xảy ra** ngày nay khi mọi người không bao giờ ngắt kết nối với điện thoại của họ. Đặc biệt, tôi muốn **chia sẻ một tình huống** với bạn khi tôi **lình cờ nghe được một cuộc trò chuyện may mắn**. Vâng, nó ở đây:

Tháng trước, tôi đã đi du lịch đến Orlando từ Miami bằng tàu hỏa. Người ngồi cạnh tôi **là một doanh nhân ngoại hình thanh lịch**. Sau 10 phút, điện thoại của anh đột nhiên reo. Ngay khi anh nhặt nó lên, anh bắt đầu nói to khiến tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tôi **chuyển sự chú ý sang cuộc trò chuyện của anh**, mặc dù tôi đang đọc một cuốn sách.

Anh ta tự giới thiệu mình **là một đại lý cơ quan việc làm**, và tôi tưởng tượng ở phía bên kia có lẽ có **một người trẻ tuổi** muốn công việc. Khi tôi vừa học xong đại học và đang tìm kiếm một công việc, tôi **không thể rời tai khỏi cuộc trò chuyện của anh ấy**, dù biết **nó có thể thô lỗ như thế nào**.

Ông ta đã nói về các công việc trực tuyến như một nhà văn nội dung, biên tập viên, nhập dữ liệu và đại loại như vậy. Cùng với điều này, ông ta cũng nói với người đó tên của một hoặc hai trang web. Với sự giúp đỡ của các trang web này, **các cá nhân** có được một công việc phù hợp với họ. Thật không may, tôi đã không nghe được tên của các trang web mà anh ấy đề cập.

Vì vậy, tôi quyết định dũng cảm lên. Ngay khi anh cúp máy, tôi tự giới thiệu và xin lỗi vì nghe lén. Tôi hỏi nếu anh ta có thể lặp lại trang web cho các công việc trực tuyến. May mắn thay, anh ấy là một người rất tốt bụng. Anh ấy chấp nhận lời xin lỗi của tôi và

told me to give him a call if I had **any questions or concerns**. So that was the time when I heard someone over the phone. I felt so happy to come across an opportunity like this- sometimes it pays off (has benefit) to be nosey (interested in the lives of others)!

cho tôi biết tên của trang web. Ngoài ra, anh ấy còn đưa cho tôi danh thiếp của anh ấy và bảo tôi gọi cho anh ấy nếu tôi có **bất kỳ câu hỏi hoặc thắc mắc nào**. Vì vậy, đó là thời gian tôi nghe thấy ai đó qua điện thoại. Tôi cảm thấy rất vui khi bắt gặp một cơ hội như thế này - đôi khi nó được đền đáp vì sự tò mò quan tâm đến cuộc sống của người khác!

QUESTIONS FOR PART3**Why do you think some people talk aloud on public transport?**

It is quite understandable as to why some have to **resort to loud** talking in places which they are supposed to speak softly or remain in silence. Take me as an example, while sitting on the bus, especially during **peak time**, when it is **packed in like sardines** and there is not even room **to swing a cat**, it is normal that people would have a chit chat with their friends sitting next to them, or do some work like answering phone calls from their boss or partners. It's nothing but a mess, so people have to raise their voice so that their **counterparts can get the hang of** what they are talking about.

Should people be banned from talking aloud in public places?

Currently, there's no rule which prohibits people from talking out loud in public places. But I guess there shouldn't be one, as it seems out of the question to carry out such a law. As I have mentioned, there are not too many times when people **make a racket**, only when **it's jam packed** and there is a need to talk out loudly to attract others' attention. Besides, every person has a different character, which means some **are born talkative**, while others would love to remain silent, so I **reckon** education should take priority rather than establishing rules and regulations.

Is it bad to talk on the phone in public places?

It is not totally gross o talk on the phone in public places as the need to reach others via phone is a basic one. Having said that, it's a

Phần 3**Tại sao bạn nghĩ rằng một số người nói to trên phương tiện giao thông công cộng?**

Điều khá dễ hiểu là tại sao một số người phải dùng đến **việc nói to** ở những nơi mà họ được cho là nên nói nhẹ nhàng hoặc giữ im lặng. Lấy tôi làm ví dụ, khi ngồi trên xe buýt, đặc biệt là trong **thời gian cao điểm**, khi nó **chật cứng như cá mòi** và thậm chí không có chỗ **để vung tay**, việc mọi người ngồi trò chuyện với bạn bè ngồi bên cạnh là chuyện bình thường. với họ, hoặc làm một số công việc như trả lời các cuộc gọi điện thoại từ sếp hoặc đối tác của họ. Nó không có gì ngoài một mớ hỗn độn, vì vậy mọi người phải lên tiếng để các **đối tác** của họ **có thể hiểu được** những gì họ đang nói.

Mọi người có nên bị cấm nói to ở những nơi công cộng?

Hiện tại, không có quy định nào cấm mọi người nói to ở những nơi công cộng. Nhưng tôi đoán không nên có quy định như vậy, vì dường như không có vấn đề gì để thực hiện một luật như vậy. Như tôi đã đề cập, không có quá nhiều lần mọi **người làm như thế**, chỉ khi họ **bị mắc kẹt** và có nhu cầu nói to để thu hút sự chú ý của người khác. Bên cạnh đó, mỗi người có một tính cách khác nhau, có nghĩa là một số **người sinh ra đã nói nhiều**, trong khi những người khác thích giữ im lặng, vì vậy tôi **cho rằng** việc giáo dục nên ưu tiên hơn là thiết lập các quy tắc và quy định.

Có phải là xấu khi nói chuyện điện thoại ở những nơi công cộng?

well-advised to keep the conversations concise and to the point instead of **going round-about** or sharing private information publicly like that. Also, it's not **socially unacceptable** if people keep their voice down a bit, speaking in a way that both the caller and the recipient can understand each other.

Nó không hoàn toàn thô thiển khi nói chuyện điện thoại ở những nơi công cộng vì nhu cầu tiếp cận người khác qua điện thoại là một điều cơ bản. Phải nói rằng, **lời khuyên tốt** dành cho bạn là nên giữ cho các cuộc trò chuyện ngắn gọn, thay vì **đi vòng quanh** hoặc chia sẻ thông tin cá nhân công khai như thế. Ngoài ra, đó **là điều không thể không chấp nhận được về mặt xã** hội nếu mọi người giữ giọng nói nhỏ một chút, nói theo cách mà cả người gọi và người nghe có thể hiểu nhau.

18- Describe a friend or a person who encouraged you to achieve a goal.

You should say:

Who this person is

What this person encourage you to do What this person have help

And explain why this encouragement help you to achieve the goal

I'm going to talk about a friend and ex-coworker of mine named Billy. He has been a friend of mine for years now, and is always **a shoulder to lean on** (someone you can rely on). He has always been there for me **through thick and thin** (good and bad times), and I don't know where I would be today without him. Let me tell you more.

I've always dreamt of being an entrepreneur but was unsure of myself before. I first met Billy at the International School I used to work for before. We were both teachers and hating our lives working under someone. So, one day we got together and started sharing ideas about starting our own language school. I'm good with people and thinking of creative ideas, while Billy is more **apt to** deal with numbers and the business side of things. He encouraged me to fulfill my dreams and put my creative ideas to test, while I encouraged him to put his number and business skills to use. He would tell me that my ideas could change the world, which made me feel **on top of the world**. I needed someone to believe in me **to this degree** (to this extent), as I didn't feel that my ideas were

Tôi sẽ nói về một người bạn và đồng nghiệp cũ của tôi tên là Billy. Anh ấy đã là một người bạn của tôi trong nhiều năm nay, và luôn **là một bờ vai để dựa vào**. Anh ấy đã luôn ở đó cùng tôi **suốt thời điểm tốt và xấu**, và tôi không biết mình sẽ ở đâu hôm nay nếu không có anh ấy. Hãy để tôi kể với bạn nhiều hơn.

Tôi đã luôn mơ ước trở thành một doanh nhân nhưng không chắc chắn về bản thân mình trước đây. Lần đầu tiên tôi gặp Billy tại Trường Quốc tế tôi từng làm việc trước đây. Chúng tôi đều là giáo viên và ghét cuộc sống của chúng tôi làm việc dưới một ai đó. Vì vậy, một ngày nọ chúng tôi gặp nhau và bắt đầu chia sẻ ý tưởng về việc bắt đầu trường ngôn ngữ của riêng mình. Tôi giao tiếp tốt với mọi người và nghĩ ra những ý tưởng sáng tạo, trong khi Billy **có xu hướng** xử lý các con số và khía cạnh kinh doanh của mọi thứ. Anh ấy khuyến khích tôi thực hiện ước mơ của mình và thử nghiệm những ý tưởng sáng tạo của mình, trong khi tôi khuyến khích anh ấy đưa số lượng và kỹ năng kinh doanh của bản thân vào sử dụng. Anh ấy sẽ nói với tôi rằng ý tưởng của tôi có thể thay đổi thế giới, điều đó khiến tôi cảm thấy như đang **ở trên đỉnh thế giới**. Tôi cần ai đó tin tưởng tôi **ở mức độ này**, vì tôi không cảm thấy rằng ý

good enough to start my own business before. Through **mutual encouragement**, we ended up where we are today.

We have now owned our own school for 3 years and counting! We have had success because we always build each other up and focus on our strengths rather than our weaknesses. By helping one another, we both felt enough confidence to achieve our dreams. We certainly make a great team!

tưởng của mình đủ tốt để bắt đầu kinh doanh trước đây. Thông qua **sự khuyến khích lẫn nhau**, chúng tôi đã kết thúc nơi chúng tôi có ngày hôm nay.

Chúng tôi đã sở hữu trường học của chúng tôi trong 3 năm và hơn thế! Chúng tôi đã có được thành công vì chúng tôi luôn xây dựng lẫn nhau và tập trung vào điểm mạnh của mình hơn là điểm yếu. Bằng cách giúp đỡ lẫn nhau, cả hai chúng tôi đều cảm thấy đủ tự tin để đạt được ước mơ của mình. Chúng tôi chắc chắn làm nên một đội tuyệt vời!

19- Describe a historical building you have visited.

You should say: where it was what it looked like?

what you learned there and explain why you visited this historical building?

I'm going to talk about the **majestic** Machu Picchu, the ancient Inca city **tucked into** (inside) the Andes Mountain range. More than 7,000 feet above sea level, Machu Picchu is **the most visited tourist destination** in Peru. A symbol of the Incan Empire and built around 1450AD, Machu Picchu was **designated** a UNESCO World Heritage Site in 1983 and was named one of the New Seven Wonders of the World in 2007! It was such **a humbling experience!**

I had always seen pictures of Machu Picchu and studied about its significance in school, but experiencing it in person made me realize that **the pictures do it absolutely no justice** (looks better in person). Upon arrival, you start to see **intricate stone paths**, walls, and buildings surrounded by mountain ranges, which frame the ancient city. There are **irrigation systems and farming terraces extending down the mountains**. Below it, there is **fast-flowing river**. You can tell they built this city intelligently! Furthermore, there are **llamas** throughout the structure, as well as tourists posing for selfies in every direction. The contrast between the bright green mountains with the stone city and **agricultural**

Tôi sẽ nói về Machu Picchu **hùng vĩ**, thành phố Inca cổ kính **nằm giữa** dãy núi Andes. Hơn 7.000 feet so với mực nước biển, Machu Picchu **là điểm du lịch được ghé thăm nhiều nhất** ở Peru. Là biểu tượng của Đế chế Incan và được xây dựng vào khoảng năm 1450AD, Machu Picchu **được chỉ định** là Di sản Thế giới của UNESCO năm 1983 và được vinh danh là một trong Bảy kỳ quan thế giới mới vào năm 2007! Đó là **một trải nghiệm tuyệt vời!**

Tôi đã luôn nhìn thấy những bức ảnh của Machu Picchu và nghiên cứu về tầm quan trọng của nó ở trường, nhưng trải nghiệm nó trực tiếp khiến tôi nhận ra rằng **những bức ảnh không đẹp bằng nhìn tận mắt**. Khi đến nơi, bạn bắt đầu thấy **những con đường bằng đá phức tạp**, những bức tường và các tòa nhà được bao quanh bởi những dãy núi, bao quanh thành phố cổ. **Có hệ thống thủy lợi và ruộng bậc thang kéo dài xuống núi**. Bên dưới nó, có **dòng sông chảy xiết**. Bạn có thể nói rằng họ đã xây dựng thành phố này một cách thông minh! Hơn nữa, có **lạc đà** trong toàn bộ khu vực này, cũng như khách du lịch chụp ảnh tự sướng theo mọi hướng. Sự tương phản giữa những ngọn núi xanh tươi với thành phố đá và **ruộng bậc thang nông nghiệp** thực sự rất **ngạc nhiên**.

terraces is truly **breath-taking**. On sunny days, you can see **snow-capped mountain** ranges even further in the distance!

In this incredible place, I did a tour to learn about the history of the Incas and the detailed work and planning that went into building this place. For example, I learned that they suppose Machu Picchu was built to house the **aristocratic class** and that it was abandoned after the Spanish conquest. Furthermore, I learned that the Incas worshiped the sun, and that they had technology way ahead of their time (advanced), which reflects in their **stonework, irrigation system, farming system**, etc.

As I had always been fascinated by the Incas, I decided to take this trip with my family to see it in person. I'm so glad I did! What a magnificent place it was.

Vào những ngày nắng, bạn có thể thấy những **dãy núi phủ tuyết** xa hơn nữa ở phía xa!

Ở nơi tuyệt vời này, tôi đã thực hiện một chuyến tham quan để tìm hiểu về lịch sử của người Inca và công việc và kế hoạch chi tiết của việc xây dựng nơi này. Ví dụ, tôi được biết rằng họ cho rằng Machu Picchu được xây dựng để dành cho **tầng lớp quý tộc** và nó đã bị bỏ hoang sau cuộc chinh phạt của Tây Ban Nha. Hơn nữa, tôi đã học được rằng người Inca tôn thờ mặt trời và họ có công nghệ đi trước thời đại, điều này phản ánh trong **bia đá, hệ thống thủy lợi, hệ thống canh tác**, v.v.

Vì tôi luôn bị mê hoặc bởi người Inca, tôi quyết định thực hiện chuyến đi này cùng gia đình để tận mắt nhìn thấy nó. Tôi rất vui vì tôi đã làm như vậy! Thật là một nơi tuyệt vời.

Part 3

Do people in your country often visit historical buildings?

To be honest, not really. As the US is a very new country, there aren't many historical places to visit. Furthermore, since people tend to enjoy visiting the coast or modern places more, historical places are losing their value. Moreover, people usually only have a week of paid vacation per year, so they tend to visit family or take a family beach, camping, or mountain trip instead. Unfortunately, not

Phần 3

Có phải mọi người ở nước bạn thường đến thăm các tòa nhà lịch sử?

Thành thật mà nói, không thực sự như vậy. Vì Mỹ là một quốc gia rất mới, nên không có nhiều địa điểm lịch sử để đến thăm. Hơn nữa, vì mọi người có xu hướng thích đến thăm bờ biển hoặc những nơi hiện đại hơn, những địa điểm lịch sử đang mất dần giá trị của họ. Hơn nữa, mọi người thường chỉ có một tuần nghỉ có lương mỗi năm, vì vậy họ có xu hướng đến thăm gia đình hoặc đi biển, cắm

too many people **have the means**, desire, nor the time to visit historical monuments.

Do children like to go to that kind of place?

I definitely think a child would be impressed by the sight of Machu Picchu, but I don't like it would be the number one spot to take them. For example, there are **steep drop-offs** (steep hills) where a child could easily **fall to their death**. Secondly, it may be tiring for children to walk up the steep steps, and they could get bored during the several hour tour. On the other hand, I think children would get **a kick out of** (be entertained by) the llamas walking around the complex!

Do you think people who damage historical relics should be put in prison?

Yes, in most cases! It is just insane that someone would do such a thing. I think this is such **a heinous** (horrible) crime for someone to destroy a piece of history. A person who would do such a terrible thing clearly doesn't understand the value of **historical relics**. However, before putting the person in jail, authorities should determine the reason for it. Perhaps the person would do such a thing as a way to **seek vengeance** (revenge) for a historical event that **deeply scarred** them. Still, it is unacceptable for them to destroy it, but maybe the government should consider what **historical landmarks** mean to some.

trại hoặc đi leo núi thay thế. Thật không may, không có quá nhiều người **có phương tiện**, mong muốn, cũng không có thời gian để tham quan các di tích lịch sử.

Trẻ em có thích đi đến nơi đó không?

Tôi luôn nghĩ rằng một đứa trẻ sẽ bị ấn tượng bởi cảnh Machu Picchu, nhưng tôi không phải muốn nó là một trong những địa điểm đầu tiên để đưa chúng đi. Ví dụ, có **những bãi thả dốc**, nơi một đứa trẻ có thể **dễ dàng gặp nguy hiểm**. Thứ hai, có thể mệt mỏi khi trẻ em bước lên những bậc thang dốc, và chúng có thể cảm thấy buồn chán trong chuyến du lịch vài giờ. Mặt khác, tôi nghĩ rằng trẻ em sẽ **thích thú với** những con lạc đà đi dạo quanh khu phức hợp!

Bạn có nghĩ rằng những người làm hỏng di tích lịch sử nên được đưa vào tù?

Vâng, trong hầu hết các trường hợp! Thật điên rồ khi ai đó sẽ làm một điều như vậy. Tôi nghĩ rằng đây là **một tội ác ghê gớm** đối khi ai đó phá hủy một phần của lịch sử. Một người sẽ làm một điều khủng khiếp như vậy rõ ràng không hiểu được giá trị của các **di tích lịch sử**. Tuy nhiên, trước khi đưa người ta vào tù, cơ quan chức năng cần xác định lý do cho việc này. Có lẽ người đó làm việc này như một cách để **tìm cách trả thù** cho một sự kiện lịch sử làm họ **sợ hãi sâu sắc**. Tuy nhiên, việc họ phá hủy nó là không thể chấp nhận được, nhưng có lẽ chính phủ nên xem xét **các mốc lịch sử** có ý nghĩa gì với một số người.

20- Describe something a child did that made you laugh.

You should say: who the child was;

how old he or she was; what he or she did;

and explain why it made you laugh.

Often, children say and do the craziest things, as they **lack the filter** that adults have! It leads to lots of laughter. So, let me tell you about this child, Peter, who really made me laugh.

He the child of one of my co-workers. It was Peter's 3rd birthday party last week and I attended his birthday party. As I know Peter is a very active, **rambunctious** (naughty) child, I thought a water gun would be a suitable gift for him. So, I presented it to him and he was **ecstatic** (excited)!

Peter sees many television shows and knows that the guns are used to shoot. So, he immediately started playing with the gun. He refilled the gun with water and pointed it to the guests and shot them with water! He wanted to have fun and did so. But finally, when the water ran out (emptied) and his parents did not allow him to refill with water, he shot them.

When he shot his dad, the dad fell on the ground. When he shot his mother, she also fell in the ground as if she died. He was surprised.

Thông thường, trẻ em nói và làm những điều điên rồ nhất, vì chúng **thiếu bộ lọc** mà người lớn có! Nó dẫn đến rất nhiều tiếng cười. Vì vậy, hãy để tôi kể cho bạn về đứa trẻ này, Peter, nó thực sự khiến tôi mỉm cười.

Cậu bé là con của một trong những đồng nghiệp của tôi. Đó là bữa tiệc sinh nhật lần thứ 3 của Peter tuần trước và tôi đã tham dự bữa tiệc sinh nhật của cậu bé. Như tôi biết Peter là một đứa trẻ rất năng động, **hay nghịch ngợm**, tôi nghĩ rằng một khẩu súng nước sẽ là một món quà phù hợp cho nó. Vì vậy, tôi đã tặng nó cho cậu bé và nó đã **rất phấn khích!**

Peter xem nhiều chương trình truyền hình và biết rằng súng được sử dụng để bắn. Vì vậy, cậu bé ngay lập tức bắt đầu chơi với khẩu súng. Nó đổ đầy nước vào súng và chĩa vào khách và bắn nước họ! Nó muốn vui vẻ nên đã làm như vậy. Nhưng cuối cùng, khi nước chảy ra hết và bố mẹ cậu bé không cho phép nó đổ đầy nước, nó đã bắn họ.

Khi cậu bé bắn cha mình, người cha ngã xuống đất. Khi nó bắn mẹ mình, bà cũng ngã xuống đất như thể bà chết. Cậu bé đã

He could not decide what to do. So, he shot himself and fell beside his mother until they stopped pretending to be dead.

The entire event was hilarious (really funny), and all of the guests were roaring in laughter. In fact, the kid was **highly clever** and his gestures made me laugh. He was confused what to do when he shot his parents. So, finding no representation of the situation was really interesting that everyone could not stop laughing with this **scenario**. Despite the issue being a serious one, it was a kind of comical event. So, **I laughed with my whole heart**. In fact, it was the rapid decision making skill of the child and the **implementation of the decision without any hesitation** was the key element of the genuine laughter.

ngạc nhiên. Nó không thể quyết định cần phải làm gì. Vì vậy, Cậu bé tự bắn mình và ngã bên cạnh mẹ cho đến khi họ ngừng giả vờ chết.

Toàn bộ sự kiện rất vui nhộn, và tất cả các khách mời đều cười ồ lên. Trên thực tế, đứa trẻ **rất thông minh** và cử chỉ của nó khiến tôi bật cười. Cậu bé bối rối không biết phải làm gì khi bắn bố mẹ mình. Vì vậy, việc không tìm thấy sự phản ứng nào trong tình huống này thực sự thú vị khiến mọi người không thể ngừng cười với **kịch bản** này. Mặc dù vấn đề trở nên nghiêm trọng, nó lại là một sự kiện hài hước. Vì vậy, **tôi đã cười bằng cả trái tim**. Trên thực tế, đó là kỹ năng ra quyết định nhanh chóng của trẻ và **việc thực hiện quyết định mà không có bất kỳ sự do dự** nào là yếu tố chính của tiếng cười thực sự.

21- Describe a time you enjoyed your free time

You should say: When it was Where you were What you did

And how you felt about it

Version 1:

There have been several instances in which I have had the pleasure of enjoying my free time **over the course of my life**, but I will talk about the most recent one. Well, to give you some background, I have recently taken on a new **managerial position** at a company. Since I'm new to management, I find some of the tasks and responsibilities **overwhelming** at times, so free time is something I **cherish** (appreciate) more now.

Luckily, there was a holiday last Monday, so I had a three day weekend. I **took advantage of this time** by going to visit my relatives for the weekend. She lives a couple hours away, so I made a short road trip there across my state. As soon as I got there, **I was greeted by warmth and affection**. I was staying at my auntie's house, so we spent countless hours at the pool drinking margaritas all weekend. Along with this, we cooked together and **caught up** (updated each other). One afternoon we went to visit my grandfather, in which we just relaxed and prepared lunch for him. Although it was a simple weekend, it was just the relaxation that I needed.

I felt so happy and **light-hearted** (simple; non-emotional) over this whole weekend. When I went back to work on Monday, I felt **re-charged** and ready to **tackle** (face) all the challenges of the week. Family is my number one, so I always feel relaxed after I get to spend time with them. All in all, it was a very pleasant visit.

Phiên bản 1:

Đã có một vài trường hợp tôi có được niềm vui tận hưởng thời gian rảnh rỗi **trong suốt cuộc đời mình**, nhưng tôi sẽ nói về lần gần đây nhất. Vâng, để cung cấp cho bạn một số thông tin thì gần đây tôi đã đảm nhận một **vị trí quản lý mới** tại một công ty. Vì tôi mới quản lý, đôi khi tôi thấy một số nhiệm vụ và trách nhiệm **áp đảo**, vì vậy thời gian rảnh là điều tôi **trân trọng** hơn bây giờ.

May mắn thay, có một kỳ nghỉ vào thứ Hai tuần trước, vì vậy tôi đã có một ngày cuối tuần đến tận ba ngày. Tôi **đã tận dụng thời gian này** bằng cách đi thăm người thân vào cuối tuần. Cô ấy sống cách đó vài giờ, vì vậy tôi đã thực hiện một chuyến đi ngắn lên đó qua tiểu bang của tôi. Ngay khi đến đó, **tôi đã được chào đón bởi sự ấm áp và tình cảm**. Tôi đang ở nhà dì của tôi, vì vậy chúng tôi đã dành vô số giờ ở hồ bơi để uống bơ thực vật vào tất cả các ngày cuối tuần. Cùng với điều này, chúng tôi đã nấu ăn cùng nhau và **cập nhật tin tức lẫn nhau**. Một buổi chiều, chúng tôi đến thăm ông tôi, tại đó chúng tôi vừa thư giãn và chuẩn bị bữa trưa cho ông. Mặc dù đó là một ngày cuối tuần đơn giản, đó chính là sự thư giãn mà tôi cần.

Tôi cảm thấy rất hạnh phúc và **nhẹ nhàng** trong suốt ngày cuối tuần này. Khi tôi trở lại làm việc vào thứ Hai, tôi cảm thấy được **sạc đầy năng lượng** và sẵn sàng **giải quyết** tất cả các thử thách trong tuần. Gia đình là số một với tôi, vì vậy tôi luôn cảm thấy thư giãn sau khi dành thời gian cho họ. Nói chung, đó là một chuyến thăm rất dễ chịu.

Version 2:

Wow! That is difficult to just think of one instance, as I tend to always enjoy my free time. However, I'll tell you about one day last week when I had a snow day (day when you can't leave the house because of a snowstorm) and couldn't leave the house. I'm not **a fan of the snow**, so I often **get down in the dumps** during the winter season. But, this day I decided to **cheer up** (get happy). I was home alone, so I started off the day by making myself pancakes, eggs, and a few cups of coffee. I think even just this **kicked off the day** better for me, as I'm usually **scrambling around** (running around quickly) at the last minute to get to work on time in the mornings.

After breakfast, I went outside in my yard for a bit and just sat in the snow in my apartment complex. Then I decided to **trigger my inner child** (act like a child) and build a snowman and make snow angels. This really made my day! After this, **for old time's sake** (to remember old memories), I went inside and made myself a cup of hot chocolate with marshmallows, as my mother used to do for my brother and I when we were kids. Following this, I stayed in my apartment all day **sprawled out** (lied) across the floor with blankets and pillows watching Netflix. I watched everything from childhood classics like Lion King to **conspiracy theory documentaries**.

I truly felt relaxed and **at ease** on this day. As I tend to get lost in the demands of my boss as well as drama with my boyfriend, I really

Phiên bản 2:

Ồ! Thật khó để nghĩ về một ví dụ, vì tôi có xu hướng luôn tận hưởng thời gian rảnh của mình. Tuy nhiên, tôi sẽ kể cho bạn nghe về một ngày cuối tuần khi tôi có một ngày tuyết rơi và không thể rời khỏi nhà. **Tôi không phải là người hâm mộ tuyết**, vì vậy tôi thường **buồn bã trong mùa đông**. Nhưng, ngày này tôi quyết định **vui lên**. Tôi ở nhà một mình, vì vậy tôi bắt đầu một ngày bằng cách tự làm bánh kếp, trứng và một vài tách cà phê. Tôi nghĩ ngay cả điều này cũng **khởi đầu ngày tốt hơn** đối với tôi, vì tôi thường **tranh giành** vào phút cuối để đi làm đúng giờ vào buổi sáng.

Sau khi ăn sáng, tôi đi ra ngoài sân một chút và chỉ ngồi trong tuyết trong khu chung cư của mình. Sau đó, tôi quyết định **hành động như một đứa trẻ** và làm một người tuyết và làm thiên thần tuyết. Điều này thực sự làm tôi rất vui! Sau đó, **để nhớ những kỷ niệm cũ**, tôi vào trong và tự pha cho mình một cốc sô cô la nóng với kẹo dẻo, như mẹ tôi thường làm cho anh trai tôi và tôi khi chúng tôi còn là những đứa trẻ. Sau đó, tôi ở trong căn hộ của mình suốt ngày **nằm dài** ra trên sàn nhà với chăn và gối xem Netflix. Tôi đã xem tất cả mọi thứ từ kinh điển thời thơ ấu như Lion King đến **phim tài liệu lý thuyết âm mưu**.

Tôi thực sự cảm thấy thư giãn và **thoải mái** vào ngày này. Khi tôi có xu hướng bị kẹt trong những yêu cầu của sếp cũng như bộ phim truyền hình với bạn trai, tôi thực sự cần một ngày như thế này. Thật ra, ngày như thế này đã thay đổi thái độ của tôi về tuyết. Tôi đã

needed a day like this. Actually, this day changed my attitude about snow. I used to think of it as just an inconvenient, inefficient day, whereas now I see it in a different light. Now I see them as opportunities to awake my inner child and take me back to the good old days!

từng nghĩ về nó như một ngày bất tiện, không hiệu quả, trong khi bây giờ tôi thấy nó ở một khía cạnh khác. Bây giờ tôi thấy nó là cơ hội để làm tôi nhỏ bé lại và đưa tôi trở lại những ngày xa xưa tốt đẹp!

Part 3**What do people like to do when they are free in your country?**

Like me, many people like to spend time with their family or friends in their free time, as we all have heavy work schedules during the week. For family and friend time, people often go out for meals together, go to the cinema, hang out at each other's houses, go to bars, etc. Furthermore, since obesity **is a growing problem**, many people choose to exercise before or after work during the week or on weekends. Additionally, many people spend their free time taking their kids to sporting events or to other extra curricular activities over the weekends, such as soccer games, etc.

Do you think most people are able to manage their free time?

Not all! As I said before, many people spend their free time **stressing about work** and/or the future. Furthermore, since people don't tend to have much free time to begin with, the only free time they have it spent **running errands** to prepare for the following week. Moreover, many people tend to sleep in (sleep without an alarm) on weekends and waste the day away, or maybe just watch TV on the sofa all day long. Since many people have to be on call or go into work on weekends, there isn't much time to get out of town on the weekends, either. Additionally, many people spend all of the free time they have taking their children to their activities, so there isn't enough time to do what they would truly enjoy. With all of this said, I wouldn't say most people know how to effectively spend their free time in my country.

Phần 3**Mọi người ở nước bạn thích làm gì khi họ rảnh rỗi?**

Giống như tôi, nhiều người thích dành thời gian cho gia đình hoặc bạn bè của họ khi rảnh rỗi, vì tất cả chúng ta đều có lịch làm việc dày đặc trong tuần. Đối với thời gian của gia đình và bạn bè, mọi người thường đi ăn cùng nhau, đi xem phim, đi chơi ở nhà của nhau, đi bar, v.v. Hơn nữa, vì **béo phì là một vấn đề ngày càng tăng**, nhiều người chọn tập thể dục trước hoặc sau khi làm việc trong tuần hoặc vào cuối tuần. Ngoài ra, nhiều người dành thời gian rảnh rỗi để đưa con cái họ đến các sự kiện thể thao hoặc tham gia các hoạt động ngoại khóa khác vào cuối tuần, chẳng hạn như các trận bóng đá, v.v.

Bạn có nghĩ rằng hầu hết mọi người có thể quản lý thời gian rảnh của họ?

Không phải tất cả! Như tôi đã nói trước đây, nhiều người dành thời gian rảnh của họ để **suy nghĩ về công việc** và / hoặc tương lai. Hơn nữa, vì mọi người không có xu hướng có nhiều thời gian rảnh để bắt đầu, nên thời gian rảnh duy nhất họ dành để **chạy việc vặt** để chuẩn bị cho tuần tiếp theo. Hơn nữa, nhiều người có xu hướng ngủ suốt vào cuối tuần và lãng phí cả ngày, hoặc có thể chỉ xem TV trên ghế sofa cả ngày. Vì nhiều người phải gọi điện hoặc đi làm vào cuối tuần, nên cũng không có nhiều thời gian để rời khỏi thị trấn vào cuối tuần. Ngoài ra, nhiều người dành tất cả thời gian rảnh rỗi để đưa con cái họ đến các hoạt động của họ, vì vậy không có đủ thời gian để làm những gì họ thực sự thích. Tóm

What is the difference between the things people did in their free time in the past and the things they do nowadays?

Well, I would say technology definitely plays a role in this. Furthermore, the importance of quality family time is disappearing **as the world progresses**. Let's take children for example. I would imagine they used to spend their free time playing outdoors in the past, where now they may spend it staring at a TV screen or playing video games for the entire day. When it comes to family **as a whole**, I would imagine in the past that they would all have meals together and go out together on weekends, whereas now there is more independence and separation of the family. With more entertainment available now, such as the cinema, arcades, bars, etc., people would rather do this instead of spending quality time with family.

lại, tôi sẽ nói rằng hầu hết mọi người đều không biết cách sử dụng hiệu quả thời gian rảnh của họ ở đất nước tôi.

Sự khác biệt giữa những điều mọi người đã làm trong thời gian rảnh rỗi trong quá khứ và những điều họ làm hiện nay là gì?

Vâng, tôi sẽ nói rằng công nghệ chắc chắn đóng một vai trò trong việc này. Hơn nữa, tầm quan trọng của thời gian gia đình chất lượng đang dần biến mất **khi thế giới tiến bộ**. Hãy lấy trẻ con làm ví dụ. Tôi sẽ tưởng tượng trẻ con từng dành thời gian rảnh để chơi ngoài trời trong quá khứ, nơi mà bây giờ họ có thể dành thời gian nhìn chăm chăm vào màn hình TV hoặc chơi trò chơi video cả ngày. Khi nói về gia đình **nói chung**, tôi sẽ tưởng tượng rằng tất cả họ sẽ cùng nhau dùng bữa và đi chơi vào cuối tuần, trong khi bây giờ có sự độc lập và chia ly của gia đình nhiều hơn. Với nhiều giải trí hiện có, như rạp chiếu phim, trung tâm trò chơi, quán bar, v.v., mọi người thà làm điều này thay vì dành thời gian hữu ích cho gia đình.

22- Describe a person you wanted to be similar to when you were growing up

You should say:

- who this person was
- when you first met the person
- what the person did
- and you would like to become this person

Today I'll tell you about how I used to want to be like my sister when I was younger. She was always the popular, **scholarly type**, while I was sort of the unfocused, **social outcast** (unpopular) **type**. I always struggled with my weight when I was younger even though I ate **pretty healthily**, whereas my sister always had a perfect, **thin physique** (fitness) even while eating junk food constantly. I'll explain it more in depth.

My sister is 2 years older than me, and we grew up together. She was always the at the top of her class, even though she studied very little. I remember her saying that she would forget to study, but still get nearly 100% on her exams, even through her college years. Moreover, she had **a natural athletic ability** with very little effort. She could **take up** a new sport and be good at it **at the drop of a hat!** I **envied** her swimming and basketball skills, especially. Apart from this, she was the thin, pretty blonde girl that everyone wanted

Hôm nay tôi sẽ nói với bạn về việc tôi đã từng muốn được như chị gái tôi khi tôi còn trẻ. Cô ấy luôn là kiểu người nổi tiếng, **học thuật**, trong khi tôi thuộc loại không tập trung, **bị xã hội ruồng bỏ**. Tôi luôn phải vật lộn với cân nặng của mình khi còn trẻ mặc dù tôi **ăn uống khá lành mạnh**, trong khi đó chị tôi luôn có **một vóc dáng thon gọn**, hoàn hảo ngay cả khi ăn đồ ăn vặt liên tục. Tôi sẽ giải thích nó sâu hơn.

Chị tôi hơn tôi 2 tuổi và chúng tôi lớn lên cùng nhau. Cô luôn đứng đầu lớp, mặc dù cô học rất ít. Tôi nhớ cô ấy nói rằng cô ấy sẽ không cần học, nhưng vẫn đậu gần 100% trong các kỳ thi, thậm chí qua những năm đại học. Hơn nữa, cô có **một khả năng thể thao tự nhiên** với rất ít nỗ lực. Cô ấy có thể **tham gia** một môn thể thao mới và **giỏi môn đó một cách dễ dàng!** Đặc biệt, tôi **ghen tị** với kỹ năng bơi lội và bóng rổ của cô ấy. Ngoài ra, cô còn là cô gái tóc vàng xinh đẹp, mỏng manh mà mọi người đều muốn làm

to be friends with, although she didn't have to **put effort into** being nice to people. Another thing I looked up to her for was that it was easy for her to **speak her mind**. When I was younger especially, I always found it difficult to speak up even when I was being treated unfairly.

Reflecting back, I think what I most wished to **inherit from** her was her ability to do everything **at ease**. It seems like I always had to put more effort into school to get good grades, be fit, have friends, etc, so I wished those things could come easier. I especially wished I had her **athletic ability**, as I would like to do more physical activity. Furthermore, I wish I didn't have to spend countless hours studying and even meeting with a tutor to get good grades. However, as I've gotten older, I realize that we cannot compare ourselves to other people because we all have different strengths and weaknesses. Still, I admire her for her abilities as well as her **outspokenness**.

bạn, mặc dù cô **không cần phải nỗ lực** để trở nên tốt đẹp với mọi người. Một điều nữa tôi đánh giá cao cô ấy là cô ấy dễ dàng **nói ra suy nghĩ của mình**. Khi tôi còn nhỏ, tôi luôn cảm thấy khó nói ngay cả khi tôi bị đối xử bất công.

Ngẫm lại, tôi nghĩ điều tôi mong muốn **được thừa hưởng** từ cô ấy là khả năng làm mọi thứ **thoải mái**. Có vẻ như tôi luôn phải nỗ lực nhiều hơn ở trường để đạt điểm cao, khỏe mạnh, có bạn bè, v.v., vì vậy tôi ước những điều đó có thể đến dễ dàng hơn. Tôi đặc biệt ước mình có **khả năng thể thao** của cô ấy, vì tôi muốn hoạt động thể chất nhiều hơn. Hơn nữa, tôi ước mình không phải mất vô số thời gian để học và thậm chí phải học với một gia sư để đạt điểm cao. Tuy nhiên, khi tôi già đi, tôi nhận ra rằng chúng ta không thể so sánh mình với người khác vì tất cả chúng ta đều có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Dù vậy, tôi vẫn ngưỡng mộ cô ấy vì khả năng cũng như **sự thẳng thắn** của cô ấy.

23- Describe a quiz program or game show on TV.

You should say:

What it is

When you watch it What it is about

And explain how you feel about the program

I'm going to talk about a quiz show called "Who wants to be millionaire?". As it famous all over the globe, I'm sure you've heard of it before. It can be viewed by everyone, as it is family friendly. Well, let me tell you how it works.

At the start of the show, the **contestants** gather and prepare to answer a multiple choice question to decide who gets to be in the "hot seat". Naturally, it's the person who answers **accurately** within the shortest time frame.

When a contestant is selected, he or she will proceed to sit in a chair in the center and have the opportunity to answer a total of 15 questions that become **progressively more difficult**. For every answer that you answer correctly, you are awarded a determined amount of money. **Apparently**, if you're unsure of one particular question, you can always stop the game and go home with the money that you have allotted at that time. However, if you are willing to take your chances, you can follow your **instinct** and keep going. Also, there are always three "**aids**" you can use, for example

Tôi sẽ nói về một chương trình đố vui có tên là "Ai muốn trở thành triệu phú?". Khi nó nổi tiếng trên toàn cầu, tôi chắc chắn rằng bạn đã nghe về nó trước đây. Nó có thể được xem bởi tất cả mọi người, vì nó thân thiện với gia đình. Vâng, hãy để tôi nói cho bạn biết làm thế nào nó hoạt động.

Khi bắt đầu chương trình, các **thí sinh** tập trung lại và chuẩn bị trả lời một câu hỏi trắc nghiệm để quyết định ai sẽ được ngồi vào ghế nóng. đương nhiên, đó là người trả lời **chính xác** trong khung thời gian ngắn nhất.

Khi một thí sinh được chọn, anh ta hoặc cô ta sẽ tiến tới ngồi vào một chiếc ghế ở trung tâm và có cơ hội trả lời tổng cộng 15 câu hỏi **ngày càng khó khăn hơn**. Đối với mỗi câu trả lời mà bạn trả lời đúng, bạn được thưởng một số tiền xác định. **Rõ ràng**, nếu bạn không chắc chắn về một câu hỏi cụ thể, bạn luôn có thể dừng trò chơi và về nhà với số tiền mà bạn đã có vào thời điểm đó. Tuy nhiên, nếu bạn sẵn sàng nắm lấy cơ hội của mình, bạn có thể làm theo **bản năng** của mình và tiếp tục đi. Ngoài ra, luôn có ba **sự**

you can call your friends for help, or choose to have half of the options eliminated.

All in all, I enjoy this game because it's very **suspenseful**: it always **keeps me on the edge of my seat**! Furthermore, I **gain knowledge from** watching this show. Since I have 2 teenage children, I like that it is something that we can all watch together!

Hỗ trợ mà bạn có thể sử dụng, ví dụ như bạn có thể gọi cho bạn bè để được giúp đỡ hoặc chọn loại bỏ một nửa các tùy chọn.

Nói chung, tôi rất thích trò chơi này bởi vì nó rất **hồi hộp**: nó luôn **khiến tôi hào hứng**! Hơn nữa, tôi **có được kiến thức từ** việc xem chương trình này. Vì tôi có 2 con ở tuổi vị thành niên, tôi thích rằng đó là thứ mà tất cả chúng tôi có thể cùng xem!

Part 3

Do people in your country like to watch TV?

Too much! People in my country are definitely **couch potatoes (people who like to stay on the sofa all day)**. Since it's always rainy here, people tend to stay indoors and watch Netflix quite often. With a **raging entertainment industry**, there is always some hot new TV series coming out, which **leaves people on the edge of their seats (anxious; excited)**.

What games do children play nowadays?

In this technological world, children are **shifting more towards** video games, as well as games on their cell phones or tablets. Actually, I was shocked the other day when I walked past a group of elementary kids who were all **simultaneously staring** away at their cell phones, lost in their games. I always **get on (push)** my children to go outside and take a bike ride or a walk instead of staring at their X-box **all evening long**.

Are there any differences between the games children's games and adults' games?**Mọi người ở nước bạn có thích xem TV không?**

Rất nhiều! Mọi người ở đất nước tôi chắc chắn là **những người thích ở trên ghế sofa cả ngày**. Vì trời luôn có mưa ở đây, mọi người có xu hướng ở trong nhà và xem Netflix khá thường xuyên. Với một **ngành công nghiệp giải trí đang hoành hành**, luôn có một số phim truyền hình mới nóng hổi ra mắt, **khiến mọi người phấn khích**.

Trẻ em ngày nay chơi trò gì?

Trong thế giới công nghệ này, trẻ em đang **chuyển hướng nhiều hơn sang** các trò chơi video, cũng như các trò chơi trên điện thoại di động hoặc máy tính bảng của chúng. Thật ra, tôi đã bị sốc vào một ngày nọ khi tôi đi ngang qua một nhóm những đứa trẻ tiểu học đang đồng loạt **nhìn chăm chăm** vào điện thoại di động của chúng, bị lạc trong các trò chơi của chúng. Tôi luôn luôn **đưa** các con đi ra ngoài và đi xe đạp hoặc đi bộ thay vì nhìn chăm chăm vào trò chơi của chúng **suốt cả buổi tối**.

Có sự khác biệt nào giữa trò chơi trẻ em và trò chơi của người lớn không?

Yes, **to an extent**. First of all, kids tend to have more energy, so they like games like tag where they can run around like crazy. **Furthermore**, kid's games are usually more cartoon character based games, or educational games that work on building **soft skills**. Since adults already have these skills, their games are usually based on creativity or a higher intelligence level. However, there are many **similarities** of all games, considering most are based on entertainment and **problem-solving** skills.

Vâng, **đến một mức độ nhất định**. Trước hết, trẻ em có xu hướng có nhiều năng lượng hơn, vì vậy chúng thích các trò chơi mà chúng có thể chạy xung quanh như điên. **Hơn nữa**, các trò chơi trẻ con thường là các trò chơi dựa trên nhân vật hoạt hình, hoặc các trò chơi giáo dục nhằm xây dựng các **kỹ năng mềm**. Vì người lớn đã có những kỹ năng này, trò chơi của họ thường dựa trên sự sáng tạo hoặc mức độ thông minh cao hơn. Tuy nhiên, có nhiều **điểm tương đồng** của tất cả các trò chơi, vì hầu hết dựa trên kỹ năng giải trí và **giải quyết vấn đề**.

24- Describe a regular thing you do every day.

You should say: what you do;

when and where you do it; how long you spend doing it;

and explain why you always do this thing.

Since the start of 2019, I promised myself to exercise more **to lead a healthy lifestyle. So far so good!** Let me tell you about my **usual workout routine**.

Well, luckily my **apartment complex** has a fitness center, so I use this gym the most often, as it's **extremely convenient**. **Additionally**, I have a gym membership at another fitness club, **as well as** exercise outdoors on days with **pleasant weather**. When I go to the gym, I usually spend 30-60 minutes doing cardio, in which I **alternate** between the bicycle, treadmill, and elliptical. After this, I move on to some **light weight-lifting to help tone my body**. For example, I do some **triceps (muscle in your arms)** exercises **to thin out my arms**, or some **crunches (abdomen exercise) to harden up my abs (abdominals)**. So, between the cardio and weight lifting, I spend about an hour and fifteen minutes at the gym per day.

Kể từ đầu năm 2019, tôi đã tự hứa sẽ tập thể dục nhiều hơn **để có một lối sống lành mạnh. Càng nhiều càng tốt!** Hãy để tôi nói với bạn về **thói quen tập luyện thông thường** của tôi.

Chà, may mắn là **khu chung cư** của tôi có một trung tâm thể hình, vì vậy tôi sử dụng phòng tập thể dục này thường xuyên nhất, vì nó **cực kỳ tiện lợi**. **Ngoài ra**, tôi có thể thành viên phòng tập thể dục tại một câu lạc bộ thể dục khác, **cũng như** tập thể dục ngoài trời vào những ngày có **thời tiết dễ chịu**. Khi tôi đi đến phòng tập thể dục, tôi thường dành 30-60 phút để tập cardio, trong đó tôi **xen kẽ** giữa xe đạp, máy chạy bộ và máy tập elip. Sau đó, tôi chuyển sang một số **động tác nâng tạ nhẹ để giúp làm săn chắc cơ thể**. Ví dụ, tôi thực hiện một số **bài tập cơ tay sau để làm giảm mỡ cánh tay của tôi**, hoặc một số **động tác gập bụng để làm cứng cơ bụng**. Vì vậy, giữa việc tập cardio và nâng tạ, tôi dành khoảng một giờ mười lăm phút tại phòng tập thể dục mỗi ngày.

I do this because it benefits my mental and physical health. Exercise releases endorphins (a brain chemical), which cause you to feel happier. Furthermore, I feel more confident when I **work out**. Also, I feel that I have more **leeway (freedom)** on what I can eat when I exercise, as I'm known for having a **sweet tooth (likes sweet food)**. Lastly, I've been wanting to **shed (lose) some extra pounds**, so exercise definitely aids in this. All in all, there's no way to argue that exercising is **loaded (full) with benefits!**

Tôi làm điều này bởi vì nó có lợi cho sức khỏe tinh thần và thể chất của tôi. Tập thể dục giải phóng endorphin khiến bạn cảm thấy hạnh phúc hơn. Hơn nữa, tôi cảm thấy tự tin hơn khi **tập thể dục**. Ngoài ra, tôi cảm thấy rằng tôi **tự do** ăn những gì tôi muốn khi tôi tập thể dục, vì tôi thích **đồ ăn ngọt**. Cuối cùng, tôi đã muốn **giảm thêm vài cân**, vì vậy tập thể dục chắc chắn hỗ trợ trong việc này. Nói chung, không thể không thừa nhận rằng việc tập thể dục **có rất nhiều lợi ích!**

25- Describe a product or application which is based on artificial intelligence

You should say:

What it is

What it is used for How it is used

And explain what you think of it

Artificial intelligence, the **latest front in** computer science, is affecting all fields of technology, continually making our lives easier. Nowadays there are **countless (many)** apps and products in existence thanks to artificial intelligence, but I would like to talk about one I'm especially **fond of (like)**, which is the **robot vacuum cleaner**, especially the Samsung power-bot. I've always been a bad sweeper, so this is an ideal creation for me. I was gifted one for Christmas last year and I've been in love with it ever since!

Instead of sweeping the floors, the robot vacuums are battery operated machines which go all over your house to pick up all the dirt, **animal fur**, and dust for you! All you have to do is put batteries in them and empty them out after they do their **rounds (go around)**. You can even program it to sweep the floors at a specific time daily! The interesting thing about them is that they remember the map of the room and have a **sensor** to know when they are approaching another object, and then turn away. Furthermore,

Trí tuệ nhân tạo, mặt trận mới nhất trong khoa học máy tính, đang ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực công nghệ, liên tục làm cho cuộc sống của chúng ta dễ dàng hơn. Ngày nay, có **vô số** ứng dụng và sản phẩm tồn tại nhờ trí thông minh nhân tạo, nhưng tôi muốn nói về một ứng dụng tôi đặc biệt **thích**, đó là **máy hút bụi robot**, đặc biệt là power-bot của Samsung. Tôi luôn luôn là một người quét rác tồi, vì vậy đây là một sáng tạo lý tưởng đối với tôi. Tôi đã được tặng một món quà vào Giáng sinh năm ngoái và tôi đã yêu nó từ đó!

Thay vì quét sàn nhà, máy hút bụi robot là những cỗ máy chạy bằng pin chạy khắp nhà bạn để nhặt tất cả bụi bẩn, **lông động vật** và bụi cho bạn! Tất cả bạn phải làm là đặt pin vào chúng và làm sạch rác sau khi chúng **di xung quanh**. Bạn thậm chí có thể lập trình nó để quét sàn vào một thời điểm cụ thể hàng ngày! Điều thú vị ở chúng là việc chúng nhớ bản đồ của căn phòng và có một **cảm biến** để biết khi nào chúng đang tiếp cận một vật thể

they sense when they have sufficiently cleaned the floors then return back to their **charging station home- base**.

I think this is such a **brilliant invention**, as I usually miss dirt when I sweep the floors myself. Although it's **pricey**, about \$300 per machine, I believe it's worth it for the time and efficiency of it. Since a lot of people track dirt into the house when they enter, this is a sure way to keep the floors constantly clean and tidy. All in all, I'm **a huge fan of it (I really like it)!**

khác, rồi quay đi. Hơn nữa, chúng cảm nhận được khi chúng đã làm sạch sàn đầy đủ sau đó quay trở lại **trạm sạc** của chúng.

Tôi nghĩ rằng đây là một phát minh tuyệt vời, vì tôi thường quên quét bụi bẩn khi tôi tự quét sàn nhà. Mặc dù nó có **giá đắt**, khoảng 300 đô la cho mỗi máy, tôi tin rằng nó đáng giá cho thời gian và hiệu quả của nó. Vì rất nhiều người mang theo bụi bẩn vào nhà khi họ bước vào, đây là một cách chắc chắn để giữ cho sàn nhà luôn sạch sẽ và gọn gàng. Nói chung, tôi **thực sự thích nó!**

Part 3

Can Artificial Intelligence be conscious?

Mmm...not really. I know they are programmed to sense when someone is near them or enters the room, but I'm unsure of whether they are really conscious. For example, with more **advanced robots** such as Erica, I do believe she has feelings and her **individual personality**. Furthermore, I know she has a very developed "brain". On the other hand, I know that Alexa or Siri don't have a **conscious**. They simply respond with a series of programmed responses.

Perhaps it's just **my own bias (preference)**, but I'm **firm in the fact that** I don't believe that robots' emotions could never match humans'.

How does AI help us in everyday life?

Alexa helps us to check the weather, save electricity by turning the lights off when we leave the room, remembers our favorite playlists, etc. More than anything else, she reduces the amount of **monotonous (boring and repetitive) tasks** we are used to doing and makes our lives easier. I believe there are more benefits than **drawbacks** to her presence. On the other hand, we shouldn't **rely too heavily on** AI, since technology **can fail us at any given second**.

Trí tuệ nhân tạo có thể có ý thức không?

Mmm ... không thực sự có. Tôi biết chúng được lập trình để cảm nhận khi có ai đó ở gần chúng hoặc vào phòng, nhưng tôi không chắc chúng có thực sự có ý thức hay không. Ví dụ, với những **robot tiên tiến** hơn như Erica, tôi tin rằng cô ấy có cảm xúc và **tính cách cá nhân**. Hơn nữa, tôi biết cô ấy có một bộ não rất phát triển. Mặt khác, tôi biết rằng Alexa hay Siri không có **ý thức**. Chúng chỉ đơn giản trả lời với một loạt các phản ứng được lập trình.

Có lẽ nó chỉ là **sở thích của riêng tôi**, nhưng tôi **chắc chắn rằng** tôi không tin là cảm xúc của robot không bao giờ có thể sánh được với con người.

AI giúp chúng ta như thế nào trong cuộc sống hàng ngày?

Alexa giúp chúng ta kiểm tra thời tiết, tiết kiệm điện bằng cách tắt đèn khi chúng ta rời khỏi phòng, ghi nhớ danh sách phát yêu thích của chúng ta, v.v. Hơn bất cứ điều gì khác, cô ấy giảm số lượng **nhiệm vụ đơn điệu** và làm cho cuộc sống của chúng ta dễ dàng hơn. Tôi tin rằng có nhiều lợi ích hơn **những hạn chế** đối với sự hiện diện của cô ấy. Mặt khác, chúng ta không nên **phụ thuộc quá nhiều vào** AI, vì công nghệ có thể **khiến chúng ta thất bại tại bất cứ thời điểm nào**.

What are the advantages and disadvantages of AI?

I would say the advantages are that it saves time, reminds us to **conserve electricity**, makes listening to music easier, **provides easier navigating**, and is simply **rather amusing**. On the other hand, I don't think there are any **drawbacks (disadvantages)** to her except the fact that people become **to reliant on technology** and tend to **get irrate** when it fails them. For example, I always go to my friend's house and when Alexa can't understand what he said, he will start to **holler at** her! I think people build too high of expectations for technology, **assuming** it should be just as intelligent as a human, which causes people to **lose their tempers (get angry)**.

Những lợi thế và bất lợi của AI là gì?

Tôi muốn nói rằng ưu điểm là nó tiết kiệm thời gian, nhắc nhở chúng ta **tiết kiệm điện**, giúp nghe nhạc dễ dàng hơn, **điều hướng dễ dàng hơn** và đơn giản là **khá thú vị**. Mặt khác, tôi không nghĩ rằng có bất kỳ **nhược điểm** nào đối với AI ngoại trừ việc mọi người trở nên **phụ thuộc vào công nghệ** và có xu hướng trở nên **giận dữ** khi nó không làm hài lòng họ. Ví dụ, tôi luôn đến nhà bạn bè của tôi và khi Alexa không thể hiểu được những gì anh ấy nói, anh ấy sẽ bắt đầu **la hét** cô ấy! Tôi nghĩ mọi người xây dựng kỳ vọng quá cao cho công nghệ, **cho rằng** nó phải thông minh như con người, **khiến mọi người mất bình tĩnh**.

26- Describe a prize you want to get

You should say:

What it is

When you know the prize

What you need to do

And explain why you would like to win it

The prize I would like to get is from a quiz show called "Who wants to be millionaire?", known all of the world. I'm sure you are **familiar with** this, so it's unnecessary to explain every detail of how it works. So, I'll **describe it briefly**.

It is roughly like this, **contestants** have to answer in total 15 questions that **get increasingly more difficult**. For every answer that you get right, you'll be awarded a determined amount of money. **Apparently** if you're not sure about one **particular question**, you can always stop the game and go home with the money. But if you're **feeling adventurous** you can just go with your **instinct**. And there's always three "**aids**" you can use, for example you can call your friends for help, or choose to have half of the options eliminated.

Giải thưởng mà tôi muốn nhận được là từ một chương trình đố vui có tên là "Ai muốn trở thành triệu phú?", được cả thế giới biết đến. Tôi chắc chắn bạn đã **quen với** điều này, vì vậy, nó không cần thiết phải giải thích mọi chi tiết về cách thức hoạt động của nó. Vì vậy, tôi sẽ **mô tả ngắn gọn về nó**.

Đại khái là như thế này, các thí sinh phải trả lời trong tổng số 15 câu hỏi **ngày càng khó hơn**. Đối với mỗi câu trả lời mà bạn nhận được đúng, bạn sẽ được thưởng một số tiền xác định. **Rõ ràng** nếu bạn không chắc chắn về một **câu hỏi cụ thể**, bạn luôn có thể dừng trò chơi và về nhà với số tiền đó. Nhưng nếu bạn **cảm thấy muốn phiêu** lưu, bạn có thể đi theo **bản năng** của mình. Và luôn luôn có ba **sự hỗ trợ** mà bạn có thể sử dụng, ví dụ như bạn có thể gọi cho bạn bè để được giúp đỡ hoặc chọn loại bỏ một nửa các tùy chọn.

Winning first prize, which means **nailling (getting correct)** all 15 questions, is what I'm aiming for. The game requires you to know a bit of everything, so I'm reading up on areas that I'm not interested in or familiar with. I'm also looking for people who I can call for help during the program. I'm planning on entering the competition next month!

Giành giải thưởng đầu tiên, có nghĩa là **trả lời đúng** tất cả 15 câu hỏi, là điều tôi hướng tới. Trò chơi đòi hỏi bạn phải biết một chút về mọi thứ, vì vậy tôi đã đọc thêm những lĩnh vực mà tôi không quan tâm hoặc không quen thuộc. Tôi cũng đang tìm kiếm những người mà tôi có thể gọi để được giúp đỡ trong chương trình. Tôi có kế hoạch tham gia cuộc thi vào tháng tới!

Part 3

Is it good to have competition?

I think competition is healthy **to an extent**. But, I think the number one person we should compete with is always ourselves. Being better than we previously were is the number one priority, in my opinion. However, team and individual competitions are also a healthy and necessary way to motivate people to try their hardest and **gain a sense of teamwork** and **sportsmanship (respect to the other team whether you win or lose)**. **By the same taken**, failure is also a great lesson to help us to be better in the future. We all need failure just as much as we need success!

Do you think it's good to award prizes in school and/university?

Yes, I believe so. By setting a prize, we give the students **incentive** to learn and try their hardest. Awards like Student of the Month, Perfect Attendance Awards, **Dean's List**, etc. are something that **boosts the confidence** of the student, and may even benefit their future when they add these achievements onto their CVs. Furthermore, while school can be **a dry, dull place**, adding competitions adds a level of entertainment, which makes it a more fun environment. Moreover, even if a student loses a competition, that failure can be transformed into a positive lesson **down the road (in the future)**. Of course there are always some students and

Có sự cạnh tranh là tốt hay không?

Tôi nghĩ rằng cạnh tranh là lành mạnh **ở một mức độ nào đó**. Nhưng, tôi nghĩ người số một chúng ta nên cạnh tranh luôn là chính chúng ta. Theo tôi, việc trở nên tốt hơn chúng ta ngày hôm qua là ưu tiên số một. Tuy nhiên, các cuộc thi nhóm và cá nhân cũng là một cách lành mạnh và cần thiết để thúc đẩy mọi người cố gắng hết sức và **có ý thức làm việc nhóm** và có **tinh thần thể thao**. **Tương tự**, thất bại cũng là một bài học tuyệt vời để giúp chúng ta trở nên tốt hơn trong tương lai. Tất cả chúng ta đều cần thất bại cũng giống như chúng ta cần thành công!

Bạn có nghĩ rằng thật tốt khi trao giải thưởng ở trường và / hoặc trường đại học?

Vâng, tôi tin là như vậy. Bằng cách đặt giải thưởng, chúng tôi cung cấp cho sinh viên **động lực** để học và cố gắng hết sức. Các giải thưởng như Sinh viên của Tháng, Giải thưởng Tham dự Hoàn hảo, **Danh sách Trưởng khoa**, v.v ... là những thứ giúp **tăng sự tự tin** của sinh viên, và thậm chí có thể có lợi cho tương lai của họ khi họ thêm những thành tích này vào CV. Hơn nữa, trong khi trường học có thể là **một nơi khô khan, buồn tẻ**, việc thêm các cuộc thi sẽ thêm một mức độ giải trí, khiến nó trở thành một môi trường vui vẻ hơn. Hơn nữa, ngay cả khi một học sinh thua cuộc thi, thất bại đó có thể được chuyển thành một bài học tích cực **trong tương lai**.

parents who take it too far, but all in all, it is a healthy and much need practice in the school system.

Do you think companies should give their employees prizes?

Definitely! Awards like Employee of the Month, promotions, and so on motivate employees to give their best in their jobs. If employees always give 100% and never receive anything in return, they may feel that there is no incentive to work hard. For those who are naturally competitive, this is a necessity to them. Of course some employees may become **jealous or resentful (hateful)** of others, but it is also a motivating factor to **build a sense of sportmanship** and will make them want to work even harder the next time around.

How to reward successful people?

Truth be told, rewards for successful people should come in plenty of forms. If they make an **enormous contribution** to the nation, then they should be given **proper publicity**. For example, a **veteran** who **fought bravely** or a hero who sacrificed their life for the peace of a country should be remembered forever in **sculptures and paintings**. On the other hand, successful business people who play a significant role in the development of their nation's economy should be awarded with medals or certifications

Tất nhiên luôn có một số học sinh và phụ huynh đưa nó đi quá xa, nhưng tất cả, đó là một sự thực hành lành mạnh và cần có nhiều trong hệ thống trường học.

Bạn có nghĩ rằng các công ty nên trao giải thưởng cho nhân viên của họ?

Chắc chắn rồi! Các giải thưởng như Nhân viên của Tháng, các chương trình khuyến mãi, v.v ... thúc đẩy nhân viên nỗ lực hết mình trong công việc. Nếu nhân viên luôn bỏ ra 100% công sức và không bao giờ nhận lại bất cứ điều gì, họ có thể cảm thấy rằng không có động lực để làm việc chăm chỉ. Đối với những người có khả năng cạnh tranh tự nhiên, đây là một điều cần thiết đối với họ. Tất nhiên một số nhân viên có thể trở nên **ghen tị hoặc bực bội** người khác, nhưng đó cũng là một yếu tố thúc đẩy để **xây dựng tinh thần thể thao** và sẽ khiến họ muốn làm việc chăm chỉ hơn vào lần tới.

Làm thế nào để thưởng cho những người thành công?

Sự thật mà nói, phần thưởng cho những người thành công nên có nhiều hình thức. Nếu họ có **đóng góp to lớn** cho quốc gia, thì họ nên được **công khai đúng mức**. Ví dụ, một **cựu chiến binh** đã **chiến đấu anh dũng** hoặc một anh hùng hy sinh mạng sống vì hòa bình của một đất nước nên được nhớ mãi trong **các tác phẩm điêu khắc và tranh vẽ**. Mặt khác, những doanh nhân thành

so as to stimulate them to make even greater contributions in the future

Should schools establish awards? What rewards can children get from school?

From what I see, I guess it is quite **well-advised** for schools to have a reward system to encourage **good deeds** and **academic performance** amongst students. Students would be a helpful citizen if schools add extra points to their **academic record** for talking an elder across the street, offering to lift a heavy object for a passer by on the street, for example. **On top of that, academically poor students** can feel the motivation **to strive** further in their studies **to reap the rewards**, like they can **obtain some pocket money** for being the top student in the class during a semester. This can **greatly spur their scholastic progress**.

Should parents push their children to get prizes?

Children are at an **impressionable age**, so adults can **interfere** in their ways of thinking. Some measures **can be adopted to** change children's mindset, and one is by raising their awareness via realistic and practical action. Parents can show their kids that they can do

đạt, người đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc gia của họ nên được trao huy chương hoặc chứng nhận để kích thích họ đóng góp lớn hơn trong tương lai

Các trường có nên thành lập giải thưởng? Trẻ em có thể nhận được những phần thưởng gì từ trường học?

Từ những gì tôi thấy, tôi đoán rằng các trường học **nên có** một hệ thống khen thưởng để khuyến khích **những hành động tốt** và **thành tích học tập** giữa các học sinh. Học sinh sẽ là một công dân hữu ích nếu các trường học thêm điểm vào **hồ sơ học tập** của họ khi họ nói chuyện với một người lớn tuổi qua đường, đề nghị nâng một vật nặng cho người qua đường trên đường chẳng hạn. **Trên hết**, các **sinh viên học dở** có thể cảm thấy có động lực **để phấn đấu** hơn nữa trong học tập để **gặt hái những phần thưởng**, như **họ có thể kiếm được một số điểm** để trở thành sinh viên hàng đầu trong lớp trong một học kỳ. Điều này **rất có thể thúc đẩy sự tiến bộ học tập của họ**.

Cha mẹ có nên thúc đẩy con mình nhận giải thưởng?

Trẻ em đang ở **độ tuổi nhạy cảm**, vì vậy người lớn nên **can thiệp** vào cách suy nghĩ của chúng. Một số biện pháp **có thể được áp dụng để** thay đổi tư duy trẻ em, và một là bằng cách nâng cao

rapid calculations if they learn math properly at school, or they can sing well when they grow up if they don't skip music classes.

What do you think employers can do to help motivate their employees to perform better at work, besides giving them a pay raise?

There is a number of ways that bosses or supervisors can adopt to raise their employees' **morale and enhance the overall work** productivity apart from offering them higher salary. I guess the most effective approach would be for companies to **organize annual excursions** so that their workers can socialize with one another and cultivate team spirit while they can escape from the stress for a while. The second one is that more a **flexible working schedule** should be brought in, because this would allow workers to have more quality family time and a **worry-free set of mind** at work.

nhận thức của chúng thông qua hành động thực tế và hiện thực. Cha mẹ có thể cho con họ thấy rằng chúng có thể tính toán nhanh nếu chúng học toán đúng cách ở trường, hoặc chúng có thể hát tốt khi chúng lớn lên nếu chúng không bỏ qua các lớp học âm nhạc.

Bạn nghĩ nhà tuyển dụng có thể làm gì để giúp thúc đẩy nhân viên của họ thể hiện tốt hơn trong công việc, bên cạnh việc tăng lương cho họ?

Có một số cách mà các ông chủ hoặc người giám sát có thể áp dụng để nâng cao nhân viên của họ **về tinh thần và nâng cao năng suất làm việc** chung ngoài việc cung cấp cho họ mức lương cao hơn. Tôi đoán cách tiếp cận hiệu quả nhất sẽ là các công ty **tổ chức các chuyến du ngoạn hàng năm** để công nhân của họ có thể giao tiếp với nhau và trau dồi tinh thần đồng đội trong khi họ có thể thoát khỏi căng thẳng trong một thời gian. Thứ hai là nên đưa ra **một lịch trình làm việc linh hoạt** hơn, bởi vì điều này sẽ cho phép người lao động có thời gian gia đình chất lượng hơn và một **tâm trí thoải mái** trong công việc.

27- Describe an important technological product you bought

You should say: What it was How you used it

Why you bought it

And explain why you think it is important

I consider myself lucky to have a job in a **multinational company**, which caused me to buy a laptop for my ordinary use at home. I'm very satisfied with this purchase, so I would love to share the story. Well, let me give you some background.

I am the **eldest daughter** of my family and live with them here in India. I recently got a job which requires me to complete **digital tasks online**. Besides, it has become impossible for me to use the internet with my old cell phone. Considering everything, I have bought a laptop from the Dell brand shop online. Though I **saved a portion of money** from sources like **private tuition** for the laptop for a long time, the best opportunity came when I **got appointed to** this multinational company. I added the remaining from my salary and brought the laptop home.

This is the age of technology and using the internet with mobile phones is not very efficient. Someone may browse the internet or social networking websites temporarily on a mobile network, but

Tôi thấy mình may mắn khi có một công việc trong một **công ty đa quốc gia**, điều này khiến tôi phải mua một chiếc máy tính xách tay để sử dụng thông thường ở nhà. Tôi rất hài lòng với việc mua hàng này, vì vậy tôi rất thích chia sẻ câu chuyện. Vâng, hãy để tôi cung cấp cho bạn một số thông tin.

Tôi là **con gái lớn** của gia đình tôi và tôi sống với họ ở Ấn Độ. Gần đây tôi có một công việc đòi hỏi tôi phải hoàn thành các **nhiệm vụ kỹ thuật số trực tuyến**. Ngoài ra, tôi không thể sử dụng internet với điện thoại di động cũ. Xem xét tất cả mọi thứ, tôi đã mua một máy tính xách tay từ cửa hàng thương hiệu Dell trực tuyến. Mặc dù tôi đã **tiết kiệm được một phần** tiền từ các nguồn như **học phí tư nhân** cho máy tính xách tay trong một thời gian dài, cơ hội tốt nhất đã đến khi tôi **được bổ nhiệm vào** công ty đa quốc gia này. Tôi đã thêm phần còn lại từ tiền lương của mình và mang máy tính xách tay về nhà.

Đây là thời đại công nghệ và sử dụng internet với điện thoại di động không hiệu quả lắm. Ai đó có thể duyệt internet hoặc các

that is not suitable for any **large scale jobs**. Often I have to perform some official tasks using the internet and this is almost impossible by using the cell phone. Besides, I like watching movies **for recreational purposes** and my cell phone is **unable to come with** such support for me. Moreover, my parents are **devoutly religious** and love listening to guided prayers on there. Considering all such matters, I decided to get a laptop but unfortunately could not manage the entire amount. So, when I received my paycheck, I bought it right away!

I bought the laptop last month and have been using for around three weeks. By this time, the laptop has proved its worth. It holds **an outstanding charge** usually about 7 hours. Besides, my parents are also using it and they are happy too. I planned to use the internet modem but my father has arranged a **broadband internet connection**. So, using the internet is no longer a problem for us. I have two younger sisters and they are also careful about using the laptop. They mostly use the laptop when I am not home and watch cartoons and animated movies on the internet. My mother takes care of the laptop and she is responsible for keeping it safe and clean from dust.

I was really happy to buy this laptop. It may sound strange to some that it was a dream for me. I have realized the necessity of a laptop when I was at my university. I was unable to complete projects and **assignments**. I **had to rely (depend) on** my friends who had their own laptops. Though they **cordially allowed** me to use their

trang web mạng xã hội tạm thời trên mạng di động, nhưng điều đó không phù hợp với bất kỳ **công việc quy mô lớn nào**. Thường thì tôi phải thực hiện một số nhiệm vụ chính thức bằng internet và điều này gần như không thể bằng điện thoại di động. Ngoài ra, tôi thích xem phim **cho mục đích giải trí** và điện thoại di động của tôi **không thể đi kèm với** sự hỗ trợ như vậy cho tôi. Hơn nữa, cha mẹ tôi rất **sùng đạo** và thích nghe những lời cầu nguyện có hướng dẫn trên đó. Xem xét tất cả các vấn đề như vậy, tôi quyết định lấy một máy tính xách tay nhưng không may không thể có toàn bộ số tiền. Vì vậy, khi tôi nhận được tiền lương của mình, tôi đã mua nó ngay lập tức!

Tôi đã mua máy tính xách tay vào tháng trước và đã sử dụng được khoảng ba tuần. Đến lúc này, máy tính xách tay đã chứng minh giá trị của nó. Nó giữ **một lượng pin sử dụng tốt** thường là khoảng 7 giờ. Bên cạnh đó, bố mẹ tôi cũng đang sử dụng và họ cũng rất vui. Tôi dự định sử dụng modem internet nhưng cha tôi đã sắp xếp một **kết nối internet băng thông rộng**. Vì vậy, sử dụng internet không còn là vấn đề đối với chúng tôi. Tôi có hai em gái và chúng cũng cẩn thận khi sử dụng máy tính xách tay. Chúng chủ yếu sử dụng máy tính xách tay khi tôi không ở nhà và xem phim hoạt hình trên internet. Mẹ tôi chăm sóc máy tính xách tay và bà có trách nhiệm giữ nó an toàn và sạch bụi.

Tôi thực sự rất vui khi mua máy tính xách tay này. Nó có vẻ lạ đối với một số người rằng đó là một giấc mơ đối với tôi. Tôi đã nhận ra sự cần thiết của máy tính xách tay khi tôi ở trường đại học. Tôi đã

laptops, I felt uncomfortable most of the time. On the other side, my family was not fortunate enough to spend some **extra bucks(dollars)** for me to buy a laptop. So, I made a plan to make this dream come true. After lots of struggles, I got the job and finally have my own laptop. All in all, I couldn't live without it now!

không thể hoàn thành các **dự án** và bài tập. Tôi đã **phải phụ thuộc vào** những người bạn có máy tính xách tay của riêng họ. Mặc dù họ **chân thành cho phép** tôi sử dụng máy tính xách tay của họ, nhưng tôi cảm thấy không thoải mái trong hầu hết thời gian. Mặt khác, gia đình tôi không đủ may mắn để chi thêm **một số tiền** cho tôi để mua máy tính xách tay. Vì vậy, tôi đã thực hiện một kế hoạch để biến giấc mơ này thành hiện thực. Sau rất nhiều khó khăn, tôi đã có được công việc và cuối cùng cũng có máy tính xách tay của riêng mình. Nói chung, tôi không thể sống mà không có nó ngay bây giờ!

Part 3

How much has technology improved how we communicate with each other?

This is a **controversial (debatable) topic**. On one hand, communication had **opened up endless windows of opportunities** to reach **a broader spectrum (range) of people**,

Công nghệ đã cải thiện cách chúng ta giao tiếp với nhau như thế nào?

Đây là một **chủ đề gây tranh cãi**. Một mặt, giao tiếp đã **mở ra vô số cơ hội** để **tiếp cận phạm vi người rộng hơn, giữ liên lạc** với mọi người tốt hơn và tất cả đều giúp giao tiếp dễ **tiếp cận** hơn. Ví dụ, tôi sống nhiều nơi trên thế giới, nhưng tôi vẫn cảm thấy gần gũi

keep in touch (contact) with people better, and just all in all made communication more **accessible**. For example, I lived across the world, but I still felt close to my family, thanks to FaceTime. On the other hand, I believe it has had a negative effect on how we communicate with others. Where in the past we used to **value discussing matters at face value**, we now hide behind computer screens. I even feel I am scared to **confront people face to face** when I could make it easier over the phone or via text message/email. All in all, there are positives and negatives to it.

Do you agree that there are still many more major technological innovations to be made?

Of course! Endless, actually. There is more that will be created than we can even imagine at this particular moment in time. Looking back, I could never have dreamt in my **wildest dreams** all that is **accessible** to us nowadays. I'm **anxious** to see what will be available to us in the future! I can imagine **hologram (digital) image video chats!**

Do you think people rely too much on technology?

At times! I think people are becoming **incapable of doing things the old school way**, and with that said losing real skill. For example,

với gia đình, nhờ FaceTime. Mặt khác, tôi tin rằng nó đã có tác động tiêu cực đến cách chúng ta giao tiếp với người khác. Trường hợp trước đây chúng ta thường **coi trọng việc thảo luận các vấn đề trực tiếp**, giờ chúng ta ẩn sau màn hình máy tính. Tôi thậm chí cảm thấy sợ hãi khi phải **đối mặt trực tiếp với mọi người** khi tôi có thể làm cho nó dễ dàng hơn qua điện thoại hoặc qua tin nhắn / email. Tóm lại, có những mặt tích cực và tiêu cực với nó.

Bạn có đồng ý rằng vẫn còn nhiều sáng kiến công nghệ lớn nữa sẽ được thực hiện không?

Tất nhiên! Thực sự là vô tận. Có nhiều thứ sẽ được tạo ra nhiều hơn chúng ta có thể tưởng tượng tại thời điểm đặc biệt này. Nhìn lại, tôi không bao giờ có thể mơ trong những **giấc mơ điên rồ** nhất của tôi về tất cả những gì có thể **truy cập** ngày nay. Tôi **lo lắng** để xem những gì sẽ có sẵn cho chúng ta trong tương lai! Tôi có thể tưởng tượng **các cuộc trò chuyện video hình ba chiều!**

Bạn có nghĩ rằng mọi người phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ?

Tùy lúc! Tôi nghĩ mọi người đang trở nên **không có khả năng làm mọi thứ theo cách cũ**, và điều đó nói rằng họ đã mất đi kỹ năng thực sự. Ví dụ, tôi là một giáo viên và chúng tôi **phụ thuộc rất nhiều vào** video, bảng thông minh, tệp âm thanh, v.v., khi công nghệ mất đi, chúng tôi mất mọi thứ. Hơn nữa, tôi phải kết nối với điện thoại, email và tin nhắn văn bản của mình mọi lúc để chúng hoạt động. Hơn nữa, tôi thấy rằng trẻ em bắt đầu không thể tận hưởng cuộc sống mà không có máy tính bảng hoặc điện thoại, trong khi trẻ em thích chơi bên ngoài và bị lấm lem bùn đất trong quá khứ.

I am a teacher and we **rely so heavily on** videos, smartboards, audio files, etc, that when technology fails us, we are completely lost. Furthermore, I must be connected to my phone, email, and text messages at all times to even function. Moreover, I see that children are starting to not be able to enjoy life without a tablet or phone, whereas kids enjoyed playing outside and getting dirty in the past. So yes, in this world where a wifi connection **can fail us in an instant**, people often **rely too heavily on it**.

Could you suggest some reasons why some people are deciding to reduce their use of technology?

I'm seeing that people are starting to realize that they can't enjoy the moment they are in because they are always **glued to (attached to)** their phones. Furthermore, they want to reduce the amount of time they stare at at a computer screen all day, as it is **straining and damaging to** our eyes. Moreover, parents want to try to manage the time their kids spent playing video games, encouraging them to get more fresh air. With the app that records the amount of time that you spent on social media a day, **it's a bit shameful** to see how much time we waste away, so people are taking action against it.

Vì vậy, trong thế giới này, nơi một kết nối wifi có thể **khiến chúng ta thấy thiếu thốn ngay lập tức**, vì mọi người thường **phụ thuộc quá nhiều vào nó**.

Bạn có thể đề xuất lý do tại sao một số người quyết định giảm sử dụng công nghệ của họ?

Tôi đã thấy rằng mọi người bắt đầu nhận ra họ không thể tận hưởng khoảnh khắc họ đang có vì họ luôn **dán mắt vào** điện thoại của họ. Hơn nữa, họ muốn giảm lượng thời gian họ nhìn chăm chăm vào màn hình máy tính cả ngày, vì nó **gây căng thẳng và gây hại cho** mắt chúng ta. Hơn nữa, cha mẹ muốn cố gắng quản lý thời gian con cái họ chơi trò chơi điện tử, khuyến khích chúng có được không khí trong lành hơn. Với ứng dụng ghi lại lượng thời gian bạn dành cho phương tiện truyền thông xã hội mỗi ngày, **thật đáng xấu hổ** khi thấy chúng ta lãng phí bao nhiêu thời gian, vì vậy mọi người đang hành động chống lại nó.

28- Describe something that you brought home from a tourist attraction

You should say: What it is Where you got it

Why you brought it home How do you feel

I'm going to tell you about my **most recent trip** in which I purchased a special souvenir. Well, a few months ago I went to Switzerland on holiday and brought home a painting from a local shop in Zurich. It was **a bit of a hassle (annoying)** to bring home because of the high taxes in the airport. However, **it was such a nice piece of painting** that it was worth it. It was a large oil painting that **depicts (describe)** a beautiful **natural scenery** common in Switzerland and not quite common in my homeland. I have hung it in my bedroom and it is now one of the most beautiful and **cherished (special)** souvenirs for me.

I went on this trip in early March with my 2 friends. **The alpine scenery, picturesque (attractive& interesting) villages, glittering (bright and shining) blue lakes, beautiful lakeside and astounding (appalling) tranquility** of the villages **took our breath away**. Since we are **artsy people**, we attended an art festival in the mountains where I found this painting. As I don't like keychains or T-shirts as much, I decided to bring this home as my only souvenir.

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về **chuyến đi gần đây** nhất của tôi, trong đó tôi đã mua một món quà lưu niệm đặc biệt. Chà, vài tháng trước tôi đã đi Thụy Sĩ vào kỳ nghỉ và mang về nhà một bức tranh từ một cửa hàng địa phương ở Zurich. **Có một chút rắc rối** để mang về nhà vì thuế cao trong sân bay. Tuy nhiên, **nó là một tác phẩm tuyệt vời** đến mức đáng giá. Đó là một bức tranh sơn dầu lớn **mô tả một khung cảnh thiên nhiên** tuyệt đẹp phổ biến ở Thụy Sĩ và không hoàn toàn phổ biến ở quê hương tôi. Tôi đã treo nó trong phòng ngủ của tôi và bây giờ nó là một trong những món quà lưu niệm đẹp nhất và **đặc biệt** dành cho tôi.

Tôi đã đi chuyến đi này vào đầu tháng 3 với 2 người bạn của tôi. **Phong cảnh núi cao, những ngôi làng đẹp như tranh vẽ, những hồ nước trong xanh, bờ hồ tuyệt đẹp và sự yên tĩnh đáng kinh ngạc** của những ngôi làng đã **làm chúng tôi kinh ngạc**. Vì chúng tôi là **những con người nghệ thuật**, chúng tôi đã tham dự một lễ hội nghệ thuật ở vùng núi nơi tôi tìm thấy bức tranh này. Khi tôi không thích móc khóa hay áo phông, tôi quyết định mang ngôi nhà này làm vật kỷ niệm duy nhất.

Now, every time I look at this painting, it reminds me the **exciting and memorable days** I had spent on our holiday in Switzerland. Apart from that, the painting is a bit different than the other paintings I have in our house, so it really **stands out (noticeable; different)**. This picture **takes me back (to remind someone of something in the past)** in time.

Bây giờ, mỗi lần tôi nhìn vào bức tranh này, nó lại gợi cho tôi **những ngày thú vị và đáng nhớ** mà tôi đã dành cho kỳ nghỉ của chúng tôi ở Thụy Sĩ. Ngoài ra, bức tranh có một chút khác biệt so với những bức tranh khác tôi có trong nhà của chúng tôi, vì vậy nó thực sự **nổi bật**. Hình ảnh này **đưa tôi trở lại** thời gian khi đó.

Part 3

What kinds of souvenirs do people usually buy from tourist attractions?

Well it depends on the person, but I would say the most common souvenirs are **keychains, mugs, magnets, shot glasses, art items, T-shirts**, etc. I would say that people who have **some sort of vice** such as drinking or smoking usually go for a souvenir that suits this, such as a local liquor or a cigar from the specific place. However, children tend to buy some sort of toy or T-shirt related to the place. On the other hand, women tend to buy a clothing item or perhaps an accessory such as earrings, a necklace, or **a scarf**, where men tend to buy **some sports memorabilia** or the like.

Is it good that the locals sell things to tourists?

Yes! For many places, tourism is one of the only industries, so they have to take advantage of this. For example, a local can really benefit from selling their homemade crafts to a tourist. Of course the local benefits financially, but they could also **get their name out there (become well-known/famous)**, while leaving the tourist with a one of a kind gift. On the other hand, the locals shouldn't be too **aggressive or rip off (cheat financially) the tourists** because it could **turn the tourists off to the place**. It's all a balance!

Những loại quà lưu niệm mà mọi người thường mua từ các điểm thu hút khách du lịch?

Vâng, nó phụ thuộc từng người, nhưng tôi sẽ nói những món quà lưu niệm phổ biến nhất là **móc khóa, cốc, nam châm, ly rượu, đồ nghệ thuật, áo phông**, v.v. Tôi sẽ nói rằng những người có **một số thói quen** như uống hoặc hút thuốc thường cho một món quà lưu niệm phù hợp với điều này, chẳng hạn như rượu địa phương hoặc xì gà từ nơi cụ thể. Tuy nhiên, trẻ em có xu hướng mua một số loại đồ chơi hoặc áo phông liên quan đến nơi này. Mặt khác, phụ nữ có xu hướng mua mặt hàng quần áo hoặc có lẽ là phụ kiện như bông tai, vòng cổ hoặc **khăn quàng cổ**, trong khi đàn ông có xu hướng mua một **số vật kỷ niệm thể thao** hoặc tương tự.

Có tốt không khi người dân địa phương bán đồ cho khách du lịch?

Tốt chứ! Đối với nhiều nơi, du lịch là một trong những ngành duy nhất, vì vậy họ phải tận dụng lợi thế này. Ví dụ, một người dân địa phương thực sự có thể hưởng lợi từ việc bán hàng thủ công tự chế của họ cho khách du lịch. Tất nhiên là lợi ích địa phương về mặt tài chính, nhưng **họ cũng có thể trở nên nổi tiếng**, trong khi để lại cho khách du lịch với một món quà đẹp. Mặt khác, người dân địa phương không nên quá **hung hăng hoặc lừa gạt khách du lịch**.

Do you prefer to buy souvenirs or useful things? Why?

As I'm more of a **practical person**, I prefer to buy useful things or more experiences in the particular place that I visit. For example, I would much rather spend those \$10 on a special meal or **put it towards** a tour rather than buying a T-shirt that I may never wear again. Furthermore, I'm really into photography, so **a memorable moment captured in time is much more valuable than a magnet**, mug, or shot glass could ever be to me. To celebrate my travels, I showcase my photography on social media and frame the pictures to hang on my walls.

What is your opinion about the asking price for souvenirs?

It depends! For example, I would **never let myself be gouged (charged an unreasonably high price)** buying a last-minute souvenir at an airport. Along with just the airports, many places **elevate the prices** in **touristy areas**. I think it's a bit unfair, but it's just kind of how it is. Of course I wouldn't want to **be ripped off**, but I can also understand that this is a good opportunity for **especially impoverished countries** to make money from **wealthier tourists**. In my opinion, the best souvenirs to buy are **handicrafts** from humble, local people on the streets or in a small shop.

vì nó có thể **khiến khách du lịch rời khỏi nơi này**. Tất cả đều là sự cân bằng!

Bạn thích mua quà lưu niệm hay những thứ hữu ích khác? Tại sao?

Khi tôi là một **người thực tế** hơn, tôi thích mua những thứ hữu ích hoặc nhiều kinh nghiệm hơn ở nơi cụ thể mà tôi ghé thăm. Ví dụ, tôi thà chi 10 đô la cho một bữa ăn đặc biệt hoặc **đưa nó vào** tour du lịch hơn là mua một chiếc áo phông mà tôi không bao giờ có thể mặc lại. Hơn nữa, tôi thực sự thích chụp ảnh, vì vậy **một khoảnh khắc đáng nhớ được ghi lại trong thời gian có giá trị hơn nhiều so với một nam châm**, cốc hoặc ly rượu đối với tôi. Để kỷ niệm chuyến đi của tôi, tôi giới thiệu các bức ảnh của mình trên phương tiện truyền thông xã hội và đóng khung những bức tranh để treo trên tường.

Ý kiến của bạn về việc hỏi giá cho quà lưu niệm là gì?

Tùy lúc! Ví dụ, tôi sẽ **không bao giờ để mình bị lừa giá cao** khi mua một món quà lưu niệm vào phút cuối tại sân bay. Cùng với các sân bay, nhiều nơi **nâng giá** tại các **khu vực du lịch**. Tôi nghĩ nó có một chút không công bằng, nhưng nó lại xảy ra như thế. Tất nhiên tôi sẽ không muốn **bị gạt ra**, nhưng tôi cũng có thể hiểu rằng

đây là cơ hội tốt **cho các nước đặc biệt nghèo khó** để kiếm tiền từ **khách du lịch giàu có**. Theo tôi, những món quà lưu niệm tốt nhất để mua là **đồ thủ công** từ những người khiêm tốn, người địa phương trên đường phố hoặc trong một cửa hàng nhỏ.

29- Describe a time you looked for information from the internet

You should say

- When you did that
- What information you searched
- Why you looked for it on the internet

I'm going to talk about this time when I needed a foreign book for my studies. I was in my **senior year in university** and we had this assignment that required us to find the **latest medical breakthroughs (new information)** on cancer, **some of which are** very hard to come by. So, I knew I needed to find this book **ASAP**. Apparently in order to get access to new data you must know the right source and pay some fees. I found out that the **breakthroughs** that I needed were published in a book, which was not yet for sale in my country. Moreover, even if I'd had it delivered, it would be too late by the time it arrived at **my doorstep**. I felt really uptight about it, but suddenly I thought of a solution.

So, I decided to contact my **former host family** in the US to ask them to buy a hard copy then have the specific information scanned and emailed to me. It took some time but eventually I got the data in time. It was a **bit of a hassle (something time-**

Tôi sẽ nói về thời gian khi tôi cần một cuốn sách nước ngoài cho nghiên cứu của mình. Tôi đang học **năm cuối đại học** và chúng tôi có nhiệm vụ yêu cầu chúng tôi tìm ra **những đột phá y học mới nhất** về ung thư, **một số trong đó** rất khó để thực hiện. Vì vậy, tôi biết rằng tôi cần tìm cuốn sách này **càng sớm càng tốt**. Rõ ràng để có được quyền truy cập vào dữ liệu mới, bạn phải biết đúng nguồn và phải trả một số phí. Tôi phát hiện ra rằng **những đột phá** mà tôi cần đã được xuất bản trong một cuốn sách chưa được bán ở nước tôi. Hơn nữa, thậm chí nếu tôi nhận nó, thì sẽ quá muộn khi nó đến **trước cửa nhà tôi**. Tôi cảm thấy thực sự căng thẳng về nó, nhưng đột nhiên tôi nghĩ ra một giải pháp.

Vì vậy, tôi quyết định liên hệ với **gia đình chủ cũ** của tôi ở Mỹ để yêu cầu họ mua một bản sao cứng sau đó quét thông tin cụ thể và gửi qua email cho tôi. Phải mất một thời gian nhưng cuối cùng tôi đã có được dữ liệu kịp thời. Có **một chút rắc rối** cho gia đình

consuming) for my host family, so I decided to buy him a small gift in return.

chủ nhà của tôi, vì vậy tôi quyết định mua lại cho anh ta một món quà nhỏ.

What influence does the internet have on people (individually), and the society?

Well, for one, before the internet, people interacted much more when meeting up and going out together, now you see **people glued to (always looking at) their phone screens**. Their focus is on their social media apps looking at what their friends and family are doing through photos and status updates, rather than actually talking to them. Communication is mostly through social media, with instant chat, **cutting the need** for face to face meetings.

On the other hand, the internet has had a positive impact on society because now we can **accomplish** much more in a shorter time frame. Moreover, people can access information much quicker through google for example, so it creates a generation of **well-informed people**. Because of this, I believe that our future is very bright.

Do you think libraries will disappear one day?

I think this could be a possibility, as people are beginning to think that libraries are **redundant (unnecessary)**, as the information is also available online. With devices such as E-books, Kindles, Amazon, etc., it's normal to question how much longer libraries will last. For example, I never use the library because **I see it as a hassle to** have to check out the book and return it when I could

Internet có ảnh hưởng gì đến con người (cá nhân) và xã hội?

Vâng, đối với một người, trước khi có Internet, mọi người tương tác nhiều hơn khi gặp gỡ và đi chơi cùng nhau, bây giờ bạn thấy **mọi người dán mắt vào màn hình điện thoại của họ**. Trọng tâm của họ là các ứng dụng truyền thông xã hội của họ nhìn vào những gì bạn bè và gia đình của họ đang làm thông qua hình ảnh và cập nhật trạng thái, thay vì thực sự nói chuyện với nhau. Giao tiếp chủ yếu thông qua phương tiện truyền thông xã hội, với trò chuyện tức thì, **cắt giảm nhu cầu** gặp mặt trực tiếp.

Mặt khác, Internet đã có tác động tích cực đến xã hội bởi vì bây giờ chúng ta có thể **hoàn thành** nhiều hơn trong một khung thời gian ngắn hơn. Hơn nữa, mọi người có thể truy cập thông tin nhanh hơn nhiều thông qua google, vì vậy nó tạo ra một thế hệ những **người có thông tin tốt**. Vì điều này, tôi tin rằng tương lai của chúng ta rất tươi sáng.

Bạn có nghĩ rằng thư viện sẽ biến mất một ngày nào đó?

Tôi nghĩ rằng đây có thể là một khả năng, vì mọi người bắt đầu nghĩ rằng các thư viện là **dư thừa**, vì thông tin cũng có sẵn trực tuyến. Với các thiết bị như Sách điện tử, Kindles, Amazon, v.v., nó bình thường để đặt câu hỏi thư viện sẽ tồn tại bao lâu. Ví dụ, tôi không bao giờ sử dụng thư viện vì **tôi thấy nó là một rắc rối khi** phải kiểm tra sách và trả lại khi tôi có thể mua một bản sao giá rẻ

just buy a used copy for next to nothing online from Amazon or borrow it from a friend. However, I still believe that a lot of people like to **utilize libraries for the tangible value of holding a book in your hand** and having a quiet, **serene place** to study; libraries have always been **a staple** to our academic world. So, with all of this said, I think libraries will stay around for at least the next 20 years.

What do people use the internet for?

Pretty much everything! Nowadays, there are **countless apps at our fingertips** to accomplish all of our tasks. For example, we use the internet to do research, pay our bills, find a dating match, go shopping, make phone calls, find jobs, chat with friends, find work out videos, etc. The better question would be what we don't use the internet for nowadays. To be honest, I can't think of any area of life where we don't use the internet.

Would you say many people waste time "surfing the internet"?

For sure! Nowadays, the average person spends hours surfing the internet each day. Take me for example. My phone has recorded that I spend an average of 2-3 hours a day surfing the web on my phone, not to mention the 6 hours I'm **constantly connected** to it to carry out my work tasks. **In some respects**, it's very useful to google things that you may be curious about throughout the day,

trực tuyến từ Amazon hoặc mượn từ bạn bè. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng rất nhiều người thích **sử dụng các thư viện cho giá trị hữu hình của việc cầm một cuốn sách trong tay** và có một nơi yên tĩnh, thanh thản để học; thư viện luôn luôn là **một yếu tố chính** trong thế giới học thuật của chúng tôi. Vì vậy, với tất cả những gì đã nói, tôi nghĩ rằng các thư viện sẽ tồn tại ít nhất trong 20 năm tới.

Mọi người sử dụng Internet để làm gì?

Khá nhiều thứ! Ngày nay, có **vô số ứng dụng trong tầm tay** để hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của chúng tôi. Ví dụ: chúng tôi sử dụng Internet để nghiên cứu, thanh toán hóa đơn, tìm một cuộc hẹn hò, đi mua sắm, gọi điện thoại, tìm việc làm, trò chuyện với bạn bè, tìm ra video, v.v. Câu hỏi hay hơn là chúng tôi không sử dụng internet cho điều gì ngày nay. Thành thật mà nói, tôi không thể nghĩ về bất kỳ lĩnh vực nào trong cuộc sống mà chúng ta không nên sử dụng Internet.

Bạn có thể nói nhiều người lãng phí thời gian "lướt Internet" không?

Chắc chắn! Ngày nay, một người bình thường dành hàng giờ để lướt Internet mỗi ngày. Lấy tôi làm ví dụ. Điện thoại của tôi đã ghi lại rằng tôi dành trung bình 2-3 giờ mỗi ngày để lướt web trên điện

but many people spend time surfing instagram or facebook watching lives of people they don't even know, which is a 100% waste of time in my opinion.

How do you think people will be using the internet in 10 years (time)?

That's a great question! It's difficult to imagine this, but I would imagine we will continue to use it in **all the respects** that we do nowadays, but even **at a more elevated level**. For example, **I've often speculated that** we will have **hologram images** instead of video chats. On the other hand, I have a feeling that the online classroom will soon replace the traditional classroom. When it comes to the work world, I imagine that even more jobs will become remote. **All in all**, the world will continue to advance technologically.

thoại của mình, chưa kể 6 giờ tôi **liên tục kết nối** với nó để thực hiện các nhiệm vụ công việc của mình. **Ở một số khía cạnh**, nó rất hữu ích để google những thứ mà bạn có thể tò mò suốt cả ngày, nhưng nhiều người dành thời gian lướt Instagram hoặc Facebook để xem cuộc sống của những người họ thậm chí không biết, đó là một sự lãng phí 100% thời gian, theo ý kiến của tôi.

Bạn nghĩ mọi người sẽ sử dụng Internet như thế nào sau 10 năm nữa?

Đó là một câu hỏi tuyệt vời! Thật khó để tưởng tượng điều này, nhưng tôi sẽ tưởng tượng chúng ta sẽ tiếp tục sử dụng nó trong **tất cả các khía cạnh** mà chúng ta làm hiện nay, nhưng thậm chí **ở mức độ cao hơn**. Ví dụ, **tôi đã thường suy đoán rằng** chúng ta sẽ có **hình ảnh ba chiều** thay vì trò chuyện video. Mặt khác, tôi có cảm giác rằng lớp học trực tuyến sẽ sớm thay thế lớp học truyền thống. Khi nói đến thế giới làm việc, tôi tưởng tượng rằng thậm chí nhiều công việc sẽ trở nên tách biệt. **Tóm lại**, thế giới sẽ tiếp tục tiến bộ về công nghệ.

30- Describe a time you taught an older person something new

You should say: Who you taught What you taught

Why you taught this person

And explain how you felt about it

Every day we meet such persons who teach us a lot of things, and sometimes we even get the pleasure of teaching them something ourselves. **We may assume** that the old hold all the wisdom, but actually we young people. Such a situation that recently occurred in my life, when I was sitting at home **minding my own business (doing nothing)** when suddenly someone knocked on the door of our house. When I opened it I found my neighbour Mr Peters, who has been working as a government employee was standing near the **doorsteps** of our home. He told me that he needed **urgent help** I **readily (immediately)** asked what the matter was.

He told me that he wanted to send an important excel file to an officer of his office department. But, because he wasn't **proficient in** Excel, he couldn't fill the data as required by the officer. However, because he knew that I have been studying in a college where I have to use a Ms office to complete my assignments. He came **straight (directly)** to me.

Mỗi ngày chúng ta gặp những người như vậy, người dạy chúng ta rất nhiều điều, và đôi khi chúng ta thậm chí có được niềm vui khi dạy họ điều gì đó. **Chúng ta có thể cho rằng** người già nắm giữ tất cả sự khôn ngoan, nhưng thực ra lại chính là những người trẻ tuổi. Một tình huống gần đây xảy ra trong cuộc sống của tôi, khi tôi đang ngồi ở nhà **không làm gì thì** đột nhiên có ai đó gõ cửa nhà chúng tôi. Khi tôi mở nó, tôi thấy người hàng xóm của mình, ông Peters, người đang làm nhân viên chính phủ đang đứng gần **cửa nhà** chúng tôi. Ông ấy nói với tôi rằng ông ấy cần **sự giúp đỡ khẩn cấp**, tôi **sẵn sàng** hỏi vấn đề là gì.

Ông ấy nói với tôi rằng ông ấy muốn gửi một tập tin excel quan trọng cho một nhân viên của bộ phận văn phòng của ông ấy. Nhưng, vì ông ta không **thành thạo** Excel, ông ta không thể điền dữ liệu theo yêu cầu của viên chức. Tuy nhiên, vì ông ấy biết rằng tôi đã học ở một trường đại học nơi tôi phải sử dụng Microsoft Office để hoàn thành bài tập của mình. Ông ấy đến gặp **trực tiếp** tôi.

I asked him to come in and **sit at ease (relaxed)**. I took my laptop and opened a new excel sheet and started typing the information and applying the formula. It took about one and **a quarter hours** to complete the file. Not only did I **fill out (complete) the data**, but also taught Mr Peters about the easiest tricks to use this software.

Learning this new skill, Mr Peters became very happy and relaxed. Because of this, I felt the same way. **I felt excited to be able to share my skills** with him to make his life easier. He is a very kind person who would **bend over backwards (help)** for others, so I like to treat him with such respect. **All in all**, I felt **I did a good deed (action) by being of service to him**.

Tôi yêu cầu ông ta đến và **ngồi thoải mái**. Tôi lấy máy tính xách tay của mình và mở một bảng excel mới và bắt đầu nhập thông tin và áp dụng công thức. Mất khoảng **một giờ 15 phút** để hoàn thành tệp. Tôi không chỉ **điền dữ liệu** mà còn dạy ông Peters về các thủ thuật đơn giản nhất để sử dụng phần mềm này.

Học được kỹ năng mới này, ông Peters trở nên rất vui vẻ và thoải mái. Bởi vì thế, tôi cảm thấy điều tương tự. **Tôi cảm thấy phấn khích khi có thể chia sẻ các kỹ năng của mình** với ông ấy để làm cho cuộc sống của ông ấy dễ dàng hơn. Ông ấy là một người rất tốt bụng, người sẽ **giúp đỡ** cho người khác, vì vậy tôi thích đối xử với ông ấy tôn trọng như vậy. Nói chung, **tôi cảm thấy mình đã làm một hành động tốt bằng cách phục vụ ông ta**.

Part 3

Is it easy for old people use new technology?

For the most part, no. For young people, technology is something that we grew up with. However, for **the elderly**, it is **a whole new challenge** for them. Actually, it must be like learning a whole new language for them. As I work with many elderly people, I often see their **frustration** about this topic. When I **put myself in their shoes (imagine from their perspective)**, I would imagine that I feel the same.

Có dễ dàng cho người già sử dụng công nghệ mới?

Phần lớn là không dễ dàng. Đối với những người trẻ tuổi, công nghệ lớn lên cùng chúng tôi. Tuy nhiên, đối với **người cao tuổi**, đó là **một thách thức hoàn toàn mới** đối với họ. Thật ra, nó phải giống như học một ngôn ngữ hoàn toàn mới cho họ. Khi tôi làm việc với nhiều người cao tuổi, tôi thường thấy **sự thất vọng** của họ về chủ đề này. Khi tôi **đặt mình vào vị trí của họ**, tôi sẽ tưởng tượng rằng tôi cũng cảm thấy như vậy.

Tại sao một số người già từ chối sử dụng công nghệ mới?

Why do some old people refuse to use new technology?

In many cases, the elderly can become **quite stubborn (not wanting to change)**. For example, they have lots of wisdom and experience, so it's hard for them to admit that they have difficulty with something that comes so easily to the younger generation. Furthermore, some simply don't trust in technology and think that life was better **the old school (traditional) way**.

Trong nhiều trường hợp, người cao tuổi có thể trở nên **khá bướng bỉnh**. Ví dụ, họ có rất nhiều sự khôn ngoan và kinh nghiệm, vì vậy, thật khó để họ thừa nhận rằng họ gặp khó khăn với điều gì đó quá dễ dàng với thế hệ trẻ. Hơn nữa, một số người chỉ đơn giản là không tin tưởng vào công nghệ và nghĩ rằng cuộc sống tốt hơn theo **cách cũ**.

31- Describe an unusual experience of traveling/ Describe a place you visited with your friends and you had a good time.

You should say:

Where you went

When you went there

Who you were with

What you did there

And explain why it is unusual

Well, traveling is something that **thrills me a lot** and I'm always waiting for my next trip. So, I would like to talk about the vacation I had last year, which I consider **to be quite out of the ordinary (unusual)**.

During last summer holidays, my friend and I dreamt of going to **a faraway land**, but **we lacked the funds (didn't have the money)** for it.

Fortunately, on the very next day, I was looking on social media and **stumbled upon one NGO** who needed some people to volunteer **at a remote, mountainous area**. Moreover, the best thing about this opportunity was that it included all expenses. For example, traveling, food, **accommodation**, and so on.

So, I immediately called my friend then we went to **the NGO**, in which they assigned us work teaching children.

We went to Malana, Himachal Pradesh where the NGO was located.

There we volunteered as well as did some **sightseeing** around the place, like visiting **historical pagodas** nature, lakes, and so on.

Besides that, we experienced local culture and taste of local food as well. **Not to mention**, it was nice to spend the summer in a **cool, crisp climate**. Furthermore, we felt very good because we

Chà, đi du lịch là điều **khiến tôi rất thích thú** và tôi luôn chờ đợi chuyến đi tiếp theo. Vì vậy, tôi muốn nói về kỳ nghỉ tôi đã có năm ngoái, điều mà tôi cho là **khá khác thường**.

Trong những ngày nghỉ hè vừa qua, tôi và bạn tôi đã mơ ước được đến **một vùng đất xa xôi**, nhưng chúng tôi **thiếu tiền** dành cho nó.

May mắn thay, vào ngày hôm sau, tôi đã tìm kiếm trên phương tiện truyền thông xã hội và **tình cờ thấy một tổ chức phi chính phủ** cần một số người tình nguyện tại **một khu vực miền núi xa xôi**. Hơn nữa, điều tốt nhất về cơ hội này là nó bao gồm tất cả các chi phí. Ví dụ, đi du lịch, thực phẩm, **chỗ ở**, và nhiều thứ khác.

Vì vậy, tôi đã ngay lập tức gọi cho bạn tôi sau đó chúng tôi đã đi đến **tổ chức phi chính phủ** đó, nơi họ giao cho chúng tôi công việc dạy trẻ em. Chúng tôi đã đến Malana, Himachal Pradesh nơi tổ chức phi chính phủ tọa lạc. Ở đó, chúng tôi tình nguyện cũng như **tham quan** xung quanh nơi này, như tham quan **các ngôi chùa lịch sử**, thiên nhiên, hồ nước, v.v.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng có kinh nghiệm về văn hóa địa phương và hương vị của thực phẩm địa phương. **Chưa kể**, thật tuyệt khi trải qua mùa hè trong một **khí hậu mát mẻ, khô lạnh**. Hơn nữa, chúng tôi cảm thấy rất tốt vì chúng tôi đã **đóng góp một**

contributed something to society. Usually people travel **simply for pleasure**, so this is why I consider it unusual.

cái gì đó cho xã hội. Thông thường mọi người đi du lịch **đơn giản chỉ vì niềm vui**, vì vậy đây là lý do tại sao tôi coi nó là bất thường.

What are the differences between traveling to other countries and living there?

Well, obviously there are **a number of clear differences between** going on a tour abroad and actually living there. Perhaps **the most significant difference** is that travelling only paints a rosy picture of life in our destination country like we can **enjoy the delicacies**, experience ignored. In addition, with the company of tour guide, there is no need to learn the language, search for directions since everything is properly prepared. **Conversely, an immigrant** is supposed to experience culture shock, food adaptability and other issues if they start living there

Do you think we need to respect the region and culture when you go to other countries?

Yes, I'd suppose. In the cases, **immigrants** or tourists to another country tend to suffer from culture shock, food adaptability and **racial discrimination** and stuff like that. So, **it's quite advisable that** they make real efforts to pay decent respect to the host country's culture when people come to a new land. For example, if you know that beef is banned in Muslim countries and try to avoid including it in your daily diet, you can save yourself from **religious prejudice** and **lead a life like the natives**.

Sự khác biệt giữa du lịch đến các quốc gia khác và sống ở đó là gì?

Chà, rõ ràng có **một số khác biệt rõ ràng giữa** việc đi du lịch nước ngoài và thực sự sống ở đó. Có lẽ **sự khác biệt đáng kể nhất** là việc đi du lịch chỉ vẽ nên một bức tranh màu hồng về cuộc sống ở đất nước chúng ta đến như việc chúng ta có thể **thưởng thức những món ngon**, các trải nghiệm bị bỏ qua. Ngoài ra, với sự đồng hành của hướng dẫn viên du lịch, không cần phải học ngôn ngữ, tìm kiếm chỉ đường vì mọi thứ đã được chuẩn bị đúng đắn. **Ngược lại**, một **người nhập cư** phải trải qua cú sốc văn hóa, khả năng thích ứng thực phẩm và các vấn đề khác nếu họ bắt đầu sống ở đó.

Bạn có nghĩ rằng chúng ta cần tôn trọng tôn giáo và văn hóa khi bạn đến các quốc gia khác?

Vâng, tôi cho rằng nên phải thế. Trong các trường hợp, **những người nhập cư** hoặc khách du lịch đến một quốc gia khác có xu hướng bị sốc văn hóa, khả năng thích ứng thực phẩm và **phân biệt chủng tộc** và những thứ tương tự. Vì vậy, **cần khuyến khích rằng** họ phải nỗ lực thực sự để tôn trọng văn hóa của nước chủ nhà khi mọi người đến một vùng đất mới. Ví dụ, nếu bạn biết rằng thịt bò bị cấm ở các quốc gia Hồi giáo và cố gắng tránh đưa nó

What are the advantages of travelling?

Clearly, **there are a number of merits brought by travelling**. But I would probably say that the thing that really stands out that we **can broaden our horizons of the world**. To be more specific, when coming to a new region or a country, we have the chances to sample, the local life, enjoy the and learn many interesting stuff. Besides, a second positive point could be that we can **let our hair down** after stressful periods of hard work or study. A short visit to somewhere can help us **recharge our batteries** and work more effectively afterwards.

What are the advantages for a nationwide travel?

If I were to choose between the two, I would opt for **domestic trips** simply because I am not a wealthy person at all. Therefore, travelling to different parts of my country can be economical at first. Besides, there are no **language barriers** compared to when you make a tour to a far-away land where you can't use your **mother tongue**. **In a nutshell**, such a **nationwide journey** can **satisfy my sense of adventure**.

vào chế độ ăn uống hàng ngày, bạn có thể tự cứu mình khỏi **định kiến tôn giáo** và **sống một cuộc sống như người bản xứ**.

Những lợi thế của du lịch là gì?

Rõ ràng, **có một số phần thưởng mang lại khi đi du lịch**. Nhưng tôi có lẽ sẽ nói rằng điều thực sự nổi bật là chúng ta có thể **mở rộng tầm nhìn về thế giới**. Cụ thể hơn, khi đến một khu vực hoặc một quốc gia mới, chúng tôi có cơ hội để sống cuộc sống địa phương, tận hưởng và tìm hiểu nhiều thứ thú vị. Bên cạnh đó, một điểm tích cực thứ hai là chúng ta có thể **thoải mái** sau những thời gian làm việc căng thẳng hoặc học tập. Một chuyến thăm ngắn đến một nơi nào đó có thể giúp chúng ta **lấy lại tinh thần** và làm việc hiệu quả hơn sau đó.

Những lợi thế cho một chuyến du lịch toàn quốc là gì?

Nếu tôi được lựa chọn giữa hai việc, tôi sẽ chọn các **chuyến đi trong nước** đơn giản vì tôi hoàn toàn không phải là một người giàu có. Do đó, việc đi du lịch đến các vùng khác nhau của đất nước tôi có thể là bước đầu tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, không có **rào cản ngôn ngữ** so với khi bạn thực hiện một chuyến du lịch đến một vùng đất xa xôi, nơi bạn không thể sử dụng **tiếng mẹ đẻ** của mình. **Tóm lại**, một **hành trình toàn quốc** như vậy có thể **đáp ứng cảm giác phiêu lưu của tôi**.

What advice would you give to the foreigners travelling to your country?

To be honest with you, for a person who wants to make a trip to my country, there are a lot of **necessary preparations**. First of all, you must get prepared to deal with problems in daily life, which can be hard to be found in developed countries. For example, you are faced with traffic jam, particularly during **peak hours**; or run the risk of being stolen in public places like buses. Besides, polluted air and hot weather is another **tumbling block** that foreigners **need to overcome**. You have to breathe dirty air and **stand the scorching heat of the summers or heat all year round if you live in HCM city**

Bạn có lời khuyên nào cho người nước ngoài đi du lịch nước bạn?

Thành thật với bạn, đối với một người muốn thực hiện một chuyến đi đến đất nước của tôi, có rất nhiều sự **chuẩn bị cần thiết**. Trước hết, bạn phải chuẩn bị để đối phó với các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, điều khó có thể tìm thấy ở các nước phát triển. Ví dụ, bạn đang phải đối mặt với kẹt xe, đặc biệt là trong giờ cao điểm; hoặc có nguy cơ bị đánh cắp ở những nơi công cộng như xe buýt. Bên cạnh đó, không khí ô nhiễm và thời tiết nóng là **khó khăn** khác mà người nước ngoài cần **khắc phục**. Bạn phải hít thở không khí bẩn và **chịu đựng cái nóng thiêu đốt của mùa hè hoặc nắng nóng quanh năm nếu bạn sống ở thành phố HCM**.

32- Describe a female leader you would like to meet

You should say:

Who she is

What she does

What she is like

And explain why you would like to meet her

As leadership only used to be a male domain (area), I am excited seeing women in positions of power nowadays. Although my country hasn't yet had a female president, I would like to talk about our former first lady (wife of the president), Michelle Obama. Along with this, she is also the first African- American first lady, which is something I am really **thrilled** to see, as well. She has always been a woman I **look up to (honor)**!

In the USA, being the first lady is a very important position. Michelle's duties included **being the hostess** of the first lady, as well as organizing and attending official ceremonies and functions of state either along with, or **in place of**, the president. Along with this, she was **formerly** a lawyer, as well as a university administrator and writer. With all this said, she is a very bright and respectable woman. As an educator myself, I have a **profound (deep) respect** for those in the education field.

Although I don't know her, she seemed very **bubbly (social)** and **vivacious (energetic)**. Along with this, she and her family are known to be very elegant and **well-spoken (speaks well with others)**. Because of all of this that I've mentioned, it would be a great honor to meet her. I would love to have a coffee and ask for life advice with her. Of course I would have to take a picture with her for the social media!

Vì lãnh đạo chỉ dùng trong các lĩnh vực dành cho nam giới, tôi rất vui mừng khi thấy phụ nữ ở vị trí quyền lực ngày nay. Mặc dù đất nước tôi chưa có một nữ tổng thống nào, tôi muốn nói về cựu đệ nhất phu nhân của chúng ta, Michelle Obama. Cùng với điều này, cô ấy cũng là đệ nhất phu nhân người Mỹ gốc Phi đầu tiên, đó là điều mà tôi thực sự **vui mừng** khi nhìn thấy. Cô ấy luôn là một người phụ nữ mà tôi **tôn trọng**!

Ở Mỹ, trở thành đệ nhất phu nhân là một vị trí rất quan trọng. Các nhiệm vụ của bà Michelle bao gồm **làm chủ nhà** với tư cách là đệ nhất phu nhân, cũng như tổ chức và tham dự các nghi lễ và chúc mừng chính thức của nhà nước cùng với hoặc **thay cho** tổng thống. Cùng với điều này, **trước đây** bà ấy là một luật sư, đồng thời là một quản trị viên và nhà văn của trường đại học. Với tất cả điều này, bà ấy là một người phụ nữ rất thông minh và đáng kính. Là một nhà giáo dục, tôi có một sự **tôn trọng sâu sắc** đối với những người trong lĩnh vực giáo dục.

Mặc dù tôi không biết bà ấy, nhưng bà ấy có vẻ rất **sôi nổi** và **hoạt bát**. Cùng với điều này, bà và gia đình được biết đến là người rất lịch lãm và **giỏi giao tiếp**. Bởi vì tất cả những điều mà tôi đã đề cập, sẽ rất vinh dự khi được gặp bà ấy. Tôi rất thích uống cà phê và xin lời khuyên cuộc sống với bà ấy. Tất nhiên tôi sẽ phải chụp ảnh với bà ấy để đăng lên các phương tiện truyền thông xã hội!

What is gender inequality in the workplace?

It means that people aren't treated equally based on gender. Traditionally, the man earns more money than a woman and aren't able to move up in position, also known as **the glass ceiling**. In my country, the woman earns about .80 cents to the man's dollar for doing the exact same workload. Apart from just the pay, women are often perceived as unable to control their emotions, which prevents them from being in **a leadership position**. I'm so happy to see this changing!

What are the causes of gender inequality in the workplace?

Long-held beliefs, society, misconceptions, our upbringing, religion, among other things. It's something that has been **ingrained (put) in our minds** for a long time. As we are now in a time when women are getting into positions of power, we can see that it has nothing to do with ability. I hope that people continue to develop their way of thinking about this matter. I'm **a firm believer** that women are just as capable as a man, whether it's an office job or physical labor.

Do women have more responsibility for taking care of children?

Nowadays, it really depends. Perhaps it used to be that way since women tend to have a more **maternal and nurturing (caring) instinct**, but I see this starting to change. For example, I know of plenty stay at home dads and moms who go to work all day.

Bất bình đẳng giới ở nơi làm việc là gì?

Điều đó có nghĩa là mọi người không được đối xử bình đẳng dựa trên giới tính. Theo truyền thống, người đàn ông kiếm được nhiều tiền hơn phụ nữ và phụ nữ không thể tiến lên vị trí cao, còn được gọi là **"rào cản tiến thân"**. Ở nước tôi, người phụ nữ kiếm được khoảng 0,80 xu so với người đàn ông là 1 đồng đô la khi thực hiện cùng một khối lượng công việc. Ngoài việc trả lương, phụ nữ thường bị coi là không thể kiểm soát cảm xúc, điều này ngăn cản họ ở **vị trí lãnh đạo**. Tôi rất vui khi thấy sự thay đổi này!

Các nguyên nhân của bất bình đẳng giới ở nơi làm việc là gì?

Niềm tin từ lâu, xã hội, quan niệm sai lầm, sự giáo dục của chúng ta, tôn giáo, trong số những thứ khác. Nó có một cái gì đó đã **ăn sâu vào tâm trí** chúng ta trong một thời gian dài. Khi chúng ta đang ở trong thời đại mà phụ nữ đang nắm giữ các vị trí quyền lực, chúng ta có thể thấy rằng nó không liên quan gì đến khả năng. Tôi hy vọng rằng mọi người tiếp tục phát triển cách suy nghĩ của họ về vấn đề này. Tôi là **một người tin tưởng vững chắc** rằng phụ nữ cũng có khả năng như đàn ông, cho dù đó là một công việc văn phòng hay lao động chân tay.

Phụ nữ cần có trách nhiệm hơn trong việc chăm sóc trẻ em hay không?

Ngày nay, nó còn tùy thuộc nhiều điều. Có lẽ nó đã từng như vậy vì phụ nữ có xu hướng có **bản năng làm mẹ và nuôi dưỡng nhiều hơn**, nhưng tôi thấy điều này bắt đầu thay đổi. Ví dụ, tôi biết rất

However, I still see that traditionally the woman stays home with the children more than a man.

nhiều ông bố ở nhà và bà mẹ đi làm cả ngày. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy rằng theo truyền thống, người phụ nữ ở nhà với trẻ em nhiều hơn đàn ông.

33- Describe a journey that you went on by car

You should say: When it was Where you went Who you were with

And you felt about the journey

It was the day before the long weekend of Labor Day and I had nothing to do, no plans, nothing at all. So, I decided to **give my friends a shout (call my friends)**. Luckily, they were also free so we decided to spend this holiday together to celebrate all the hard work we do. This is how we started the road trip and I didn't know it was going to be **an outstanding experience**. Let me tell you about it!

We decided to go to the Grand Canyon, a place with beautiful landscapes and stunning hikes during **the sunset**. **As soon as** we arrived, the first task we completed was to set up the tents and a small fire near us because it was **a pitch-black (very dark) night**. We were lucky enough to see a shooting star going above our heads.

Đó là một ngày trước ngày cuối tuần dài của Ngày Lễ Lao động và tôi không có gì để làm, không có kế hoạch, không có gì cả. Vì vậy, tôi quyết định **kêu gọi bạn bè của mình**. May mắn thay, họ cũng được tự do nên chúng tôi quyết định dành kỳ nghỉ này cùng nhau để ăn mừng tất cả những công việc khó khăn chúng tôi đã làm. Đây là cách chúng tôi bắt đầu chuyến đi đường và tôi đã không biết rằng đó sẽ là **một trải nghiệm tuyệt vời**. Hãy để tôi nói cho bạn biết về nó!

Chúng tôi quyết định đi đến Grand Canyon, một nơi có phong cảnh đẹp và những chuyến đi bộ tuyệt đẹp trong **hoàng hôn**. **Ngay khi** chúng tôi đến, nhiệm vụ đầu tiên chúng tôi hoàn thành là dựng lều và một đám cháy nhỏ gần chúng tôi vì đó là một **đêm tối đen**. Chúng tôi đã rất may mắn khi thấy một ngôi sao băng đang bay trên đầu chúng tôi.

The next morning, we woke up really early to start one of the most famous hikes of the area. I would have to say that it was **worth every second of it**.

As we packed everything back to the cars to go back to the city, we saw **a giant raven (large bird)**, trying to eat some leftovers from other camping grounds. That was just the perfect way to end the trip- in **primitive (old) nature**, yet having fun at the same time.

That weekend was **something else** (something really special). I felt it was **a bonding experience** to get to know my friends more, as well as a nice time to unwind (relax) from our hectic (busy) lives in the city. In conclusion, it was one heck of a weekend (an awesome weekend)!

Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy rất sớm để bắt đầu một trong những chuyến đi bộ nổi tiếng nhất của khu vực. Tôi sẽ phải nói rằng nó rất có **giá trị đến từng giây**

Khi chúng tôi thu dọn mọi thứ trở lại xe ô tô để quay trở lại thành phố, chúng tôi thấy **một con quạ khổng lồ**, cố gắng ăn một số thức ăn thừa từ các khu cắm trại khác. Đó chỉ là cách hoàn hảo để kết thúc chuyến đi **trong tự nhiên** một cách vui vẻ.

Cuối tuần đó **thực sự đặc biệt**. Tôi cảm thấy đó là một **kinh nghiệm gắn kết** để làm quen với bạn bè của tôi nhiều hơn, cũng như một thời gian tốt đẹp để thư giãn từ cuộc sống bận rộn của chúng tôi trong thành phố. Tóm lại, đó là một ngày cuối tuần tuyệt vời!

Is driving skill important?

Indeed, it is not just important, it's a necessity here in the US. Unlike Europe, cities were built for cars, not people, here. Especially when you want to do a road trip for holidays or a small **getaway (vacation)**. For example, since I bought a car, I could take advantage of a short weekend by taking a road trip for Labor Day ant to Chattanooga River. What a wonderful day to be alive, thanks to cars.

Do you think cars are a daily necessity?

Of course, I do, as they are necessary here in the US. They are a crucial (important) part of **the daily commuting** I do from home to work and **vice versa**. Moreover, they help me a lot to be on time to the daily meetings I have, as I tend to be late often.

What will cars look like in the future?

I will say cars are going to be very different in the near future, all of this due to new technologies in **aerodynamics and electrical batteries**. Just imagine a car without an engine and solely (only) power by solar energy or electricity. That will definitely change the shape, therefore, the entire appearance of a car. Even just from the 90's and 2000's to now, you can see a drastic (sharp) change in cars- I can't imagine what the future holds!

What are the advantages of owning a car?**Kỹ năng lái xe có quan trọng không?**

Thật vậy, nó không chỉ quan trọng, nó là một điều cần thiết ở Mỹ. Không giống như châu Âu, các thành phố ở đây được xây dựng cho xe hơi, không phải người dân. Đặc biệt là khi bạn muốn thực hiện một chuyến đi đường cho kỳ nghỉ hoặc một **nơi nghỉ ngơi ngắn**. Ví dụ, kể từ khi tôi mua một chiếc ô tô, tôi có thể tận dụng một ngày cuối tuần ngắn bằng cách thực hiện một chuyến đi đường trong Ngày Lễ Lao động đến sông Chattanooga. Thật là một ngày tuyệt vời để sống, nhờ vào ô tô.

Bạn có nghĩ rằng xe hơi là một nhu cầu hàng ngày?

Tất nhiên, tôi nghĩ vậy, vì chúng cần thiết ở Mỹ. Chúng là một phần quan trọng của việc **đi lại hàng ngày** tôi làm từ nhà đến nơi làm việc và **ngược lại**. Hơn nữa, chúng giúp tôi rất nhiều để có mặt đúng giờ trong các cuộc họp hàng ngày của tôi, vì tôi có xu hướng bị trễ thường xuyên.

Những chiếc xe sẽ trông như thế nào trong tương lai?

Tôi sẽ nói rằng ô tô sẽ rất khác trong tương lai gần, tất cả điều này là do các công nghệ mới trong khí **động học và pin điện**. Chỉ cần tưởng tượng một chiếc xe không có động cơ và chỉ dùng năng lượng mặt trời hoặc điện. Điều đó chắc chắn sẽ thay đổi hình dạng, do đó, toàn bộ diện mạo của một chiếc xe hơi. Thậm chí chỉ từ những năm 1990 và 2000 đến nay, bạn có thể thấy một sự thay đổi mạnh mẽ trong xe hơi - Tôi có thể tưởng tượng ra những gì mà tương lai nắm giữ!

Những lợi thế của việc sở hữu một chiếc xe hơi là gì?

One of the main advantages I can think of is how independent you can be to move anywhere around your city. Sometimes you are hungry and you just want that delicious pizza you saw in the commercial, so you just **drive your way** through the pizza restaurant and enjoy every single slice of it without any planning. Furthermore, I can use my car to go on roadtrips and make as many potty breaks (bathroom stops) as I want along the way, which is impossible in public transportation.

What are the disadvantages of owning a car?

As there are so many advantages, there are just a few disadvantages. One of them is the maintenance you have to do every couple thousand miles. I wish I never had to stop at those repair shop and wait for hours until the car is ready but I know that safety is the main priority and, in those places, they put them right on spot to **keep functioning** as they are supposed to. So all in all, it really isn't a huge inconvenience.

Một trong những lợi thế chính tôi có thể nghĩ đến là bạn có thể độc lập như thế nào để di chuyển bất cứ nơi nào xung quanh thành phố của bạn. Đôi khi bạn đói và bạn chỉ muốn chiếc bánh pizza ngon lành mà bạn nhìn thấy trong quảng cáo, vì vậy bạn chỉ cần **lái xe** qua nhà hàng pizza và thưởng thức từng lát bánh mà không có kế hoạch gì cả. Hơn nữa, tôi có thể sử dụng xe của mình để đi trên những con đường và thực hiện nhiều lần dừng như tôi muốn trên đường đi, điều này là không thể trong giao thông công cộng.

Những bất lợi của việc sở hữu một chiếc xe hơi là gì?

Vì có rất nhiều ưu điểm, nên chỉ có một vài nhược điểm. Một trong số đó là việc duy trì bạn phải làm mỗi vài ngàn dặm. Tôi ước tôi không bao giờ phải dừng lại ở các cửa hàng sửa chữa và đợi hàng giờ cho đến khi xe sẵn sàng nhưng tôi biết rằng an toàn là ưu tiên chính và, ở những nơi đó, họ sửa chữa chúng để tiếp **tục hoạt động** như mong muốn. Vì vậy, tóm lại, nó thực sự là một sự bất tiện rất lớn.

34- Describe a city you went to with your family

You should say: When it happened Where you went to How it was

And explain why you liked it

My family and I always had a dream vacation of going to New York city, better known as the Big Apple. **The concrete jungle (a nickname for New York)** where dreams come true. I would have to say that those were some of the best days of my life. It was around Christmas time, so we really wanted to see the **decked out (decorated)** New York that we had always seen on TV. Let me tell you how it came about

So, by the end of 2018 we caught a flight from Portland to New York. I have to say that New Yorkers truly have the Christmas spirit. All of the city looked fairytale from Disney movies. While we were wandering around (walking around) the city, we saw a huge Christmas Tree full of beautiful lights and **sparkling star** on top. It really took us back to the Home Alone movies!

Seeing all of the Christmas decorations was the most outstanding part of the trip. Actually, it made me feel emotional to be standing there experiencing this with my family. It touched all of our hearts a lot. In conclusion, this trip **took my breath away**.

Part 3

Do you think cities worth visiting is also suitable to live in?

Yes, I do. They are worth visiting for a reason. Whether they have iconic (famous) locations or fantastic restaurants, I would say that a city is not only worth visiting, but is also worth living. I'm a fan of (I like) the countryside too, but I always like to check out the capital city of a country too.

Do people in your country like to travel?

People in my country do love to travel a lot, mainly to Europe because you can breathe culture (take in) and history in every single country you visit, and countries are so small over there, that you can go through one of them in just 4 hours of driving, that's fantastic!

How has travelling changed compared to several decades ago?

Gia đình tôi và tôi luôn có một kỳ nghỉ mơ ước là đến thành phố New York, được biết đến với cái tên Big Apple. **Khu rừng bê tông (biệt danh của New York)** nơi giấc mơ trở thành sự thật. Tôi phải nói rằng đó là những ngày tuyệt nhất trong đời tôi. Đó là vào khoảng thời gian Giáng sinh, vì vậy chúng tôi thực sự muốn thấy New York được **trang trí** như chúng tôi luôn thấy trên TV. Hãy để tôi nói cho bạn biết nó đã diễn ra như thế nào.

Vì vậy, vào cuối năm 2018, chúng tôi bắt chuyến bay từ Portland đến New York. Tôi phải nói rằng người New York thực sự có tinh thần Giáng sinh. Tất cả các thành phố trông như cổ tích từ các bộ phim Disney. Trong khi chúng tôi đang lang thang quanh thành phố, chúng tôi đã thấy một cây Giáng sinh khổng lồ với đầy đủ ánh sáng và **ngôi sao lấp lánh** trên đỉnh. Nó thực sự đưa chúng tôi trở lại với các bộ phim "Home Alone"!

Xem tất cả các đồ trang trí Giáng sinh là phần nổi bật nhất của chuyến đi. Thật ra, nó khiến tôi cảm thấy xúc động khi đứng đó trải nghiệm điều này với gia đình. Nó chạm vào tất cả trái tim của chúng tôi rất nhiều. Kết luận, chuyến đi này đã làm tôi **thích thú**.

Phần 3

Bạn có nghĩ rằng các thành phố đáng ghé thăm cũng phù hợp để sống?

Vâng tôi đồng ý. Họ đáng để tham quan vì một lý do. Cho dù họ có địa điểm mang tính biểu tượng hoặc nhà hàng tuyệt vời, tôi sẽ nói rằng một thành phố không chỉ đáng để ghé thăm, mà còn đáng sống. Tôi cũng là một người hâm mộ vùng nông thôn, nhưng tôi luôn thích viếng thăm thành phố thủ đô của một đất nước.

35- Describe a toy you got in your childhood

You should say: What it was When you got it How you got it

And how you felt about it

As a child, I enjoyed playing outside and **going for hikes** with my dogs more than anything else. However, I can remember one specific toy that **left a mark (impression)** on me. I recall having a super powerful **action figure**, it was a Super Man, those little toys that you play with for **countless (endless) hours** with your friends in the backyard. I often brought him along on the hikes with me until one day, unfortunately, my dog chewed him up and broke him!

I got that action figure when I was just 3 years old, and my grandfather gave it to me after we saw the Super Man movie in theaters. My grandfather knew it would make my birthday to get that toy, so he especially picked it out for me. I remember being **over the moon (extremely happy)** when I saw it and I squeezed (hugged) him so tightly.

That small toy put a big smile on my face and helped to have fun **day and night**. I loved that toy so much before my dog chewed him up. In conclusion, I'll never forget that day!

Part 3

Do you think it is good for children to play many computer games?

I think it is good for children to play, but not just computer games, I'm talking about sports or playing with action figures, dolls or toy cars. Just computer games can be limiting and time consuming. However, maybe some chess or logic games on a computer can be beneficial to a child's learning.

Khi còn nhỏ, tôi thích chơi ngoài trời và **đi dạo** với những chú chó của mình hơn bất cứ thứ gì khác. Tuy nhiên, tôi có thể nhớ một đồ chơi cụ thể **để lại ấn tượng** đối với tôi. Tôi nhớ có một **nhân vật hành động** siêu mạnh, đó là Super Man, những món đồ chơi nhỏ mà bạn chơi trong **những giờ** với bạn bè ở sân sau. Tôi thường đưa anh ấy đi dạo cùng tôi cho đến một ngày, thật không may, con chó tôi đã nghiền nát và phá vỡ anh ấy!

Tôi đã có được nhân vật hành động đó khi tôi mới chỉ 3 tuổi và ông tôi đã đưa nó cho tôi sau khi chúng tôi xem bộ phim Super Man ở rạp. Ông tôi biết nó sẽ làm sinh nhật tôi thêm thú vị khi có món đồ chơi đó, vì vậy ông đặc biệt chọn nó cho tôi. Tôi nhớ mình đã **vô cùng hạnh phúc** khi nhìn thấy nó và tôi ôm siết chặt ông.

Đồ chơi nhỏ đó đặt một nụ cười lớn trên khuôn mặt của tôi và giúp vui vẻ **cả ngày** lẫn đêm. Tôi yêu món đồ chơi đó rất nhiều trước khi con chó của tôi nhai nó. Tóm lại, tôi không bao giờ quên ngày hôm đó!

Phần 3

Bạn có nghĩ rằng trẻ em chơi nhiều trò chơi trên máy tính là tốt hay không?

Tôi nghĩ rằng nó tốt cho trẻ em khi chơi đùa, nhưng không chỉ là trò chơi trên máy tính, tôi nói về thể thao hoặc chơi với các nhân vật hành động, búp bê hoặc xe đồ chơi. Chỉ vì trò chơi máy tính có thể bị giới hạn và tốn thời gian. Tuy nhiên, có thể một số trò chơi cờ vua hoặc logic trên máy tính có thể có lợi cho việc học tập của trẻ.

How do you think a child can benefit from playing a child's game?

A child can widely benefit from child's games like hide and seek or jump-rope because these games help them with their **motion control** and it exercises them. Furthermore, logical games like chess, cards, puzzles, or checkers can improve a child's reasoning and problem-solving skills. Lastly, **bilingual games** help children to develop language skills effectively from a young age.

Which do you think is better, for children to play with toys alone or with other kids?

I think sharing, in general, is important for everyone, especially kids. The ability to interact with other human beings is crucial for the mind to develop and playing with another kid is part of it. It reminds me of the Superman figure I got when I was a kid, me and my friends really enjoyed it. It's important for kids to learn how to share.

Bạn nghĩ trẻ em có thể hưởng lợi như thế nào khi chơi một trò chơi trẻ con?

Một đứa trẻ có thể hưởng lợi rộng rãi từ các trò chơi trẻ con như trốn tìm hoặc nhảy dây vì những trò chơi này giúp chúng **kiểm soát chuyển động** và nó luyện tập chúng. Hơn nữa, các trò chơi logic như cờ vua, thẻ bài, câu đố hoặc cờ đam có thể cải thiện kỹ năng suy luận và giải quyết vấn đề của trẻ. Cuối cùng, các **trò chơi song ngữ** giúp trẻ phát triển các kỹ năng ngôn ngữ một cách hiệu quả ngay từ nhỏ.

Bạn nghĩ cái nào tốt hơn, cho trẻ chơi với đồ chơi một mình hay với những đứa trẻ khác?

Tôi nghĩ rằng việc chia sẻ, nói chung, rất quan trọng đối với mọi người, đặc biệt là trẻ em. Khả năng tương tác với những người khác là rất quan trọng để tâm trí phát triển và chơi với một đứa trẻ khác là một phần của nó. Nó làm tôi nhớ đến hình tượng Siêu nhân mà tôi có khi còn bé, tôi và bạn bè thực sự thích nó. Nó rất quan trọng đối với trẻ em để học cách chia sẻ.

36- Describe a place you remember well that is full of colors.

You should say: What it is Where it is

How it looks like

And explain why you remember it well

I have a colorful ice-cream place that I really like, actually, I would say it is my favorite place for ice-cream. Let me tell you about it

It is located right in the corner of Bernard Road, it has a really stylized neon light that **glows glamour (the special exciting and attractive quality of a place)** every time you look at it, that neon light is also **an usual place** for people to take a picture with it. When you go inside the ice-cream store, you will find a lot of uncommon flavors like olive oil or lavender. You would think they're not tasty at all, but they actually are so **rich in flavor**.

Hanging on the ceiling, they have a lot of colorful umbrellas, all arranged by colors, so it looks like you're staring into a rainbow which is really stimulating. This is my favorite thing to look at while I'm getting some ice-cream. I think I'll always **keep it in my mind (remember something)** because of the colorful store that left a deep impression on you and the taste of the unusual flavors that **still linger (remain for a long time)** in my mouth.

Part 3

What kind of places do people want to go to when they want to be alone? When people want to be alone, they usually go to their room but that's not the case for me. I used to do a small hike to have **a panoramic view** of the city, just 20 minutes away from home, to be alone and connect with myself again. That's what recharges me most when I **crave** some time alone.

Do you think that landmarks will make a city more famous, why?

Tôi có một nơi bán kem đầy màu sắc mà tôi thực sự thích, tôi sẽ nói đó là nơi yêu thích của tôi về kem. Hãy để tôi nói cho bạn biết về nó.

Nó nằm ngay góc đường Bernard, nó có một ánh sáng neon thực sự cách điệu, **tỏa sáng rực rỡ** mỗi khi bạn nhìn vào đó. Ánh sáng neon cũng là một **nơi thường thấy** dành cho mọi người chụp ảnh với nó. Khi bạn đi vào bên trong cửa hàng kem, bạn sẽ tìm thấy rất nhiều hương vị không phổ biến như dầu ô liu hoặc hoa oải hương. Bạn sẽ nghĩ rằng chúng không ngon chút nào, nhưng thực ra chúng rất **giàu hương vị**.

Treo trên trần nhà là rất nhiều chiếc ô đầy màu sắc, tất cả được sắp xếp theo màu sắc, vì vậy có vẻ như bạn đang nhìn chăm chăm vào cầu vồng thực sự rất kích thích. Đây là thứ tôi thích nhìn vào trong khi tôi lấy một ít kem. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ **luôn giữ nó trong tâm trí** vì cửa hàng đầy màu sắc để lại ấn tượng sâu sắc với tôi và mùi vị của những hương vị khác thường **vẫn còn đọng lại** trong miệng tôi.

Phần 3

Những nơi nào mọi người muốn đi đến khi họ muốn ở một mình?

Khi mọi người muốn ở một mình, họ thường đến phòng của họ nhưng điều đó không đúng với tôi. Tôi đã từng thực hiện một chuyến đi bộ nhỏ để có **cái nhìn toàn cảnh** thành phố, chỉ cách nhà 20 phút, ở một mình và kết nối với chính mình một lần nữa.

Yes, I do. Landmarks for sure will make a city more famous because they will bring more attention to their surroundings and make the city more popular and a **desired destination** for tourists. They also generate more advertising, in postcards for example, so then people are more likely to visit the place.

What's the difference between living in the city and countryside?

It's like two sides of a coin (two different things). One is very different from the other. In the city you have a lot of amenities and comfort but you're missing the **peacefulness and quietness** of the countryside, where you will barely see people and maybe not have all the amenities you are used to. So, there really isn't much in common at all.

Đó là thứ sặc lại năng lượng cho tôi nhiều nhất khi tôi **thêm** một mình.

Bạn có nghĩ rằng các địa danh sẽ làm cho một thành phố nổi tiếng hơn, tại sao?

Vâng tôi đồng ý. Các địa danh chắc chắn sẽ làm cho một thành phố nổi tiếng hơn bởi vì chúng sẽ gây chú ý hơn đến môi trường xung quanh và làm cho thành phố trở nên phổ biến hơn và là **điểm đến mong muốn** cho khách du lịch. Họ cũng tạo ra nhiều quảng cáo hơn, ví dụ như trong bưu thiếp, vì vậy mọi người có nhiều khả năng ghé thăm nơi này.

Những gì khác biệt giữa cuộc sống ở thành phố và nông thôn?

Nó giống như hai mặt của một đồng tiền. Một cái rất khác với cái kia. Trong thành phố, bạn có rất nhiều tiện nghi và sự thoải mái, nhưng bạn lại thiếu đi **sự yên bình và tĩnh lặng** của vùng nông thôn, nơi bạn sẽ hầu như không nhìn thấy mọi người và có thể không có tất cả các tiện nghi mà bạn quen thuộc. Vì vậy, thực sự không có nhiều điểm chung.

37- Describe a time you spent a lot of money on something.

You should say: What you bought When you bought it Where you bought it

And explain why you spent a lot of money to buy it

Well, let me tell you about a time I spent a lot of money. It was Christmas time, but also it was time to get a gift for myself. After a long year of hard work, not to mention a **grueling (very difficult)** one, it was time to **spoil myself a little bit**. I knew exactly what I wanted, which was the latest iPhone. I had had mine for about 3 years and I knew it was time for an upgrade. So, I carefully saved up money throughout the year so make sure I could provide this for myself at the end of the year.

The day before Christmas I went into the C Train that **takes to downtown** and from the train station, I walked to about 15 minutes and I arrived at the Apple Store. I knew it was going to be a lot of money but I was aware that those products last for a very long time, that's why I decided to get it. After leaving **the cashier counter** and leaving most of my money, I rapidly (quickly) went back to the train station with my bag on my hands and headed home. When I arrived there, I was so excited to open it as test the new phone. In conclusion, it was worth it!

Part 3

Why do young people tend to waste money?

People tend to waste more money because they like to **flex (try to look cool)** or **pretend** in front of their friends. They want to show that they can afford things that maybe the other can't like the latest iPhone or expensive vacations. So, it's all something **superficial** for young kids.

Why is it important for people to save some of their money?

Vâng, hãy để tôi nói với bạn về một thời gian tôi đã tiêu rất nhiều tiền. Đó là thời điểm Giáng sinh, nhưng cũng là lúc để có một món quà cho bản thân mình. Sau một năm dài làm việc vất vả, không kể đến **một lần một mãi**, đã đến lúc **thỏa mãn bản thân mình một chút**. Tôi biết chính xác những gì tôi muốn, đó là iPhone mới nhất. Tôi đã có cái của tôi khoảng 3 năm và tôi biết đã đến lúc nâng cấp. Vì vậy, tôi cẩn thận tiết kiệm tiền trong suốt cả năm để đảm bảo rằng tôi có thể dành số tiền này cho bản thân vào cuối năm.

Một ngày trước Giáng sinh, tôi đã đi vào C Train, **đi đến trung tâm thành phố** và từ ga xe lửa, tôi đi bộ khoảng 15 phút và tôi đến Apple Store. Tôi biết rằng nó sẽ tốn rất nhiều tiền nhưng tôi biết những sản phẩm đó tồn tại trong một thời gian rất dài, đó là lý do tại sao tôi quyết định lấy nó. Sau khi rời **quầy thu ngân** và để lại hầu hết số tiền của mình, tôi nhanh chóng quay trở lại ga tàu với túi trên tay và trở về nhà. Khi tôi đến đó, tôi đã rất phấn khích khi mở nó và thử điện thoại mới. Tóm lại, thật đáng tiền để mua!

Phần 3

Tại sao những người trẻ tuổi có xu hướng lãng phí tiền?

Mọi người có xu hướng lãng phí nhiều tiền hơn vì họ thích **tỏ vẻ ngầu** hoặc **giả vờ** trước mặt bạn bè. Họ muốn chứng tỏ rằng họ có thể đủ khả năng chi trả cho những thứ mà có lẽ người kia không thể có như iPhone mới nhất hoặc kỳ nghỉ đắt tiền. Vì vậy, nó chỉ là **sự nông cạn** của trẻ con.

Tại sao điều quan trọng là mọi người phải tiết kiệm một số tiền?

Saving money is important because you don't know how the future is going to be, maybe you will go through **rough times** where you wish you've saved all the money you spent on **mundane objects**. Still, I think it's all about balance. Don't **fret (worry)** over money too much, but also don't spend it like **a drunken sailor** (like a crazy person).

Should children be taught how to manage money?

Children should be taught how to manage their money, it is very important that from the very beginning we all know how to make the best use of our money- it could be saving or investing. Instead of learning so many mathematical skills that we may never use in the school system, I think they should have more classes like this.

Who is better at saving more money, men or women?

I would say that it does not depend on the gender, it depends fully in the kind of education we received as kids and also in schools. They say that men can be **impulsive**, but I know a fair share of women who are the same. On the other hand, perhaps women spend more on **physical maintenance**, but by the same token (in the same way), there are also many men who do so.

Tiết kiệm tiền rất quan trọng vì bạn không biết rằng tương lai sẽ ra sao, có thể bạn sẽ trải qua **thời kỳ khó khăn** khi bạn muốn là bạn đã tiết kiệm tất cả số tiền bạn đã chi cho các vật dụng khác. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng tất cả cần sự cân bằng. Đừng **băn khoăn** về tiền quá nhiều, nhưng cũng đừng tiêu nó như một **người điên**.

Có nên dạy trẻ cách quản lý tiền?

Trẻ em nên được dạy cách quản lý tiền của mình, điều rất quan trọng là ngay từ đầu chúng ta đều biết cách tận dụng tốt nhất số tiền của mình - đó có thể là tiết kiệm hoặc đầu tư. Thay vì học nhiều kỹ năng toán học mà chúng ta có thể không bao giờ sử dụng trong hệ thống trường học, tôi nghĩ họ nên có nhiều lớp học như thế này.

Ai giỏi tiết kiệm tiền hơn, đàn ông hay phụ nữ?

Tôi sẽ nói rằng nó không phụ thuộc vào giới tính, nó phụ thuộc hoàn toàn vào loại hình giáo dục mà chúng ta nhận được khi còn nhỏ và cả ở trường học. Họ nói rằng đàn ông có thể **bốc đồng**, nhưng tôi biết một phần khá lớn những người phụ nữ giống như vậy. Mặt khác, có lẽ phụ nữ chi nhiều hơn cho việc **giữ gìn thể chất**, nhưng theo cùng một cách, cũng có nhiều người đàn ông làm như vậy.

38- Describe a teenager you know

Who she/he is

What she/he looks like

How you got to know him or her

Why do you like him/her

And explain how you feel about him or her

I'm going to tell you about a family friend of ours named Edward. He is 16 years old and bright (clever; intelligent) as can be. We have known him ever since he was 6 years old, and I've enjoyed watching him transform into the young man he is today. Nowadays, he's even taller than me! I would say he's almost 6 feet tall. He has a **dark complexion** and nearly black hair, now cut into one of the trendy styles with one side of it shaved. He's **blossoming into** (changing into; like a flower) a handsome fellow (another word for boy or man).

Well, although there was a 10 year age gap in between his mother and my mother, they immediately **hit it off (liked each other immediately)** when they starting work at **a real estate agency** together 10 years ago. Their friendship continued to grow within the office until they decided to open their own **brokerage** (real estate

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về một người bạn của gia đình chúng tôi tên là Edward. Cậu ấy 16 tuổi và thông minh. Chúng tôi đã biết cậu ấy từ khi anh ấy 6 tuổi và tôi rất thích xem cách cậu ấy biến thành một chàng trai trẻ như ngày hôm nay. Ngày nay, cậu ấy thậm chí còn cao hơn tôi! Tôi có thể nói cậu ấy cao gần 6 feet. Cậu ta có **nước da ngăm đen** và mái tóc gần như đen, giờ được cắt thành một trong những kiểu thời thượng với một bên cạo. Cậu ấy **biến thành** một anh chàng đẹp trai.

Chà, mặc dù có một khoảng cách 10 tuổi giữa mẹ cậu ấy và mẹ tôi, họ ngay lập tức **thích nhau** khi họ bắt đầu làm việc tại một **công ty bất động sản** cùng nhau 10 năm trước. Tình bạn của họ tiếp tục phát triển trong văn phòng cho đến khi họ quyết định mở **công ty môi giới riêng** khoảng 4 năm sau đó. Vì vậy, gia đình của chúng tôi thân thiết nhau trong những năm qua. Chúng tôi thường

company) about 4 years later. So, our families have grown close over the years. We often have meals together, visit each other during the holidays, and even vacation together some years.

I really care for Edward because he has always been an honest, polite kid and a joy to be around. He isn't like **the typical rebellious teenager** who feels they are too cool for everything and everyone around them. He always **greet**s me with a hug and shows me a lot of respect. For this reason, I have really taken a liking to him. On another note, he is extremely hard-working and intelligent. We often **get into deep conversations** about the **underlying(hidden) meanings** of popular music hits or the history of the world- we both share a love of history. Although I'm 10 years older, I feel that Edward and I can still be friends. I **cherish (deeply appreciate)** him and always wish him the best. All in all, he is like a little brother to me.

ăn cùng nhau, thăm nhau trong những ngày lễ và thậm chí là đi nghỉ cùng nhau vài năm.

Tôi thực sự quan tâm đến Edward vì cậu ấy luôn là một đứa trẻ trung thực, lịch sự và rất vui khi được ở bên. Cậu ta không giống như **một thiếu niên nổi loạn điển hình**, người cảm thấy họ quá tuyệt vời cho mọi thứ và mọi người xung quanh. Cậu ấy luôn **chào đón** tôi bằng một cái ôm và cho tôi thấy rất nhiều sự tôn trọng. Vì lý do này, tôi đã thực sự thích cậu ấy. Một lưu ý khác, cậu ấy cực kỳ chăm chỉ và thông minh. Chúng tôi thường **tham gia vào các cuộc trò chuyện sâu sắc** về **ý nghĩa ẩn** của các bản nhạc phổ biến hoặc lịch sử thế giới - cả hai chúng tôi đều có chung tình yêu lịch sử. Mặc dù tôi 10 tuổi, tôi cảm thấy Edward và tôi vẫn có thể là bạn. Tôi **đánh giá cao** cậu ấy và luôn mong điều tốt nhất đến với cậu ấy. Nói chung, cậu ấy như một đứa em trai đối với tôi.

39- Describe a time the vehicle you were travelling in broke down.

You should say: where you were going; who you were with;

how long it took to fix the vehicle; and explain how you felt about it.

Well, there is no doubt that the invention of vehicles made our lives more convenient and comfortable. Nowadays, with the advancement of technology, distances are made much shorter since there are the various modes of transportation available such as buses, trains, bikes, and cars. Most of the time, I prefer to use my own car for traveling. Luckily, I had not faced (had) many problems

Vâng, không có nghi ngờ rằng việc phát minh ra các phương tiện làm cho cuộc sống của chúng ta thuận tiện và thoải mái hơn. Ngày nay, với sự tiến bộ của công nghệ, khoảng cách được rút ngắn hơn rất nhiều vì có nhiều phương thức vận chuyển khác nhau như xe buýt, xe lửa, xe đạp và ô tô. Hầu hết thời gian, tôi thích sử dụng ô tô của riêng mình để đi du lịch. May mắn thay, tôi đã

with my car. However, I would like to share an incident when my car was **broken down** on the side of the road while traveling.

A couple of months before, I traveled to Leeds with my husband. We started our journey full of excitement but unfortunately, when we reached the 100k mark, suddenly our car started making a strange noise. We stopped the car on the left side of the road and tried to check out (inspect) the issue. Although we didn't find any problem, the sound of the engine **was becoming louder and louder**. After a few minutes, the whole situation became worse, and we even saw smoke coming out of the engine!

This was the first time our car gave us such trouble. Luckily, my husband had a service center number in his pocket. So we called a mechanic for car repair. **By the grace of God (luckily)**, the service center was near us, so a mechanic arrived in five minutes. He checked the car's engine properly and replaced a belt as well as **the coolant**. All in all, it took an hour to repair. Finally, our car's engine started again and we felt extremely relieved to see it work properly. My feelings of frustration instantly went away. All in all, it was a smooth fix.

không phải đối mặt nhiều vấn đề với chiếc xe của tôi. Tuy nhiên, tôi muốn chia sẻ một sự cố khi xe của tôi bị **hỏng** ở bên đường khi đi du lịch.

Một vài tháng trước, tôi đi du lịch tới Leeds cùng chồng. Chúng tôi bắt đầu hành trình đầy hứng khởi nhưng thật không may, khi chúng tôi đạt mốc 100 nghìn, đột nhiên chiếc xe của chúng tôi bắt đầu phát ra tiếng động lạ. Chúng tôi dừng xe bên trái đường và cố gắng kiểm tra vấn đề. Mặc dù chúng tôi không tìm thấy bất kỳ vấn đề nào, âm thanh của động cơ **ngày càng lớn hơn**. Sau vài phút, toàn bộ tình hình trở nên tồi tệ hơn, và chúng tôi thậm chí còn thấy khói bốc ra từ động cơ!

Đây là lần đầu tiên chiếc xe của chúng tôi gặp rắc rối như vậy. May mắn thay, chồng tôi có lưu một số trung tâm dịch vụ trong túi của mình. Vì vậy, chúng tôi đã gọi một thợ sửa xe. **May mắn thay**, trung tâm dịch vụ đã ở gần chúng tôi, vì vậy một thợ máy đã đến trong năm phút. Anh ta kiểm tra động cơ xe đúng cách và thay thế dây đai cũng như **chất làm mát**. Tóm lại, phải mất một giờ để sửa chữa. Cuối cùng, động cơ xe của chúng tôi bắt đầu lại và chúng tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm khi thấy nó hoạt động tốt. Cảm giác thất vọng của tôi lập tức biến mất. Tóm lại, nó là một sự sửa chữa hoàn hảo.

40- Describe a period of time in the history of your country that you want to know more about.

You should say: when it was;

what happened during that period of time;

who played an important role in this period of time;

and explain why you want to know more about the time period

Well, my country has been through several historical events under various rulers and governments. This has led to the long and **highly fascinating (interesting)** history of my country to be written for everyone to know and benefit from. I am **fond of (like)** reading history in general, however, the most fascinating period to me is from the year 1940 to 1947. It was the last phase of the Indian independence movement while still under British rule. With this said, the British rule in India lasted for nearly two hundred years. It was in 1947 on the fifteenth of August that India **had finally gained its freedom** from **the oppressive and tyrannical** British rule.

I am fascinated in gaining knowledge about all the proceedings that took place in this period, as it's something I am most curious about. I first came across (found) information about this era in my eighth-grade history book. Since then, I have spoken to my grandparents **at length (a long time)** on this topic. They have shared stories of freedom fighters **standing up against** the British army for their rights, apart from many of their **own personal**

Vâng, đất nước của tôi đã trải qua một số sự kiện lịch sử dưới nhiều nhà cai trị và chính phủ khác nhau. Điều này đã dẫn đến lịch sử lâu dài và **rất hấp dẫn** của đất nước tôi được viết cho mọi người biết và hưởng lợi từ đó. Tôi **thích** đọc lịch sử nói chung, tuy nhiên, giai đoạn hấp dẫn nhất đối với tôi là từ năm 1940 đến 1947. Đó là giai đoạn cuối cùng của phong trào độc lập Ấn Độ khi còn dưới sự cai trị của Anh. Với điều này, sự cai trị của Anh ở Ấn Độ đã kéo dài gần hai trăm năm. Đó là vào năm 1947 vào ngày 15 tháng 8, Ấn Độ cuối cùng đã giành được tự do khỏi sự cai trị của người Anh **áp bức và chuyên chế**.

Tôi thích thú với việc thu thập kiến thức về tất cả các hoạt động diễn ra trong giai đoạn này, vì nó là một điều gì đó mà tôi tò mò nhất. Lần đầu tiên tôi bắt gặp thông tin về thời đại này trong cuốn sách lịch sử lớp tám của tôi. Kể từ đó, tôi đã nói chuyện với ông bà của tôi một **thời gian dài** về chủ đề này. Họ đã chia sẻ những câu chuyện về những người chiến đấu tự do **đứng lên chống lại** quân đội Anh vì quyền lợi của họ, ngoài các **kinh nghiệm của chính họ**

accounts (experiences) during that time. Furthermore, I have also read many books and watched various movies and documentaries on this subject to expand my knowledge even more.

All in all, this era is full of various occurrences on **a mass scale** and involves **sacrifices of innumerable** (countless) freedom fighters who gave away everything they had in order to fight the British rule. During this time, our country was divided into two separate nations, in which a new country named Pakistan **made its debut** (came into existence). In conclusion, it is indeed one of the most essential (important) periods in shaping my country's history.

trong thời gian đó. Hơn nữa, tôi cũng đã đọc nhiều sách và xem nhiều bộ phim và phim tài liệu về chủ đề này để mở rộng kiến thức của mình hơn nữa.

Nói chung, thời đại này có rất nhiều sự kiện xảy ra trên **quy mô lớn** và liên quan đến sự hy sinh của **vô số chiến binh** tự do đã cho đi tất cả những gì họ có để chống lại sự cai trị của Anh. Trong thời gian này, đất nước chúng tôi được chia thành hai quốc gia riêng biệt, trong đó một quốc gia mới có tên Pakistan **đã ra mắt**. Tóm lại, đây thực sự là một trong những giai đoạn thiết yếu nhất trong việc định hình lịch sử đất nước của tôi.

41- Describe a time you gave advice to others.

You should say:

who you gave the advice to; what advice you gave;

why this person needed your advice; and explain how useful the advice was.

I tend to have **close relationships** with my friends, and am **always eager** (ready) to help them out. I have this friend in particular who **I've grown up with** (known since children); we're pretty close. I will tell you about some serious career advice I gave him recently. Well, here's some background:

Last year he was working at an international company and doing quite well, so he was offered **a big promotion** to become a manager. However, he had also been looking for opportunities to study abroad, and had recently received an offer from **a prestigious university** around the same time he got the job offer. It was a scholarship that would cover all expenses, including tuition and accommodation, **an enviable package**. So, he was really **in a pickle** (in a difficult situation) over what to do. It was tough for him to decide whether to pursue his career or his education. So, we met up to discuss this.

When he asked for my advice, I told him that if he wanted to be successful in his field, he needed to **possess excellent qualifications**. If he didn't, there would be a limit to how far he could reach. Although this promotion may look good now, there may be **a small window (limits) for growth**. After this advice, he decided to take my advice and is now studying at Yale. All in all, he saw that pursuing his education would **pay off** (benefit) more in the future.

Tôi có xu hướng có **mối quan hệ thân thiết** với bạn bè và **luôn sẵn sàng giúp đỡ** họ. Tôi có người bạn này đặc biệt là người mà **tôi đã lớn lên cùng**; chúng tôi rất gần gũi. Tôi sẽ nói với bạn về một số lời khuyên nghề nghiệp nghiêm túc tôi đã cho anh ta gần đây. Vâng, đây là một số thông tin:

Năm ngoái anh ấy đã làm việc tại một công ty quốc tế và làm việc khá tốt, vì vậy anh ấy đã được đề nghị **một việc thăng tiến lớn** để trở thành một người quản lý. Tuy nhiên, anh cũng đã tìm kiếm cơ hội đi du học và gần đây đã nhận được lời đề nghị từ **một trường đại học danh tiếng** vào khoảng thời gian anh nhận được lời mời làm việc. Đó là một học bổng sẽ bao gồm tất cả các chi phí, bao gồm học phí và chỗ ở, **một gói tuyệt vời**. Vì vậy, anh ấy thực sự ở **trong tình huống khó khăn** khi chọn những việc cần làm. Thật khó khăn cho anh ta khi quyết định theo đuổi sự nghiệp hay học vấn. Vì vậy, chúng tôi đã gặp nhau để thảo luận về điều này.

Khi anh ấy hỏi lời khuyên của tôi, tôi nói với anh ấy rằng nếu anh ấy muốn thành công trong lĩnh vực của mình, anh ấy cần **phải có bằng cấp xuất sắc**. Nếu anh ta không có nó, sẽ có giới hạn về việc anh ta tiến xa hơn nữa. Mặc dù sự thăng tiến này có thể có vẻ tốt ngay bây giờ, nhưng có thể **có giới hạn cho sự phát triển**. Sau lời khuyên này, anh quyết định nhận lời khuyên của tôi và hiện đang học tại Yale. Tóm lại, anh ấy thấy rằng theo đuổi giáo dục của mình sẽ **được đền đáp** nhiều hơn trong tương lai.

42- Describe a piece of advice you received on your subjects or work

You should say:

What it was

Who you received it from What you did after receiving it And how you felt about it

Well, getting feedback about our performance **is simply part of life**, whether it be positive or negative. I always thought I was doing all the right things at my job, but **the assessment day** came and **turned out** (result) that I wasn't performing **up to par** (up to standards). I noticed that since my manager called me to his office and told me to close the door. "I hope this is not that serious" I said, and then he responded "we need to talk". At that very moment I realized I was doing something wrong at work. My manager started to talk to me about my performance and it was all good but the delivery time of **the financial charts** were not ideal. He gave me a great advice on how I should manage all the workload I had in order to be able to deliver the financial reports **on time**.

As soon as I left his office, I went to my desk and started to **put into practice** all the **valuable information** he gave me. After a month

Chà, nhận phản hồi về hiệu suất làm việc của chúng tôi **chỉ đơn giản là một phần của cuộc sống**, cho dù đó là tích cực hay tiêu cực. Tôi luôn nghĩ rằng tôi đang làm tất cả những điều đúng đắn trong công việc của mình, nhưng **ngày đánh giá** đã đến và **hóa ra** rằng tôi đã thực hiện **đến mức đạt tiêu chuẩn**. Tôi nhận thấy rằng kể từ khi quản lý của tôi gọi tôi đến văn phòng của anh ấy và bảo tôi đóng cửa lại. Tôi hy vọng đây không phải là vấn đề nghiêm trọng mà tôi đã nói, và sau đó anh ấy đã trả lời, chúng tôi cần nói chuyện với nhau. Ngay lúc đó tôi nhận ra mình đang làm gì đó sai trong công việc. Người quản lý của tôi bắt đầu nói chuyện với tôi về hiệu suất của tôi và tất cả đều tốt nhưng thời gian gửi của **các biểu đồ tài chính** không lý tưởng. Anh ấy đã cho tôi một lời khuyên tuyệt vời về cách tôi nên quản lý tất cả khối lượng công việc tôi có để có thể cung cấp các báo cáo tài chính **đúng hạn**.

Ngay khi rời khỏi văn phòng của anh ấy, tôi đi đến bàn của mình và **bắt đầu thực hành** tất cả **các thông tin có giá trị** mà anh ấy đã cung cấp cho tôi. Sau một tháng làm những gì anh ấy giới thiệu

of doing what he recommended me, I could clearly see the results about, I was improving at my job. I felt very relieved to be able to deliver all the financial reports on the time request or even faster than they asked me too. Thanks to his advice I was able to improve. All in all, **negative feedback** leads us to improvement!

cho tôi, tôi có thể thấy rõ kết quả, tôi đã tiến bộ trong công việc. Tôi cảm thấy rất nhẹ nhõm khi có thể cung cấp tất cả các báo cáo tài chính theo yêu cầu thời gian hoặc thậm chí nhanh hơn thời gian mà họ yêu cầu tôi. Nhờ lời khuyên của anh mà tôi đã có thể cải thiện. Tóm lại, thông tin **phản hồi tiêu cực** giúp chúng tôi để cải thiện!

Part 3

Is it better to get advice from a friend or from a family member?

I have to say that all of it depends on the experience each person has. This means if my friend has more knowledge about finance than my family, of course I will ask my friend about it. On the other hand, sometimes I avoid asking family for advice, because they can **be harsh and judgmental**, while friends tend to be more understanding. So, what I'm saying is it depends on the relationships that each person has with family/friends.

What would you say are the characteristics of a good adviser?

A good adviser must be **a neutral person** and being able to look at the problem and solve it in the best possible way without **hesitation**. Furthermore, they shouldn't let their own **bias** (preference) **creep into** (come into) **an objective situation**. So, with this said, sometimes family and friends aren't the best people to ask for advice

Phần 3

Có được lời khuyên từ một người bạn hay từ một thành viên gia đình là tốt hơn?

Tôi phải nói rằng tất cả phụ thuộc vào kinh nghiệm của mỗi người. Điều này có nghĩa là nếu bạn tôi có nhiều kiến thức về tài chính hơn gia đình tôi, tất nhiên tôi sẽ hỏi bạn tôi về điều đó. Mặt khác, đôi khi tôi tránh hỏi gia đình lời khuyên, bởi vì họ có thể **khắc nghiệt và phán xét**, trong khi bạn bè có xu hướng hiểu biết nhiều hơn. Vì vậy, những gì tôi nói là nó phụ thuộc vào mối quan hệ của mỗi người với gia đình hay bạn bè.

Bạn sẽ nói gì về đặc điểm của một cố vấn tốt?

Một cố vấn tốt phải là **một người trung lập** và có thể nhìn nhận vấn đề và giải quyết nó theo cách tốt nhất có thể mà không **do dự**. Hơn nữa, họ không nên để cho **sự thiên vị** của mình **len lỏi vào** một **tình huống khách quan**. Vì vậy, với điều này, đôi khi gia

Should people make their own work and career decisions, or is it a good idea to ask for advice about this?

It is always a good idea to ask for advice but let that be just an advice because we are the only ones who can decide about our own future. So with this said, we can't **rely too heavily on the voice of others**. We shouldn't let their words **dictate** (control) our lives, as we are the only people who have truly **lived in our own shoes** (in our own situation or position).

định và bạn bè không phải là những người tốt nhất để xin lời khuyên.

Mọi người nên tự đưa ra quyết định công việc và nghề nghiệp của mình, hay ý tưởng tốt là nên hỏi lời khuyên về điều này?

Luôn luôn là một ý tưởng tốt để hỏi lời khuyên nhưng hãy để đó chỉ là một lời khuyên bởi vì chúng ta là những người duy nhất có thể quyết định về tương lai của chính chúng ta. Vì vậy, với điều này, chúng ta có thể **phụ thuộc quá nhiều vào người khác**. Chúng ta không nên để lời nói của họ **ra lệnh** cho cuộc sống của chúng ta, vì chúng ta là những người duy nhất thực sự **sống trong hoàn cảnh của chính chúng ta**.

43- Describe a time when you used the internet to solve a problem.

You should say: what problem it was when you did this how long it took you

and explain why you used the internet to solve this problem.

I'm going to talk about this time when I needed a foreign book for my studies. I was in my senior year in university and we had this assignment that required us to find the **latest medical breakthroughs** (new information) on cancer, some of which are very hard to come by. So, I knew I needed to find this book ASAP. Apparently in order to **get access to new data** you must know the **right source** and pay some fees. I found out that the **breakthroughs** that I needed were published in a book, which was not yet for sale in my country. Moreover, even if I'd had it delivered, it would be too late by the time it arrived at **my doorstep**. I felt really **uptight** (anxious) about it, but suddenly I thought of a solution.

So, I decided to contact my **former host family** in the US to ask them to buy **a hard copy** then have the **specific information scanned** and emailed to me. It took some time but eventually I got the data in time. It was **a bit of a hassle** (something time-consuming) for my host family, so I decided to buy him a small gift in return.

Tôi sẽ nói về thời gian khi tôi cần một cuốn sách nước ngoài cho nghiên cứu của mình. Tôi đang học năm cuối đại học và chúng tôi có nhiệm vụ yêu cầu chúng tôi tìm ra **những đột phá y học mới nhất** về ung thư, một số trong đó rất khó để thực hiện. Vì vậy, tôi biết rằng tôi cần tìm cuốn sách này càng sớm càng tốt. Rõ ràng để có được quyền **truy cập vào dữ liệu mới**, bạn phải biết **đúng nguồn** và phải trả một số phí. Tôi phát hiện ra rằng **những đột phá** mà tôi cần đã được xuất bản trong một cuốn sách chưa được bán ở nước tôi. Hơn nữa, thậm chí nếu tôi nhận nó, thì sẽ quá muộn khi nó đến **trước cửa nhà tôi**. Tôi cảm thấy thực sự **căng thẳng** về nó, nhưng đột nhiên tôi nghĩ ra một giải pháp.

Vì vậy, tôi quyết định liên hệ với **gia đình chủ cũ** của tôi ở Mỹ để yêu cầu họ mua một **bản sao cứng** sau đó **quét thông tin cụ thể** và gửi qua email cho tôi. Phải mất một thời gian nhưng cuối cùng tôi đã có được dữ liệu kịp thời. Có **một chút rắc rối** cho gia đình chủ nhà của tôi, vì vậy tôi quyết định mua lại cho anh ta một món quà nhỏ.

Part 3**What influence does the internet have on people (individually), and the society?**

Well, for one, before the internet people interacted much more when **meeting up and going out** together, now you see people **glued to** (always looking at) their phone screens. **Their focus is on** their social media apps looking at what their friends and family are doing through photos and status updates, rather than actually talking to them. Communication is mostly through social media, with instant chat, **cutting the need for face to face meetings**.

On the other hand, the internet has had a positive impact on society because now we can **accomplish** much more in **a shorter time frame**. Moreover, people can access information much quicker through google for example, so it creates **a generation of well-informed people**. Because of this, I believe that our future is very bright.

Do you think libraries will disappear one day?

I think this could be a possibility, as people are beginning to think that libraries are **redundant** (unnecessary), as the information is also available online. With devices such as E-books, Kindles, Amazon, etc., it's normal to question how much longer libraries will last. For example, I never use the library because I see it **as a hassle** to have to check out the book and return it when I could just buy a used copy for next to nothing online from Amazon or borrow it from a friend. However, I still believe that a lot of people like to **utilize libraries** for **the tangible value of** holding a book in your

Phần 3**Internet có ảnh hưởng gì đến con người (cá nhân) và xã hội?**

Vâng, đối với một người, trước khi có Internet mọi người tương tác nhiều hơn khi **gặp gỡ và đi chơi cùng nhau**, bây giờ bạn thấy mọi người **dán mắt** màn hình điện thoại của họ. **Trọng tâm của họ là** các ứng dụng truyền thông xã hội của họ nhìn vào những gì bạn bè và gia đình của họ đang làm thông qua hình ảnh và cập nhật trạng thái, thay vì thực sự nói chuyện với nhau. Giao tiếp chủ yếu thông qua phương tiện truyền thông xã hội, với trò chuyện tức thì, **cắt giảm nhu cầu gặp mặt trực tiếp**.

Mặt khác, Internet đã có tác động tích cực đến xã hội bởi vì bây giờ chúng ta có thể **hoàn thành** nhiều hơn trong **một khung thời gian ngắn hơn**. Hơn nữa, mọi người có thể truy cập thông tin nhanh hơn nhiều thông qua google, vì vậy nó tạo ra **một thế hệ những người có thông tin tốt**. Vì điều này, tôi tin rằng tương lai của chúng ta rất tươi sáng.

Bạn có nghĩ rằng thư viện sẽ biến mất một ngày nào đó?

Tôi nghĩ rằng đây có thể là một khả năng, vì mọi người bắt đầu nghĩ rằng các thư viện là **dư thừa**, vì thông tin cũng có sẵn trực tuyến. Với các thiết bị như Sách điện tử, Kindles, Amazon, v.v., nó bình thường để đặt câu hỏi thư viện sẽ tồn tại bao lâu. Ví dụ, tôi không bao giờ sử dụng thư viện vì tôi thấy nó là **một rắc rối** khi phải kiểm tra sách và trả lại khi tôi có thể mua một bản sao giá rẻ trực tuyến từ Amazon hoặc mượn từ bạn bè. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng rất nhiều người thích **sử dụng các thư viện** cho **giá trị hữu hình** của việc cầm một cuốn sách trong tay và có một nơi yên

hand and having a quiet, **serene place** to study; libraries have always been **a staple** to our **academic world**. So, with all of this said, I think libraries will stay around for at least the next 20 years.

What do people use the internet for?

Pretty much everything! Nowadays, there are countless apps **at our fingertips** to accomplish all of our tasks. For example, we use the internet to do research, pay our bills, find a dating match, go shopping, make phone calls, find jobs, chat with friends, find work out videos, etc. The better question would be what we don't use the internet for nowadays. To be honest, I can't think of any area of life where we don't use the internet.

Would you say many people waste time "surfing the internet"?

For sure! Nowadays, the average person spends hours surfing the internet each day. Take me for example. My phone has recorded that I spend an average of 2-3 hours a day surfing the web on my phone, not to mention the 6 hours I'm constantly connected to it to **carry out** my work tasks. **In some respects**, it's very useful to google things that you may be curious about throughout the day, but many people spend time surfing instagram or facebook watching lives of people they don't even know, which is a 100% waste of time in my opinion.

How do you think people will be using the internet in 10 years (time)?

That's a great question! It's difficult to imagine this, but I would imagine we will continue to use it in **all the respects** that we do

tĩnh, **thanh thản** để học; thư viện luôn luôn là một **yếu tố chính** trong **thế giới học thuật** của chúng tôi. Vì vậy, với tất cả những gì đã nói, tôi nghĩ rằng các thư viện sẽ tồn tại ít nhất trong 20 năm tới.

Mọi người sử dụng Internet để làm gì?

Khá nhiều thứ! Ngày nay, có vô số ứng dụng **trong tầm tay** để hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của chúng tôi. Ví dụ: chúng tôi sử dụng Internet để nghiên cứu, thanh toán hóa đơn, tìm một cuộc hẹn hò, đi mua sắm, gọi điện thoại, tìm việc làm, trò chuyện với bạn bè, tìm ra video, v.v. Câu hỏi hay hơn là chúng tôi không sử dụng internet cho điều gì ngày nay. Thành thật mà nói, tôi không thể nghĩ về bất kỳ lĩnh vực nào trong cuộc sống mà chúng ta không nên sử dụng Internet.

Bạn có thể nói nhiều người lãng phí thời gian "lướt Internet" không?

Chắc chắn! Ngày nay, một người bình thường dành hàng giờ để lướt Internet mỗi ngày. Lấy tôi làm ví dụ. Điện thoại của tôi đã ghi lại rằng tôi dành trung bình 2-3 giờ mỗi ngày để lướt web trên điện thoại của mình, chưa kể 6 giờ tôi liên tục kết nối với nó để **thực hiện** các nhiệm vụ công việc của mình. **Ở một số khía cạnh**, nó rất hữu ích để google những thứ mà bạn có thể tò mò suốt cả ngày, nhưng nhiều người dành thời gian lướt Instagram hoặc Facebook để xem cuộc sống của những người họ thậm chí không biết, đó là một sự lãng phí 100% thời gian, theo ý kiến của tôi.

Bạn nghĩ mọi người sẽ sử dụng Internet như thế nào sau 10 năm nữa?

nowadays, but even at a more **elevated level**. For example, I've often **speculated** that we will have **hologram images** instead of video chats. On the other hand, I have a feeling that the online classroom will soon replace the traditional classroom. When it comes to the work world, I imagine that even more jobs will become remote. All in all, the world will continue to **advance technologically**

Đó là một câu hỏi tuyệt vời! Thật khó để tưởng tượng điều này, nhưng tôi sẽ tưởng tượng chúng ta sẽ tiếp tục sử dụng nó trong **tất cả các khía cạnh** mà chúng ta làm hiện nay, nhưng thậm chí ở **mức độ cao hơn**. Ví dụ, tôi đã thường **suy đoán** rằng chúng ta sẽ có **hình ảnh ba chiều** thay vì trò chuyện video. Mặt khác, tôi có cảm giác rằng lớp học trực tuyến sẽ sớm thay thế lớp học truyền thống. Khi nói đến thế giới làm việc, tôi tưởng tượng rằng thậm chí nhiều công việc sẽ trở nên tách biệt. Tóm lại, thế giới sẽ tiếp tục **tiến bộ về công nghệ**.

44- Describe a situation when you didn't have enough time

You should say:

- **when it was**
- **where you were**
- **what you tried to do or finish**
- **and explain why you didn't have enough time for it**

I'm going to tell you about a time I was **overwhelmed**. I was doing extra hours at work for **a co-worker** who was ill, so I already **had plenty on my plate** (to have a lot to do). To add to this, my friend asked me to help her out with an online project of her, which required a lot of time, energy, and research. Let me give you more details.

Well, this was just the other week actually in my hometown. She's been **a long-time friend** of mine, so I really wanted to **give her a hand**, but I simply couldn't manage it. It was **a very time-sensitive project**, so I didn't want to accept it then later give up. However, she pushed me into it so I **ended up** doing what I could of it. The thing that really **bugged** me was that she made it seem like it would be a simple activity, but it required me to research online for several hours, **not to mention** then writing out documents for about 6 hours each; there were 4 separate assignments. So, in the end, I did one assignment part of it then sent it back to her and told her she will have to make other **arrangements**.

I usually work about 40 hours a week, however, it was over 50 with my extra hours that week, so I simply didn't have much time **to spare** (extra). Actually, I don't think it would have been possible to add another 24 hours of work onto that week. Furthermore, I have to **be energetic** at my job to be able to effectively sell new products, so I definitely cannot **neglect** my sleep schedule. All in all, it was just an inconvenient time!

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về một lần tôi bị **choáng ngợp**. Tôi đã làm thêm giờ tại nơi làm việc cho **một đồng nghiệp** bị ốm, vì vậy tôi **đã có rất nhiều việc phải làm**. Để thêm vào điều này, bạn tôi đã nhờ tôi giúp cô ấy với một dự án trực tuyến của cô ấy, đòi hỏi rất nhiều thời gian, sức lực và nghiên cứu. Hãy để tôi cung cấp cho bạn thêm chi tiết.

Vâng, đây chỉ là một tuần khác thực sự ở quê tôi. Cô ấy là **một người bạn lâu năm** của tôi, vì vậy tôi **thực sự muốn giúp cô ấy một tay**, nhưng tôi đơn giản là không thể quản lý nó. Đó là **một dự án rất nhạy cảm với thời gian**, vì vậy tôi không muốn chấp nhận nó sau đó từ bỏ. Tuy nhiên, cô ấy đã đẩy tôi vào đó để **cuối cùng** tôi làm những gì tôi có thể. Điều thực sự làm tôi **khó chịu** là cô ấy làm cho nó có vẻ như là một hoạt động đơn giản, nhưng nó đòi hỏi tôi phải nghiên cứu trực tuyến trong vài giờ, **chưa kể** sau đó viết ra các tài liệu trong khoảng 6 giờ mỗi lần vì có 4 bài tập riêng. Vì vậy, cuối cùng, tôi đã thực hiện một phần nhiệm vụ của nó sau đó gửi lại cho cô ấy và nói với cô ấy rằng cô ấy sẽ phải thực hiện **các nhiệm vụ** khác.

Tôi thường làm việc khoảng 40 giờ một tuần, tuy nhiên, đã hơn 50 giờ với số giờ làm thêm của tôi trong tuần đó, vì vậy tôi chỉ đơn giản là không có nhiều thời gian **rảnh rỗi**. Trên thực tế, tôi không nghĩ rằng có thể thêm 24 giờ làm việc vào tuần đó. Hơn nữa, tôi phải **tràn đầy năng lượng** trong công việc để có thể bán sản phẩm mới một cách hiệu quả, vì vậy tôi chắc chắn không thể **bỏ bê** lịch trình giấc ngủ của mình. Nói chung, đó chỉ là một thời gian bất tiện!

--	--

45- Describe a time that you visited a friend

You should say:

- Who you visited
- What you did
- Why you visited him or her
- And explain how you felt about it

I'm going to tell you about a special trip I **embarked** (went) **on** to see a friend of mine. In October of last year, I went to visit my best friends Michael, who moved to Colorado Springs just few months before a visited. Visiting Michael was **the best excuse** to visit city I always wanted to visit but also visit a dear friend. Let me tell you about this **once in a lifetime experience**.

Colorado Springs is **a well know city** for its hot springs, those are wonderful natural hot water springs, ideal for a relaxing afternoon. Besides these, there are **snow-capped mountains lining the sky line**, and **endless forests** to discover. We spent **the weekend**

Tôi sẽ kể cho bạn nghe về một chuyến đi đặc biệt mà tôi **bắt đầu để gặp** một người bạn của tôi. Vào tháng 10 năm ngoái, tôi đã đến thăm người bạn thân nhất của tôi Michael, người đã chuyển đến Colorado Springs chỉ vài tháng trước khi đến thăm. Đến thăm Michael là **lý do tốt nhất** để đến thăm thành phố tôi luôn muốn đến thăm nhưng cũng đến thăm một người bạn thân yêu. Hãy để tôi nói với bạn về điều này **trong một kinh nghiệm cả đời**.

Colorado Springs là **một thành phố nổi tiếng** với suối nước nóng, đó là những suối nước nóng tự nhiên tuyệt vời, lý tưởng cho một buổi chiều thư giãn. Bên cạnh đó, còn có **những ngọn núi phủ tuyết dọc theo bầu trời** và **những khu rừng bất tận** để khám phá. Chúng tôi đã **dành thời gian cuối tuần đi giày tuyết** và thư giãn

snow-shoeing (hiking with special snow shoes) and relaxing at night with a nice hot spring bath. This entire adventure started as soon as I **set foot out** of the airport there!

I felt **over the moon** (extremely happy) being with him and remembering all the adventures we had when we were kids, plus the relaxing moments at the springs, there's nothing else you can ask for in your life. This was really just the right way to **make up for lost time** (catch up) with him. All in all, it was **a subliminal experience**.

vào ban đêm với bồn tắm suối nước nóng tuyệt đẹp. Toàn bộ cuộc phiêu lưu này bắt đầu ngay khi tôi **đặt chân ra khỏi** sân bay ở đó!

Tôi cảm thấy **vô cùng hạnh phúc** khi ở bên anh ấy và nhớ tất cả những cuộc phiêu lưu chúng tôi có khi còn là những đứa trẻ, cộng với những khoảnh khắc thư giãn ở suối, không có gì khác bạn có thể yêu cầu trong cuộc sống. Đây thực sự chỉ là cách đúng đắn để **bù đắp thời gian đã mất** với anh ta. Nói chung, đó là **một trải nghiệm thăng hoa**.

Part 3**Do you think that it is becoming more difficult to make friends?**

Lately it is becoming more difficult to make friends and this is caused by social media, even though technology is supposed to connect us in an easier way, makes it harder to connect **face to face**. With this said, I feel we are becoming less social, so it's more challenging to **strike up** (start) **a conversation** with a stranger. Although we can **stay in better touch** with our old friends due to social media, all in all, it has made **making lasting friendships** harder.

What do you think of making friends on the internet?

Making friends online could both, good and bad. All depends on the luck you have and what web pages or apps you use to make friends. For example, when I moved to a new city, I used MeetUp, which led me to find free yoga classes with some of the best people I could ever dream of. So, it can be **a hit or miss** (a success or a failure).

How do people in your country make friends these days?

People in my country prefer **the old fashioned way** to make friends, they prefer to gather together at public places and start talking to each other, this helps **to break the ice** (feel comfortable) easier. Since technology isn't as **widespread** in my hometown as the big cities, we still **place value on** face-to-face communication. Moreover, since my hometown is one of the safest in the country, it

Phần 3**Bạn có nghĩ rằng việc kết bạn trở nên khó khăn hơn không?**

Gần đây việc kết bạn trở nên khó khăn hơn và điều này là do phương tiện truyền thông xã hội, mặc dù công nghệ được cho là kết nối chúng ta một cách dễ dàng hơn, khiến việc **kết nối trực tiếp** trở nên khó khăn hơn. Với điều này, tôi cảm thấy chúng ta đang trở nên ít giao tiếp hơn, vì vậy, nó khó khăn hơn để **bắt đầu một cuộc trò chuyện** với một người lạ. Mặc dù chúng ta có thể **giữ liên lạc tốt hơn** với những người bạn cũ của mình nhờ vào phương tiện truyền thông xã hội, nhưng trên tất cả, điều đó đã **khiến cho tình bạn lâu dài** trở nên khó khăn hơn.

Bạn nghĩ gì về việc kết bạn trên Internet?

Kết bạn trực tuyến có thể tốt và xấu. Tất cả phụ thuộc vào sự may mắn bạn có và những trang web hoặc ứng dụng bạn sử dụng để kết bạn. Ví dụ, khi tôi chuyển đến một thành phố mới, tôi đã sử dụng MeetUp, điều này dẫn tôi đến việc tìm các lớp yoga miễn phí với một số người tốt nhất mà tôi từng mơ ước. Vì vậy, nó có thể là **một thành công hay thất bại**.

Ngày nay, làm thế nào để mọi người ở đất nước của bạn kết bạn với nhau?

Mọi người ở đất nước tôi thích **cách kết bạn cũ**, họ thích tụ tập ở những nơi công cộng và bắt đầu nói chuyện với nhau, điều này giúp **cảm thấy thoải mái dễ dàng hơn**. Vì công nghệ không **phổ biến** ở quê hương tôi như các thành phố lớn, chúng tôi vẫn **đặt coi trọng việc** giao tiếp mặt đối mặt. Hơn nữa, vì quê hương của

also makes it easier to **strike up** conversations with strangers since we can most likely trust them.

Why is it hard to maintain friendships for some people?

Nowadays is harder to maintain friendships because people have a lot of **acquaintances** (people you are friendly with), but not really real friends. They are **friends of the moment or opportunity** but not friends for life. Furthermore, people change as they get older, so it's hard for the friendship to stay the same. Lastly, since the work culture is **intense in** my country, people simply don't have much time to **keep in touch** (stay in contact).

tôi là một trong những nơi an toàn nhất trong cả nước, điều đó cũng giúp dễ dàng **bắt chuyện** với người lạ hơn vì chúng tôi rất có thể tin tưởng họ.

Tại sao khó duy trì tình bạn cho một số người?

Ngày nay khó duy trì tình bạn hơn vì mọi người có rất **nhiều người quen**, nhưng không thực sự là bạn bè. Họ là **bạn của thời điểm hoặc cơ hội** nhưng không phải là bạn suốt đời. Hơn nữa, mọi người thay đổi khi họ già đi, vì vậy, rất khó để tình bạn được giữ nguyên. Cuối cùng, vì văn hóa làm việc ở nước ta **rất mãnh liệt**, mọi người chỉ đơn giản là không có nhiều thời gian để **giữ liên lạc**.

46- Describe a historical period you are interested in

You should say:

- what the historical period is
- how you know it
- what happened during that period
- why you find it interesting

I'm going to tell you about the Spanish conquest of the Incas, as I studied Latin American History at University. Simply put, The Incas always **left me in awe** (amazed). Furthermore, this has always been an important subject to me, because the Incas made **groundbreaking** (amazing, new) **achievements in mathematics, architecture, astronomy, and art**. When I **analyze** (deeply study) the Spanish **conquest**, I reflect on **the Inca's historical significance**, which has persevered despite the loss of **the civilization**. This has **really moved** (had an emotional effect) **me**. Now that you now why I'm **fond of** (like) this, let me give you **a summary of the ins and outs** (details) of their story.

During this period, between 1532 and 1574, Spanish and Inca **nobles brutally** (bloody, cruel) fought for **dominance** in the region. The Spaniards believed that they should rule, and that their **moral beliefs were superior to the Incas**. The Incas fought to

Tôi sẽ nói với bạn về cuộc chinh phục của người Tây Ban Nha ở Inca, khi tôi học Lịch sử Mỹ Latinh tại trường Đại học. Nói một cách đơn giản, người Inca luôn khiến tôi **kinh ngạc**. Hơn nữa, đây luôn là một chủ đề quan trọng đối với tôi, bởi vì người Inca đã đạt được **những thành tựu đột phá về toán học, kiến trúc, thiên văn học và nghệ thuật**. Khi tôi **phân tích sâu** về **cuộc chinh phạt** của Tây Ban Nha, tôi suy nghĩ về **ý nghĩa lịch sử của Inca** đã kiên trì mặc dù mất **nền văn minh**. Điều này đã thực sự **có một hiệu ứng cảm xúc với tôi**. Bây giờ bạn đã biết lý do tại sao tôi **thích** điều này, hãy để tôi cung cấp cho bạn **một bản tóm tắt về các chi tiết trong và ngoài** câu chuyện của họ.

Trong thời kỳ này, giữa năm 1532 và 1574, **các quý tộc Tây Ban Nha và Inca đã tàn bạo** tranh giành quyền **thống trị** trong khu vực. Người Tây Ban Nha tin rằng họ nên cai trị, và **niềm tin đạo**

protect their home territory. However, this is **a complicated period** in history, because many **indigenous subjects** joined the Spaniards in these battles. They **saw red** (to be angry) when it came to the the Inca rule. The extra help ultimately led the Spanish to victory. I find this period fascinating because we can learn a lot from it in the present; you can clearly see **the correlation** (relationship). Many **scholars** would like to know more about the Inca past, but learn very little because **colonial** Spanish writings are often **dismissive** (don't accept) of Inca technology, and we don't have Inca writings to help us understand them better. All in all, we learn that there are tragic historical consequences of colonial conquests, and we hope to learn from them in the present.

đức của họ vượt trội so với người Inca. Người Inca đã chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ của họ. Tuy nhiên, đây là **một giai đoạn phức tạp** trong lịch sử, bởi vì **nhiều đối tượng bản địa** đã tham gia vào quân Tây Ban Nha trong các trận chiến này. Họ **đã tức giận** khi nói đến quy tắc Inca. Sự giúp đỡ thêm cuối cùng đã dẫn dắt người Tây Ban Nha đến chiến thắng. Tôi thấy giai đoạn này hấp dẫn bởi vì chúng ta có thể học được rất nhiều từ nó trong hiện tại; bạn có thể thấy rõ **mối tương quan**. **Nhiều học giả** muốn biết nhiều hơn về quá khứ của người Inca, nhưng học được rất ít vì các **tác phẩm** của Tây Ban Nha thuộc địa thường **không chấp nhận** công nghệ Inca và chúng ta không có tác phẩm của Inca để giúp chúng ta hiểu rõ hơn về chúng. Tóm lại, chúng ta biết rằng có những hậu quả lịch sử bi thảm của các cuộc chinh phạt thuộc địa, và chúng ta hy vọng sẽ học hỏi từ họ trong hiện tại.

47- Describe someone you would like to study or work with

You should say:

- **who this person is**
- **how long you have known this person**
- **what you have done together**
- **and why you you would like to study or work with this person**

I'm going to tell you about my friend Veronica. She is the type of friend that you know always has **good intentions** (kind, means well) and would never do anything to hurt you. Furthermore, she is extremely loyal, understanding, and **down to earth** (not thinking she is better than others). Even though she is **a highly educated and intelligent person**, she would never use these qualities to be **condescending** to another person.

We first met back in 2016 in **a month-long**, intensive Spanish class in Cusco, Peru. The nature of our class there was very open, causing us to share private details about our lives and even **embarrassing stories**, so this made it easier to get closer as a class. We spent 7 hours a day together in that class, along with about 10 others, so I would say we got to know each other very well. When we **broke into** (divided) **groups**, we would often work together which always went well. I felt that she was always a helpful classmate, never one to make you feel dumb for not knowing an answer. After the class, we remained close friends throughout our entire year in Cusco. During that entire time, she never did anything that **rubbed me the wrong way** (to make angry)

With all this said, this is why I would enjoy studying or working with Veronica. I feel that she would always remain **sincere, regardless of any cutthroat** (bad intentions) **workplace environment** or competitive or **prestigious** (of high class) academia. Furthermore, I feel that she would always be there to help me out, and I would never worry that she would be conniving. Lastly, I see that she is **a hard-working, dedicated person**, so that would make her an even better candidate. Since we already have some experience

Tôi sẽ nói với bạn về người bạn Veronica của tôi. Cô ấy là kiểu bạn mà bạn biết luôn có **ý định tốt** và sẽ không bao giờ làm gì để làm tổn thương bạn. Hơn nữa, cô ấy cực kỳ trung thành, hiểu biết và **không nghĩ rằng cô ấy tốt hơn những người khác**. Mặc dù cô ấy là **một người có trình độ học vấn cao và thông minh**, cô ấy sẽ không bao giờ sử dụng những phẩm chất này để **hạ mình xuống** với người khác.

Chúng tôi lần đầu tiên gặp lại nhau vào năm 2016 trong một lớp học tiếng Tây Ban Nha chuyên sâu **kéo dài một tháng** ở Cusco, Peru. Bản chất của lớp chúng tôi ở đó rất cởi mở, khiến chúng tôi chia sẻ chi tiết riêng tư về cuộc sống của chúng tôi và **những câu chuyện đáng xấu hổ**, vì vậy điều này giúp việc đến gần với lớp dễ dàng hơn. Chúng tôi đã dành 7 giờ một ngày cùng nhau trong lớp học đó, cùng với khoảng 10 người khác, vì vậy tôi sẽ nói rằng chúng tôi đã hiểu nhau rất rõ. Khi chúng tôi **chia thành các nhóm**, chúng tôi thường sẽ làm việc cùng nhau, điều này luôn diễn ra tốt đẹp. Tôi cảm thấy rằng cô ấy luôn là một người bạn cùng lớp hữu ích, không bao giờ là người khiến bạn cảm thấy ngớ ngẩn vì không biết câu trả lời. Sau lớp học, chúng tôi vẫn là những người bạn thân thiết suốt cả năm ở Cusco. Trong suốt thời gian đó, cô ấy không bao giờ **làm điều gì sai trái** với tôi.

Với tất cả những gì đã nói, đây là lý do tại sao tôi thích học hoặc làm việc với Veronica. Tôi cảm thấy rằng cô ấy sẽ luôn **luôn chân thành, bất kể môi trường nơi làm việc căng cổ** hay học viện cạnh tranh hoặc của **tầng lớp cao hơn**. Hơn nữa, tôi cảm thấy rằng cô ấy sẽ luôn ở đó để giúp đỡ tôi, và tôi sẽ không bao giờ lo lắng rằng cô ấy sẽ thâm hiểm. Cuối cùng, tôi thấy rằng cô ấy là **một người**

as classmates and even more as friends, this is why I chose to talk about her.

chăm chỉ, tận tụy, vì vậy điều đó sẽ khiến cô ấy trở thành một ứng cử viên thậm chí còn tốt hơn. Vì chúng tôi đã có một số kinh nghiệm là bạn cùng lớp và thậm chí nhiều hơn là bạn bè, đây là lý do tại sao tôi chọn nói về cô ấy.

48- Describe a place where you read and write (not your home).

You should say:

Where it is

How often you go there

Who you go there with

And explain how you feel about it

Well, there is a cabin I like to go every time I feel like writing or reading. It **is located up in** the North side of West Vancouver. Wonderful place, usually cover by snow throughout the whole year. **That sensation of escape and freedom** that this cabin gives me, makes me want to write and read. Just being there sitting by **the chimney** with a cup of chocolate, is one of the most **relaxing sensations** you ever imagine. I even like to **draw a hot bubble bath** and read in. **I frequent** this place at least once a month and stay there for at least 2 days. We usually like to go in fall before it's too **iced over**, but really any time of year is **delightful**. I tend to go with my wife most of the times but I also enjoy it going by myself. I imagine we will bring our kids there once we have them, too. I can imagine them playing there by the lake and building lego houses inside.

The power of creating by writing or inspiring by reading, makes feel like I belong to that little cabin. It **tweaks** (changes) **a certain creative flow** in me. It's a place I will **pass down generation to generation**. In conclusion, I just love that place.

Chà, có một nhà gỗ nhỏ tôi thích đi mỗi khi tôi cảm thấy muốn viết hoặc đọc. Nó **nằm ở** phía Bắc của West Vancouver. Nơi tuyệt vời, thường được bao phủ bởi tuyết trong suốt cả năm. **Cảm giác trốn thoát và tự do** mà nhà gỗ nhỏ này mang lại cho tôi, khiến tôi muốn viết và đọc. Chỉ cần ngồi đó bên **ống khói** với một cốc sô cô la, là một trong những **cảm giác thư giãn** nhất mà tôi từng tưởng tượng. Tôi thậm chí thích xây một bồn tắm bong bóng nóng và đọc ở đó. **Tôi thường xuyên** ở nơi này ít nhất một lần một tháng và ở đó ít nhất 2 ngày. Chúng tôi thường thích đi vào mùa thu trước khi nó **đóng băng**, nhưng thực sự bất kỳ thời gian nào trong năm cũng **rất thú vị**. Tôi có xu hướng đi với vợ hầu hết thời gian nhưng tôi cũng thích đến đó một mình. Tôi tưởng tượng chúng tôi sẽ đưa bọn trẻ đến đó một khi chúng tôi có con. Tôi có thể tưởng tượng chúng chơi ở đó bên hồ và xây dựng những ngôi nhà lego bên trong.

Sức mạnh của việc tạo ra bằng cách viết hoặc truyền cảm hứng bằng cách đọc, tạo cảm giác như tôi thuộc về căn nhà gỗ nhỏ đó. Nó **điều chỉnh một luồng sáng tạo nhất định** trong tôi. Đó là một nơi tôi sẽ **truyền lại cho thế hệ sau**. Tóm lại, tôi rất thích nơi đó.

Part 3**Is there a completely quiet place?**

Yes, there are a lot of quiet places, like lakes or mountains, where you can and feel like you are all alone and **in the middle of nowhere**. Most of these places are located far into **remote forests** or **in the middle of deserts**. Actually, I don't often visit places like this, but I've always seen them in films.

What are some of the advantages of quiet places?

Quiet places allow you to think and relax, maybe you have important decision to make or problems to deal with. A quiet place is always **a good spot** to find the answer. Furthermore, they are places where you have time to focus on creative activities, such as reading or writing.

What kinds of places do people want to go to when they want to be alone?

People want to be alone because they do not want to **be bothered**, so they can go to their room, or use this feeling to have new adventures like small walks or **hikes to places** they've never been before. Furthermore, they may **take a brisk walk** in the

Phần 3**Có một nơi hoàn toàn yên tĩnh không?**

Vâng, có rất nhiều nơi yên tĩnh, như hồ hoặc núi, nơi bạn có thể và cảm thấy như bạn đang ở một mình và **ở giữa hư không**. Hầu hết những nơi này nằm xa trong **rừng xa** hoặc **giữa sa mạc**. Thật ra, tôi không thường xuyên đến những nơi như thế này, nhưng tôi đã luôn thấy chúng trong các bộ phim.

Một số lợi thế của những nơi yên tĩnh là gì?

Những nơi yên tĩnh cho phép bạn suy nghĩ và thư giãn, có thể bạn có quyết định quan trọng để đưa ra hoặc giải quyết vấn đề. Một nơi yên tĩnh luôn là **một nơi tốt** để tìm câu trả lời. Hơn nữa, chúng là nơi bạn có thời gian tập trung vào các hoạt động sáng tạo, chẳng hạn như đọc hoặc viết.

Những nơi nào mọi người muốn đi đến khi họ muốn ở một mình?

Mọi người muốn ở một mình vì họ không muốn **bị làm phiền**, vì vậy họ có thể vào phòng của họ, hoặc sử dụng cảm giác này để có những cuộc phiêu lưu mới như đi bộ ngắn hoặc **đi bộ đến những nơi** họ chưa từng đến trước đây. Hơn nữa, họ có thể **đi bộ nhanh** ở vùng nông thôn, cánh đồng, rừng, v.v ... Trong **thế giới hỗn loạn** này, bạn vẫn có thể tìm thấy những nơi như thế.

countryside, a field, a forest, etc. In this **chaotic** (stressful) **world**, you can still find places like that.

What places, in your opinion, can be considered as peaceful places?

In my opinion, a peaceful place is a place where there is few or no people, a place that will allow to think and relax a little bit. With this said, usually beaches, mountains, open fields, forests, and lakes **usually carry this kind of feeling.**

Lastly, my bedroom is this kind of place, as it's located **in the loft** (top part) of my house.

Do you think that cities will become noisier in the future?

I don't think that cities will get noisier, **on the contrary**, they will get quieter. This because new technologies will allow **quieter environments**, even in **crowded areas**. Certain technologies such as **soundproof** (block sound) **walls and windows** certainly help with this problem. Furthermore, due to **urban planning**, **uninhabited areas** will be built upon to make sure that cities don't become **overcrowded**.

Những nơi nào, theo ý kiến của bạn, có thể được coi là nơi yên bình?

Theo tôi, một nơi yên bình là một nơi có ít hoặc không có người, một nơi sẽ cho phép suy nghĩ và thư giãn một chút. Như đã nói, thông thường các bãi biển, núi, cánh đồng mở, rừng và hồ **thường mang cảm giác này.**

Cuối cùng, phòng ngủ của tôi là nơi như thế này, vì nó **nằm trên gác xép** của nhà tôi.

Bạn có nghĩ rằng các thành phố sẽ trở nên ồn ào hơn trong tương lai?

Tôi không nghĩ rằng các thành phố sẽ ồn ào hơn, ngược lại, chúng sẽ yên tĩnh hơn. Điều này bởi vì các công nghệ mới sẽ cho phép **môi trường yên tĩnh hơn**, ngay cả trong **khu vực đông đúc**. Một số công nghệ như **tường và cửa sổ cách âm chắc chắn** giúp giải quyết vấn đề này. Hơn nữa, do **quy hoạch đô thị**, **các khu vực không có người ở** sẽ được xây dựng để đảm bảo rằng các thành phố không trở nên **quá đông đúc**.

49- Describe a film you would like to share with your friend.

You should say:

What it is

Where you watched it

Who you watched it with

And why you want to share it with your friend

Well, there are a few films that can actually **catch my attention**, one of those being the "Green Planet". It is two hours of action being taken to save the planet. I first watched this film alone, and have since shared it with my family members and friends.

This award winning film helped me to have **a very conscious mind about** food and **trash reduction**. That is why every time I have a new friend coming to my house, I show them the film and at the end of it, we discuss it. So, this movie has been very **transformative** not only to my own life, but also in the lives of my family and friends.

I decided to share it with my friends because the director has **an unmatched way of explaining it in a way that everyone can understand**. Furthermore, he uses stories in the film that **undeniably** make the viewer feel **empathy** about the planet. In conclusion, this film is **one of a kind** (unique).

Chà, có một vài bộ phim thực sự có thể **thu hút sự chú ý của tôi**, một trong số đó là "The Green Planet". Phim về thực hiện hành động trong hai giờ để cứu hành tinh. Lần đầu tiên tôi xem phim này một mình, và kể từ đó đã chia sẻ nó với các thành viên gia đình và bạn bè của tôi.

Bộ phim giành giải thưởng này đã giúp tôi **có một ý thức rất tỉnh táo về** thực phẩm và **giảm rác**. Đó là lý do tại sao mỗi khi tôi có một người bạn mới đến nhà tôi, tôi cho họ xem bộ phim và cuối phim, chúng tôi thảo luận về nó. Vì vậy, bộ phim này đã **biến đổi** không chỉ với cuộc sống của tôi, mà còn trong cuộc sống của gia đình và bạn bè của tôi.

Tôi quyết định chia sẻ nó với bạn bè vì đạo diễn có **cách giải thích không thể so sánh được theo cách mà mọi người đều có thể hiểu được**. Hơn nữa, anh sử dụng những câu chuyện trong phim **không thể phủ nhận** khiến người xem cảm thấy **đồng cảm** về hành tinh này. Tóm lại, bộ phim này là **thật độc đáo**.

Part 3**Which kinds of films are popular in your country?**

In my country, action movies are most popular, as we love the way people solve their problems in **a very fanciful way**. We always **crave** movies of people hanging off a plane or saving the planet, maybe to **add color to our lives**.

Sometimes I wish that **fantasy** was all true!

Why do you think people like watching films?

People like watching films because they **feel part of the story**, they feel like they're saving the world and **conquering** a new galaxy, this is what makes it so special. Furthermore, it is a way to **pass time to unwind** (relax) by ourselves, and even spend time with others. But still, all in all, it's a great escape from **the ordinary world**.

Do you think films have changed since you were a child? How?

Films have developed so much lately, in particular the fantasy films, **the level of detail makes them look so realistic**. I can remember that films were very **unrealistic** during my childhood, which even make me laugh looking back now. For example, the movie IT is

Phần 3**Những loại phim phổ biến ở nước bạn?**

Ở nước tôi, phim hành động là phổ biến nhất, vì chúng tôi yêu cách mọi người giải quyết vấn đề của họ **một cách rất huyền ảo**. Chúng ta luôn **khao khát** những bộ phim về những người treo máy bay hoặc cứu hành tinh, có thể **để thêm màu sắc cho cuộc sống của chúng ta**.

Đôi khi tôi ước rằng **sự tưởng tượng** đó là tất cả sự thật!

Tại sao bạn nghĩ rằng mọi người thích xem phim?

Mọi người thích xem phim vì họ **cảm thấy là một phần của câu chuyện**, họ cảm thấy như họ đang cứu thế giới và **chinh phục** một thiên hà mới, đây là điều khiến nó trở nên đặc biệt. Hơn nữa, đó là **một cách để vượt qua thời gian để thư giãn** một mình và thậm chí dành thời gian cho người khác. Tuy nhiên, tóm lại, đó là một lối thoát tuyệt vời từ **thế giới bình thường**.

Bạn có nghĩ phim đã thay đổi từ khi bạn còn nhỏ không? Bằng cách nào?

Phim đã phát triển rất nhiều thời gian gần đây, đặc biệt là các bộ phim giả tưởng, **mức độ chi tiết khiến chúng trông rất thật**. Tôi có thể nhớ rằng những bộ phim **rất phi thực tế** trong thời thơ ấu của tôi, điều này thậm chí còn khiến tôi cười khi xem lại bây giờ. Ví

comical now due to **the outdated technology**. Furthermore, I think films have become more **psychological and terrifying**.

As the technology for home viewing improves, do you think people will stop going to the cinema in future?

I don't think it will stop people from going to the cinemas. This is due to quality of sounds and images also, going to the cinema is **the whole experience by itself**. I think there will always be **a certain charm** about the cinema, whether it's a date on a rainy date or a family activity to do. Perhaps more people watch movies on their big screens in their TV nowadays, but they still go to the cinema quite frequently

dụ, bộ phim IT bây giờ là hài hước do **công nghệ lỗi thời**. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng các bộ phim đã trở nên **tâm lý và đáng sợ hơn**.

Khi công nghệ xem phim tại nhà được cải thiện, bạn có nghĩ mọi người sẽ ngừng đến rạp chiếu phim trong tương lai không?

Tôi không nghĩ rằng nó sẽ ngăn mọi người đi đến rạp chiếu phim. Điều này là do chất lượng của âm thanh và hình ảnh, đi đến rạp chiếu phim là **toàn bộ trải nghiệm của chính nó**. Tôi nghĩ rằng sẽ luôn có **một sự quyến rũ nhất định** về rạp chiếu phim, cho dù đó là một cuộc hẹn hò vào một ngày mưa hay thực hiện hoạt động gia đình. Có lẽ ngày nay nhiều người xem phim trên màn hình lớn trên TV của họ, nhưng họ vẫn đến rạp khá thường xuyên.

50- Describe a situation when you celebrated your achievement.

You should say:

What you did

When you celebrated it Who you celebrated it with And how you felt about it

After four years of **sleepless nights** and hard work, it was time for my graduation from college. All of my closest family members came to **the dry, dull ceremony** and then we would **go out afterwards**. Still, we were so excited about the ceremony graduation but I was more excited about what was coming after it, the celebration. Let me tell you how we celebrated.

For special celebrations we **pick a fine dining restaurant**, actually, one of the best in town. So after the ceremony we **went straight** (directly) to this restaurant and enjoyed one of the best Italian food you can ever try. I had a lasagna, that is my favorite meal. I felt so good after eating it but also I **had a sense of relief** after my graduation was done. My family also chose their favorite Italian dishes to celebrate **on my behalf**.

It was one of **the biggest milestones** in my life finally completed. I felt so **relieved** that all my hard work would then **pay off** (be worth it). Although I was excited for myself, it was **the icing on the cake** (something special on top of something special) to spend it with my family. All in all, it was an unforgettable day.

Sau bốn năm **mất ngủ** và làm việc chăm chỉ, đã đến lúc tôi tốt nghiệp đại học. Tất cả các thành viên gia đình thân thiết nhất của tôi đã đến **buổi lễ khô khan và buồn tẻ** và sau đó chúng tôi **sẽ đi ra ngoài**. Tuy nhiên, chúng tôi rất vui mừng về lễ tốt nghiệp nhưng tôi đã hào hứng hơn về những gì sắp diễn ra sau đó, lễ kỷ niệm. Hãy để tôi nói cho bạn biết chúng tôi đã ăn mừng như thế nào.

Đối với các lễ kỷ niệm đặc biệt, chúng tôi **chọn một nhà hàng ăn ngon**, thực sự là một trong những nơi tốt nhất trong thị trấn. Vì vậy, sau buổi lễ, chúng tôi **đã đi thẳng** đến nhà hàng này và thưởng thức một trong những món ăn Ý ngon nhất mà bạn có thể thử. Tôi đã có một món lasagna, đó là bữa ăn yêu thích của tôi. Tôi cảm thấy rất tốt sau khi ăn nó nhưng tôi cũng có cảm giác nhẹ nhõm sau khi tốt nghiệp xong. Gia đình tôi cũng chọn các món ăn Ý yêu thích của họ để ăn mừng **thay cho tôi**.

Đó là một trong những cột mốc lớn nhất trong cuộc đời tôi cuối cùng đã hoàn thành. Tôi cảm thấy rất **nhẹ nhõm** vì tất cả công việc khó khăn của tôi sau đó sẽ được **đền đáp**. Mặc dù bản thân tôi rất hào hứng, nhưng **đó chỉ là một trong số nhiều sự kiện đặc**

biệt để trải qua cùng gia đình tôi. Nói chung, đó là một ngày khó quên

Part 3

Do you think that it's important for people to celebrate their achievements?

Celebrating an achievement is important for people because **it gives us a better sense of purpose and meaning**. When we don't celebrate, sometimes people **lose incentive** (motivation) to try hard at something. Furthermore, it makes it even more exciting to celebrate an achievement with family and friends. With this said, I usually celebrate with a dinner with my family.

Why do you think some people prefer not to tell others about their achievements?

Some people might not like to tell others about their **achievements** because people might **take it offensively** (annoyingly) or **feel inferior** (lower). Moreover, some people are very **humble** and simply don't like to **brag** (boast) about their **accomplishments**.

Phần 3

Bạn có nghĩ rằng điều quan trọng đối với mọi người là ăn mừng thành tích của họ?

Kỷ niệm một thành tựu là quan trọng đối với mọi người vì **nó cho chúng ta ý thức tốt hơn về mục đích và ý nghĩa**. Khi chúng ta không ăn mừng, đôi khi mọi người **mất động lực** để cố gắng hết sức vào việc gì đó. Hơn nữa, thậm chí còn thú vị hơn để ăn mừng một thành tích với gia đình và bạn bè. Do đó, tôi thường ăn mừng trong một bữa tối với gia đình.

Tại sao bạn nghĩ rằng một số người không muốn nói với người khác về thành tích của họ?

Một số người có thể không muốn nói với người khác về **thành tích** của họ vì mọi người có thể coi **cảm thấy khó chịu** hoặc **cảm thấy thấp kém**. Hơn nữa, một số người rất **khiêm tốn** và chỉ đơn giản là không thích **khoe khoang** về **thành tích** của họ. Cuối cùng, có

Lastly, maybe people have **low self-esteem** so they don't even recognize their own accomplishments.

What events do people in your country like to celebrate?

In my country we like to celebrate all the birthdays of all of our relatives, mainly the closest ones. Although many cultures tend to forget birthdays as they get older, my country certainly doesn't. Along with these, we celebrate all of **the widely accepted** Christian holidays, such as Christmas and Easter.

thể mọi người có **lòng tự trọng thấp** nên họ không thể nhận ra thành tích của mình.

Những sự kiện nào người dân nước bạn muốn ăn mừng?

Ở đất nước tôi, chúng tôi muốn tổ chức sinh nhật cho tất cả những người thân của chúng tôi, chủ yếu là những người thân nhất. Mặc dù nhiều nền văn hóa có xu hướng quên sinh nhật khi họ già đi, đất nước tôi chắc chắn không có. Cùng với những điều này, chúng tôi kỷ niệm tất cả các ngày lễ Kitô giáo **được chấp nhận rộng rãi**, chẳng hạn như Giáng sinh và Phục sinh.